

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

1. Triết học Mác - Lênin	1
2. Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin.....	12
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	19
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	28
5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	42
6. Pháp luật đại cương	48
7. Kỹ năng mềm.....	55
8. Quản trị học	61
9. Tiếng anh 1	70
10. Tiếng anh 2	81
11. Tiếng Anh 3	88
12. Toán cao cấp	95
13. Tin học đại cương	101
14. Lịch sử kinh tế	108
15. Tài chính – Tiền tệ.....	115
16. Kinh tế vi mô	126
17. Kinh tế vĩ mô	135
18. Kinh tế tài nguyên và môi trường.....	141
19. Nguyên lý thống kê kinh tế.....	146
20. Quản trị kinh doanh	154
21. Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.....	161
22. Quản trị dự án đầu tư	171
23. Thống kê doanh nghiệp	178
24. Nguyên lý thẩm định giá	187
25. Nguyên lý kế toán.....	194
26. Phân tích kinh doanh	204
27. Kế toán công	211
28. Kế toán ngân hàng	220
29. Lý thuyết kiểm toán.....	230
30. Hệ thống thông tin kế toán	236
31. Kế toán máy	242
32. Đạo đức nghề nghiệp	250
33. Tiếng Anh chuyên ngành.....	257
34. Kế toán quản trị 1	265
35. Kế toán quản trị 2	274
36. Kế toán tài chính 1	281
37. Kế toán tài chính 2.....	290
38. Phân tích Báo cáo tài chính	300

39. Kiểm toán tài chính.....	307
40. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp.....	313
41. Kiến tập nghề nghiệp.....	319
42. Tài chính doanh nghiệp.....	323
43. Kế toán quốc tế.....	332
44. Thương mại điện tử.....	339
45. Kế toán chi phí.....	348
46. Thuế và kế toán thuế.....	355
47. Thực hành nghề nghiệp.....	363
48. Kiểm toán hoạt động.....	367
49. Kiểm toán môi trường.....	377
50. Thực hành nghề nghiệp.....	383
51. Thực tập tốt nghiệp.....	387
52. Khóa luận tốt nghiệp.....	394
53. Hệ thống chuẩn mực kế toán.....	398
54. Mô phỏng nghiệp vụ kế toán.....	402
55. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán.....	409
56. Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán.....	414

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Triết học Mác - Lênin**
 - * Tiếng Anh: **Philosophy of Marxism Leninism**
- Mã học phần: LCML2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày và phân tích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin
 - + Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin
- Về kỹ năng: Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác -Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình triết học Mác-Lênin* trình độ đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Triết học Mác- Lênin (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.N
2. Nguyễn Văn Sanh, *Hỏi đáp về thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác- Lênin: Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện.*Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
4. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	07		03	10	20	Đọc TLC chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	4		2	6	12	
1. Khái lược về triết học <i>a. Nguồn gốc triết học</i> <i>b. Khái niệm triết học</i> <i>c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử</i> <i>d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan</i>	1			1	2	
2. Vấn đề cơ bản của triết học <i>a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học</i> <i>b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</i> <i>c. Thuyết có thể biết (Thuyết Khả tri) và thuyết không thể biết</i>	2		2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>(Thuyết Bất khả tri)</i>						
3. Biện chứng và siêu hình <i>a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử</i> <i>b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</i>	1			1	2	
II. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội	3		1	4	8	
1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin <i>a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác</i> <i>b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác</i> <i>c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện</i> <i>d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác</i>	1		1	2	4	
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin <i>a. Khái niệm triết học Mác - Lênin</i> <i>b. Đối tượng của triết học Mác – Lênin</i> <i>c. Chức năng của triết học Mác - Lênin</i>	1			1	2	
3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>Nam hiện nay</p> <p>a. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn</p> <p>b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.</p> <p>c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p>						
Chương 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	12		6	18	36	
I. Vật chất và ý thức	3		1	4	8	Đọc TLC chương 2, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<p>1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất</p> <p>b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình</p>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>về vật chất</p> <p>c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất</p> <p>d. Các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>e. Tính thống nhất vật chất của thế giới</p>						
<p>2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>a. Nguồn gốc của ý thức</p> <p>b. Bản chất của ý thức</p> <p>c. Kết cấu của ý thức</p>	1			1	2	
<p>3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</p> <p>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng</p>	1		1	2	4	
II. Phép biện chứng duy vật	6		3	9	18	
<p>1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan</p> <p>b. Khái niệm phép biện chứng duy vật</p>	1			1	2	
<p>2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật</p> <p>b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p>	5		3	8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</i>						
III. Lý luận nhận thức	3		2	5	10	
1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng	0.5			0.5	1	
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	0.5		1	3.5	3	
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	1		1	2	4	
4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức	0.5			0.5	1	
5. Tính chất của chân lý	0.5			0.5	1	
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	11		5	16	32	
I. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội	3		2	5	10	Đọc TLC chương 3, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội	0.5			0.5	1	
2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất <i>a. Phương thức sản xuất</i> <i>b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i>	1		1	2	4	
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội <i>a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i> <i>b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>kiến trúc thượng tầng của xã hội</i>						
4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên <i>a. a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</i> <i>b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người</i> <i>c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng</i>	0.5		1	1.5	3	
II. Giai cấp và dân tộc	2			3	6	
1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp <i>a. Giai cấp</i> <i>b. Đấu tranh giai cấp</i> <i>c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản</i>	1			1	2	
2. Dân tộc <i>a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</i> <i>b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay</i>	0.5			0.5	1	
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại <i>a. Quan hệ giai cấp- dân tộc</i> <i>b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại</i>	0.5			0.5	1	
III. Nhà nước và cách mạng xã hội	2			2	4	
1. Nhà nước <i>a. Nguồn gốc của nhà nước</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>b. Bản chất của nhà nước</i> <i>c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước</i> <i>d. Chức năng cơ bản của nhà nước</i> <i>e. Các kiểu và hình thức nhà nước</i>						
2. Cách mạng xã hội <i>a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội</i> <i>b. Bản chất của cách mạng xã hội</i> <i>c. Phương pháp cách mạng</i> <i>d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay</i>	1			1	2	
IV. Ý thức xã hội	2		1	3	6	
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội <i>a. Khái niệm tồn tại xã hội</i> <i>b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</i>	1			1	2	
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội <i>a. Khái niệm ý thức xã hội</i> <i>b. Kết cấu của ý thức xã hội</i> <i>c. Tính giai cấp của ý thức xã hội</i> <i>d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</i> <i>e. Các hình thái ý thức xã hội</i>	1		1	2	4	
V. Triết học về con người	2		2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1. Khái niệm con người và bản chất con người</p> <p>a. Con người là thực thể sinh học - xã hội</p> <p>b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người</p> <p>c. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử</p> <p>d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội</p>	0.5			0.5	1	
<p>2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người</p> <p>a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa</p> <p>b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức</p> <p>c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người</p>	0.5		1	1.5	3.0	
<p>3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.</p> <p>a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</p> <p>b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</p>	0.5			0.5	1.0	
4. Vấn đề con người trong sự	0.5		1	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nghiệp cách mạng ở Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30		15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: **Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin**
- * Tiếng Anh: **Marxist-Leninist Political Economy**
- Mã học phần: LCML2102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của Kinh tế chính trị Mác – Lê nin.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

+ NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin
- Chương 2,3,4 trình bày các nội dung về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và sự vận động của các vấn đề đó trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.
- Chương 5, 6 trình bày những nội dung về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Kinh tế chính trị (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin: Dành cho các khối ngành không chuyên Kinh tế- Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

4. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>

Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thựchành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊN NIN	2				2	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 1
1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác Lênin.	0.5			0,5	1	
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin Hàng hoá 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê nin Tiền tệ <i>1.3.1. Chức năng nhận thức</i> <i>1.3.2. Chức năng tư tưởng</i> <i>1.3.3. Chức năng thực tiễn</i> <i>1.3.4. Chức năng phương pháp luận</i>	0,5			0,5	1	
Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG	4		2	6	30	- Đọc TLC chương 2 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 2
2.1. Lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa <i>2.1.1. Sản xuất hàng hóa</i> <i>2.1.2. Hàng hóa</i> <i>3.1.3. Tiền</i> <i>3.1.4. Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt</i>	2		1	3	6	
2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường <i>2.2.1. Thị trường</i> <i>2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường</i>	2		1.0	3	6	
Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5		2	7	14	- Đọc TLC chương 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 2,
3.1. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư <i>3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư</i> <i>3.1.2. Bản chất giá trị thặng dư</i> <i>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa</i>	2,0		1.0	3.0	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy tư bản	1,5		0,5	2	4	số 3
3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	1,5		0,5	2	4	
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	3		1	4	8	- Đọc TLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Độc TLĐT số 3
4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	1			1	2	
4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của Lê Nin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.2. Lý luận của Lê Nin về độc quyền nhà nước trong CNTB	2		1	3	6	
Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Độc TLĐT số 3
5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i>						
5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam <i>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i>	1		0.5	1.5	3	
5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam <i>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</i> <i>5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích</i>	1		1.0	2	4	
Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 6
6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam <i>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</i> <i>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</i> <i>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4</i>	1,5		1	2,5	5	- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 3
6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>6.2.1. Khái niệm và các nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</i>	1.5		1	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- * Tiếng Anh: **Science socialism**
- Mã môn học: LCML2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị học Mác – Lênin.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Trịnh Quốc Tuấn, *Giáo trình Chủ nghĩa Xã Hội Khoa học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	2			2	4	
1. Sự ra đời của Chủ nghĩa Xã hội khoa học <i>1.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>1.2 Vai trò của Các Mác và Phridrich Ăngghen</i>	1			1	2	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>2.1 Các Mác và Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>2.2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</i> <i>2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học khi Lênin qua đời đến nay</i>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3. Đối tượng, phương pháp ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.1 Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.2 Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.3. Ý nghĩa việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	0.5			0.5	1	
Chương 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	3		1	4	8	
1. Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.3 Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	1			1	2	- Đọc TLC chương 2 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.1 Giai cấp công nhân hiện nay 2.2 Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.3 Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 3.1 Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng 3.3 Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	1			1	2	
Chương 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		1	4	8	
1. Chủ nghĩa xã hội 1.1 Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội công sản chủ nghĩa 1.2 Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội 1.3 Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội	1			1	2	- Đọc TLC chương 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội 2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1			1	2	
3. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay						
Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		1	4	8	
1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 1.1. Dân chủ và sự ra đời phát triển của dân chủ 1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	1			1	2	- Đọc TLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Nhà Nước Xã hội chủ nghĩa 2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	1			1	2	
3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.2. Nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1		1	2	4	
Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	2		2	4	8	- Đọc TLC chương 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo
1. Cơ cấu xã hội – giai cấp	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p><i>1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</i></p> <p><i>1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i></p>						hướng dẫn của giảng viên
<p>2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	0.5			0.5	1	
<p>3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>3.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p><i>3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p>	0.5		1	1.5	3	
<p>Chương 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p>	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<p>1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>1.1 Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc</i></p>	1			1	2	thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam						
2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay	1		1	2	4	
3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	1		1	2	4	
Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	4		2	6	12	
1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 1.1. Khái niệm gia đình 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 1.3. Chức năng cơ bản của gia đình	1			1	2	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Cơ sở kinh tế xã hội 2.2. Cơ sở chính trị - xã hội	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Cơ sở văn hóa						
2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ						
3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Na, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2		1	3	6	
3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: **LCTT2104**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết / học trước: Triết học Mác – Lê nin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/ tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị((Theo Quyết định số 4980/ QĐ - BGDĐT, ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- 1.GS.Song Thành (2016), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Thế giới.
- 2.GS. Song Thành (2012), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
- 3.Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẫu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh <i>a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học</i> <i>b. Thống nhất lý luận và thực tiễn</i> <i>c. Quan điểm lịch sử- cụ thể</i> <i>d. Quan điểm toàn diện và hệ thống</i> <i>e. Quan điểm kế thừa và phát triển</i> 2. Một số phương pháp cụ thể	1			1	2	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.</p> <p>1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận.</p> <p>2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.</p> <p>3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p>						
Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3		1	4	8	
<p>I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Cơ sở thực tiễn</p> <p><i>a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i></p> <p><i>b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i></p> <p>2. Cơ sở lý luận</p> <p><i>a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i></p> <p><i>b. Tinh hoa văn hóa nhân loại</i></p> <p><i>c. Chủ nghĩa Mác-Lênin</i></p> <p>3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p><i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i></p> <p><i>b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận.</i></p>	1	1		2	4	<p>Đọc TLC</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Thời kỳ từ ngày 5-6-1911 trở về trước: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới.</p> <p>2. Thời kỳ từ ngày 6-6-1911 đến ngày 30-12-1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.</p> <p>3. Thời kỳ từ ngày 31-12-1920 đến ngày 3-2-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</p> <p>4. Thời kỳ từ ngày 4-2-1930 đến ngày 28-1-1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo.</p> <p>5. Thời kỳ từ ngày 29-1-1941 đến ngày 2-9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.</p> <p>III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Đối với cách mạng Việt Nam</p> <p><i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.</i></p> <p><i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách</i></p>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p><i>mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay.</i></p> <p>2. Đối với sự phát triển tiên bộ của nhân loại.</p> <p><i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội.</i></p> <p><i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.</i></p>						
Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.	5		2	7	14	
<p>I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC</p> <p>1. Vấn đề độc lập dân tộc</p> <p><i>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.</i></p> <p><i>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân</i></p> <p><i>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để.</i></p> <p><i>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.</i></p> <p>2. Về cách mạng giải phóng dân tộc.</p> <p><i>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</i></p>	2		1	3	6	<p>Đọc TLC</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo.</p> <p>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng.</p> <p>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.</p> <p>e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng.</p> <p>II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p>b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan.</p> <p>c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa.</p>	2		1	3	6	
<p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p><i>b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</i></p> <p>3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ.</i></p> <p><i>b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.</i></p> <p>III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc.</p> <p>3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.</p> <p>IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.</p> <p>1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</p> <p>2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức</p>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>ạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị</p> <p>4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.</p>						
Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	5		2	7	14	
<p>I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</p> <p>1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh.</p> <p><i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i></p> <p><i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i></p> <p><i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.</i></p> <p>II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</p> <p>1. Nhà nước dân chủ</p> <p><i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i></p> <p><i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i></p> <p>2. Nhà nước pháp quyền</p> <p><i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i></p> <p><i>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</i></p> <p><i>c. Pháp quyền nhân nghĩa</i></p> <p>3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh</p> <p><i>a. Kiểm soát quyền lực nhà nước</i></p>	2		1	3	6	<p>Đọc TLC</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p><i>b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước.</i></p> <p>III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC</p> <p>1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>2. Xây dựng Nhà nước</p>	1			1	2	
Kiểm tra 1 tiết			1	1	2	Ôn tập kiến thức từ chương 1 đến hết chương 4
Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
<p>I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC</p> <p>1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p><i>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.</i></p> <p><i>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</i></p> <p>2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p><i>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i></p> <p><i>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i></p>	1		1	2	4	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p><i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p><i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p><i>c. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.</i></p> <p>II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế</p> <p><i>a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng</i></p> <p><i>b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.</i></p> <p>2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p> <p><i>a. Các lực lượng cần đoàn kết</i></p> <p><i>b. Hình thức tổ chức</i></p> <p>3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p> <p><i>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình</i></p> <p><i>b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.</i></p> <p>III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT</p>	1			1	2	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.</p> <p>1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.</p> <p>2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế</p>						
<p>Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI</p>	4		2	6	12	
<p>I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA</p> <p>1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</p> <p><i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</i></p> <p><i>b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</i></p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò văn hóa</p> <p><i>a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</i></p> <p><i>b. Văn hóa là một mặt trận</i></p> <p><i>c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân</i></p>	1		1	2	4	<p>Đọc TLC</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p><i>dân</i></p> <p>3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới</p> <p>II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC</p> <p>1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng</p> <p>2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng</p> <p><i>a. Trung với nước, hiếu với dân</i></p> <p><i>b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư</i></p> <p><i>c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa</i></p> <p><i>d. Tinh thần quốc tế trong sáng</i></p> <p>3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng</p> <p><i>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</i></p> <p><i>b. Xây đi đôi với chống</i></p> <p><i>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</i></p> <p>III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI</p> <p>1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người</p> <p>3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người</p> <p>IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM</p>						
	1			1	2	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Xây dựng đạo đức cách mạng						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**
- Mã học phần: LCLS2105
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và Khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học, **Tư tưởng Hồ Chí Minh**.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng và việc vận dụng vào thực tiễn hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- Đề cương chi tiết học phần *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị (Theo Quyết định số 4980/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019).

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội (Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn).

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input checked="" type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương nhập môn. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, Chương nhập môn - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu						
II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của môn học						
III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể						
Chương 1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	4		2	6	12	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, Chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam						
II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945) 1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	2		1	3	6	
Chương 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	7		2	9	18	
I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của	3		1	4	8	- Đọc TLC, Chương 2; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ						
II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975 3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975	4		1	5	10	
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	<i>Ôn tập kiến thức đã học ở chương 1 và 2</i>
Chương 3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)	9		4	13	26	
I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986	3		1	4	8	- Đọc TLC, Chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 -	6		3	9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và Khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;
 - + Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- *Về kỹ năng:*

- + So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;
- + So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;
- + Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.

NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Minh Đoan (2016), *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*, NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
3. Vũ Quang (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lê Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
2. **Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)**
3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;
4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;
5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;
6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;
7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;
8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;

9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;

10. Quốc hội (2018), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2018*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước <i>1.1.1. Nguồn gốc</i>	02		01	03	06	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Bản chất 1.1.3. Hình thức 1.1.4. Chức năng						- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1.2.1. Nguồn gốc và bản chất 1.2.2. Thuộc tính 1.2.3. Hình thức	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01	01		1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.2. Quan hệ pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01			1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VIII - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các yếu tố cấu thành	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Trách nhiệm pháp lý <i>2.4.1. Khái niệm</i> <i>2.4.2. Phân loại</i>	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp <i>3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013</i>	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.2. Luật Hành chính <i>3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính</i>	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.3. Luật Dân sự <i>3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.3.2. Quyền sở hữu</i> <i>3.3.3. Quyền thừa kế</i>	01	02		03	06	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.4. Luật Hình sự	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.4.2. Tội phạm</p> <p>3.4.3. Hình phạt</p>						<p>VI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
<p>3.5. Luật lao động</p> <p>3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.5.2. Hợp đồng lao động</p> <p>3.5.3. Bảo hiểm xã hội</p>	01			01	02	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
<p>3.6. Luật hôn nhân và gia đình</p> <p>3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.6.2. Chế định kết hôn</p>	01			01	02	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLĐT 1, Chương 6 - Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
<p>3.7. Luật kinh tế</p> <p>3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp</p>	01			01	02	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
<p>3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng</p> <p>3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng</p>	04		01	05	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLĐT 2 - Đọc TLĐT 10 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng						
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Vận dụng được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực.

- *Về kỹ năng:* Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải

quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

NL2: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.
5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.
6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3		10	20	
2.1. Giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp						
2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.3. Chức năng của giao tiếp 2.1.4. Phân loại giao tiếp						
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức (Tình huống)		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp <i>4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân</i> <i>4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp</i>	1			1	2	
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm <i>4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới</i> <i>4.2.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc <i>4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc</i> <i>4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc</i> <i>4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc</i> <i>4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân</i>	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng <i>4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn</i> <i>4.4.2. Các vòng phỏng vấn</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4.3. Các hình thức phỏng vấn 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn						
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra (thảo luận nhóm)			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị học**

Tiếng Anh: **Management**

- Mã học phần: KTQU2101

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết

▪ Bài tập: 09 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

- *Về kỹ năng:* Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2019), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), *Quản trị học*, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bùi Văn Danh (2011), *Quản trị học Bài tập & Nghiên cứu tình huống*, NXB Lao động.
2. Đoàn Thị Thu Hà (2009), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUẢN TRỊ	3			3	6	
1.1. Bản chất của quản trị <i>1.1.1. Khái niệm quản trị</i> <i>1.1.2. Vai trò của quản trị</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
1.2. Chức năng của quản trị	0,5			0,5	1	
1.3. Quản trị là khoa học, là một nghệ thuật và là một nghề	0,5			0,5	1	
1.4 Quản trị theo mục tiêu <i>1.4.1. Khái niệm quản trị theo mục tiêu</i> <i>1.4.2. Vai trò của quản trị theo mục tiêu</i> <i>1.4.3. Quá trình quản trị theo mục tiêu</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
1.5. Nhà quản trị <i>1.5.1. Khái niệm nhà quản trị</i> <i>1.5.2. Vai trò của nhà quản trị</i> <i>1.5.3. Cấp bậc của quản trị</i> <i>1.5.4. Các kỹ năng và năng lực cần thiết của nhà quản trị</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
Chương 2. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ	2	0,5		2,5	5	
2.1. Trường phái quản trị cổ điển <i>2.1.1. Trường phái quản trị kiểu</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thư lại</i> <u>2.1.2. Trường phái quản trị khoa học</u> <u>2.1.3. Trường phái quản trị hành chính</u>						
2.2. Trường phái quản trị hành vi <u>2.2.1. Tư tưởng quản trị của Mary Parker</u> <u>2.2.2. Lý thuyết về bản chất con người của Douglas Mc Gregor</u> <u>2.2.3. Học thuyết của Elton Mayo</u> <u>2.2.4. Lý thuyết về hệ thống nhu cầu con người của Maslow</u>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
2.3. Trường phái định lượng trong quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
2.4. Học thuyết quản trị hiện đại <u>2.4.1. Trường phái “Quá trình Quản trị”</u> <u>2.4.2. Thuyết Z</u> <u>2.4.3. Những khuynh hướng hiện đại về quản trị</u>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
Chương 3. MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3
3.1. Khái niệm môi trường quản trị 3.2. Phân loại môi trường quản trị	0,5			0,5	1	
3.3. Ảnh hưởng của môi trường quản trị đối với hoạt động của tổ chức <u>3.3.1. Ảnh hưởng của môi</u>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trường vĩ mô đến hoạt động của tổ chức</i> <i>3.3.2. Ảnh hưởng của môi trường vi mô đến hoạt động của tổ chức</i>						
Chương 4. THÔNG TIN QUẢN TRỊ	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4, TLC 2, chương 5
4.1. Khái niệm và vai trò của thông tin quản trị <i>4.1.1. Khái niệm thông tin quản trị</i> <i>4.1.2. Vai trò của thông tin quản trị</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5
4.2. Phân loại thông tin quản trị	0,5			0,5	1	
4.3. Nội dung và chất lượng của thông tin quản trị <i>4.3.1. Nội dung thông tin quản trị</i> <i>4.3.2. Chất lượng của thông tin quản trị</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5
4.4. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin và phổ biến thông tin <i>4.4.1. Phương pháp thu thập</i> <i>4.4.2. Phương pháp xử lý thông tin</i> <i>4.4.3. Phương pháp phổ biến thông tin</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
5.1. Khái niệm, vai trò của quyết	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
định quản trị <i>5.1.1. Khái niệm quyết định và ra quyết định</i> <i>5.1.2. Vai trò của ra quyết định</i>						chương 5
5.2. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc ra quyết định <i>5.2.1. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định</i> <i>5.2.2. Nguyên tắc của việc ra quyết định</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5
5.3. Nội dung và hình thức ra quyết định <i>5.3.1. Nội dung của việc ra quyết định</i> <i>5.3.2. Hình thức của việc ra quyết định</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5
5.4. Quá trình ra quyết định <i>5.4.1. Quá trình ra quyết định</i> <i>5.4.2. Quá trình thực hiện quyết định</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 6. HOẠCH ĐỊNH	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6
6.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định <i>6.1.1. Khái niệm hoạch định</i> <i>6.1.2. Vai trò của hoạch định</i>	0,5	0,5		1	2	
6.2. Phân loại hoạch định <i>6.2.1. Hoạch định chiến lược</i> <i>6.2.2. Hoạch định chiến thuật</i> <i>6.2.3. Hoạch định tác nghiệp</i>	0,5	0,5		1	2	
6.3. Quy trình hoạch định	1	1		2	4	
Chương 7. TỔ CHỨC	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 7
7.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức <i>7.1.1. Khái niệm tổ chức</i> <i>7.1.2. Vai trò tổ chức</i>	0,5			0,5	1	
7.2. Cơ cấu tổ chức <i>7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của cơ cấu tổ chức</i> <i>7.2.2. Các nguyên tắc của cơ cấu tổ chức</i> <i>7.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức</i> <i>7.2.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức</i>	0,5	1		1,5	3	
7.3. Phân quyền trong quản trị <i>7.3.1. Quyền hạn và một số khái niệm liên quan</i> <i>7.3.2. Quá trình ủy quyền</i>	0,5			0,5	1	
7.4. Tầm hạn quản trị <i>7.4.1. Khái niệm tầm hạn quản trị</i> <i>7.4.2. Phân loại</i> <i>7.4.3. Các yếu tố quyết định tầm hạn quản trị</i> 7.5. Hệ thống tổ chức không chính thức <i>7.5.1. Khái niệm hệ thống tổ chức không chính thức</i> <i>7.5.2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống tổ chức không chính thức</i> <i>7.5.3. Những vấn đề cần lưu ý</i>	0,5	0,5		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>của hệ thống tổ chức không chính thức</i>						
Chương 8. LÃNH ĐẠO	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 8
8.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo <i>8.1.1. Khái niệm lãnh đạo</i> <i>8.1.2. Vai trò của lãnh đạo</i>	0,5			0,5	1	
8.2. Các phong cách lãnh đạo <i>8.2.1. Phong cách lãnh đạo dựa trên quan điểm sử dụng quyền lực</i> <i>8.2.2. Phong cách lãnh đạo dựa trên tiêu chí mức độ tham gia của người dưới quyền</i>	1	0,5		1,5	3	
8.3. Động cơ thúc đẩy <i>8.3.1. Khái niệm của động cơ thúc đẩy</i> <i>8.3.2. Các học thuyết và động cơ thúc đẩy</i> <i>8.3.3. Hành vi cá nhân và hành vi nhóm</i> 8.4. Các phương pháp lãnh đạo <i>8.4.1. Phương pháp giáo dục</i> <i>8.4.2. Các phương pháp hành chính</i> <i>8.4.3. Các phương pháp kinh tế</i> <i>8.4.4. Các phương pháp lãnh đạo khác</i>	0,5	1		1,5	3	
Chương 9. KIỂM TRA	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 9
9.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra trong quản trị	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.1.1. Khái niệm kiểm tra trong quản trị 9.1.2. Vai trò của kiểm tra trong quản trị						
9.2. Phân loại kiểm tra 9.2.1. Căn cứ theo quá trình hoạt động 9.2.2. Căn cứ theo tần suất 9.2.3. Căn cứ theo mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng	0,25			0,25	0,5	
9.3. Tiến trình kiểm tra 9.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn 9.3.2. Đo lường và thực hiện 9.3.3. Điều chỉnh các hoạt động	0,5	1		1,5	3	
9.4. Các nguyên tắc và phương pháp kiểm tra 9.4.1 Các nguyên tắc kiểm tra 9.4.2 Các phương pháp kiểm tra	0,25	0,5		0,75	1,5	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	19	9	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
 - Tiếng Việt: **Tiếng anh 1**
 - Tiếng Anh: **English 1**
- Mã học phần: NNTA2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
 - Bài tập : 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm :21 tiết
 - Kiểm tra :2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

- **Về kiến thức:**

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- **Về kỹ năng:**

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống có định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.

- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: People and places

Module 2: Everyday Life

Module 3: Loves and Hates

Module 4: Eating and Drinking

Module 5: Extraordinary Lives

Module 6: Buying and Selling

Module 7: The world around us

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình: *New Cutting Edge, Elementary*. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). Harlow: Pearson Longman.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- Bài giảng điện tử Tiếng Anh 1 (năm 2020) – Bộ môn Ngoại ngữ, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2015). *Life (Vietnam Edition)*. National Geographic Learning. Cengage Learning. A1/A1-A2
- Thomson, A.J., & Martinet, A.V. (1992). *A practical English Grammar*. Oxford University Press.
- Memarzadeh, A. (2007). *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
- Esol examinations. (2013). *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.
- Department of Foreign Language. (2014). *Practice Exercise 1*. Internal circulation. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: People and places	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) <p>- Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1e. Viết về thông tin cá nhân (p.17)</p> <ul style="list-style-type: none"> Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá 						<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng của động từ To Be Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) Số đếm trong TA <p>Tự học: Module 2: You and Yours (p20-25)</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
nhân điền vào bảng. (p.14, 15) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1c. Đọc thông tin về con người trên thế giới (p.14,15) • Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16)						
Module 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) • Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) • Tham khảo: Unit 8 - Life A1-8a. Đọc và nghe thông tin về cuộc sống hàng ngày của 1 nhà văn ở Trung Quốc (p.94,95) • Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) • Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) • Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31) 						<ul style="list-style-type: none"> • Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn • Cách nói thời gian trong TA (p.30) • Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Module 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) • Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) • Tham khảo: Unit 6 - Life A1-6b. Từ vựng và bài đọc về sở thích (p.72,73) • Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) • Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) • Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40) 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích • Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn • Nói về sở thích cá nhân
Module 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) • Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 5 - Life A1-A2- 5b. Đọc về top 5 chợ ẩm thực trên thế giới (p.60) • Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) • Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58) 						<p>ăn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt <i>some</i> và <i>any</i> • Cấu trúc <i>How much / How many</i> • Nói về thói quen ăn uống của bản thân. <p>Tự học: <i>Module 5: Getting from A to B</i> (p.42-49)</p>
Module 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) • Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) • Nghe : Nghe Mariene kể về 						<ul style="list-style-type: none"> • Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn • Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn • Từ vựng về

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
<p>cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham khảo: Unit 11 - Life A1-11b. Đọc và nghe một đoạn phỏng vấn người phiêu lưu mạo hiểm (p.132,133) • Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) • Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66) 						<p>các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) • Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6			2	2	8	
Revision 1						
Progress Test 1		1	1	2		
Module 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) • Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) • Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) • Nói 2: Trình bày ý kiến cá 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về chủ đề mua sắm • Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc • Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
<p>nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham khảo: Unit 5- Life A1- 5b. Từ vựng và nghe nói về giá cả (p.64) 						<ul style="list-style-type: none"> • Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) • Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam <p>Tự học: Module 10: Street life (p.86-93)</p>
Module 7: The world around us	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) • Tham khảo: Unit 8- Life A1- 8c. Đọc bài về loài hổ (p.98,99) • Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) • Nghe: Nghe về 2 loài vật 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng • Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh-questions) • Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) <ul style="list-style-type: none"> Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó 						<ul style="list-style-type: none"> Nói về một loài vật yêu thích <p>Tư học: <i>Module 13: Learning for the future</i> (p.86-93)</p>
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	
Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) <ul style="list-style-type: none"> Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng Tham khảo: Unit 3- Life A1-A2- 3e. Viết về 1 địa danh (p.41) 						<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu Have to/don't have to và Can/can't Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) Các cách hỏi và chỉ đường Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích <p>Tư học: <i>Module 12: A</i></p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
						<i>weekend away</i> (p.104-110)
Consolidation Modules 7 -15 Revision 2			2	2	8	
Progress Test 2		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		4	1	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần
 - Tiếng Việt: **Tiếng anh 2**
 - Tiếng Anh: **English 2**
- Mã học phần: NNTA2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 5tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 20 tiết
 - Thảo luận : 20 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của môn học

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sau khi học xong môn học sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.

Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

Module 7: Countries and cultures

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình New cutting Edge (Pre- Intermediate) . Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). Harlow: Pearson Longman.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng điện tử Tiếng Anh 2, 2020, Bộ môn Ngoại ngữ, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
2. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
3. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
4. Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
5. Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2		4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13) 							<ul style="list-style-type: none"> - củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Important Firsts	1	1	2		4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả 							<ul style="list-style-type: none"> - Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử

cảm xúc Từ vựng: Các tính từ miêu tả.							dụng trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1		4	8	
- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27) - Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật							- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp
Module 4: Special Occasions		2	2		4	8	
- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39) - Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.							- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày , tháng, năm - Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt

							động thường trong các lễ hội đặc biệt.
Consolidation Modules 1-4 Progress Test 1: Written test		3	1		4		
Module 5: Appearances	1	1	2		4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)							- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	2	1		4	8	
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai							Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ.
Module 7: Countries and cultures		2	2		4	8	
- Đọc hiểu về các thông tin địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu							- Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng

<p>hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời 							với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)
Consolidation Modules 5-8		3	1		4	8	
Progress test 2 – Oral Test			4		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2				Preparation for the final exam
Cộng	5	20	20		45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tiếng Anh 3**
 - Tiếng Anh: **English 3**
- Mã học phần: NNTA2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và Khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 05 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 11 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận: 14 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức ngôn ngữ

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

* *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

Về các kỹ năng ngôn ngữ

**** Kỹ năng đọc:***

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.
- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.
- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

**** Kỹ năng nói:***

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.
- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

**** Kỹ năng viết***

- Viết về một chủ đề với những gợi ý
- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ
- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

**** Kỹ năng nghe***

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

**** Các nhóm kỹ năng khác***

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).

- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.
- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.
- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Giáo trình *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), Pearson Longman

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng điện tử Tiếng Anh 3, 2020, Bộ môn Ngoại ngữ, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
2. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.
3. Alireza Memarzadeh(2007),*IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.
4. Esol examinations (2013),*Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>

Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i> - Ngữ âm: hướng dẫn cách nhấn âm trong các từ ghép						-Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Sinh viên sử dụng các gợi ý trong phần useful language khi nói. - Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc...

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
						-Từ vựng: Hiện đại và truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	
-Từ vựng: Giới thiệu từ vựng của chủ đề trong bài. - Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khỏe và tai nạn - Tìm hiểu thêm về các thông tin lịch sử liên quan đến nội dung bài đọc <i>Hazardous History</i>
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
-Đọc: <i>The World's Most Popular</i> (p.106-107) và làm các nhiệm vụ liên quan đến bài đọc. -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huống nhất định) (p.112)						-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày -Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Cách phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	
Module 4: Choosing the right	1	1	3	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
person						
<ul style="list-style-type: none"> - Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121) 						<ul style="list-style-type: none"> - củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. - Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P. 125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý. 						<ul style="list-style-type: none"> - Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Toán cao cấp**
 - Tiếng Anh: **Advanced Mathematics for Economics**
- Mã học phần: KDTO2108
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - Bài tập: 18 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị du lịch, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.

Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.
- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.
- Các kiến thức về hàm số một biến số.
- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về phương trình vi phân.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2012, *Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2019, Bài tập Toán cao cấp, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2 Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

5 Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu gồm: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6 Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến; tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; hoàn thành các qui định đúng thời hạn, chuẩn bị chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet),...

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7 Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9 Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC	5	3		8	16	
1.1. Ma trận 1.1.1. Các định nghĩa 1.1.2. Các phép toán đối với ma trận 1.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp đối với ma trận. Hạng của ma trận	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận.
1.2. Định thức của ma trận vuông. 1.2.1. Khái niệm định thức của ma trận 1.2.2. Các tính chất của định thức	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về định thức.
1.3. Ma trận nghịch đảo 1.3.1. Khái niệm và cách tính ma trận nghịch đảo 1.3.2. Tính chất của ma trận nghịch đảo	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận nghịch đảo.
CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH	5	2		7	14	
2.1. Định nghĩa	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình tuyến tính.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Hệ phương trình Cramer	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ Cramer.
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	2	1		3	6	Giải thành thạo hệ phương trình tổng quát
2.4. Hệ phương trình thuần nhất	1	1		2	4	Khắc sâu hệ thuần nhất
CHƯƠNG 3. HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ	5	5	1	12	23	
3.1. Các hàm số lượng giác ngược 3.1.1. Hàm số $y = \arcsin x$ 3.1.2. Hàm số $y = \arccos x$ 3.1.3. Hàm số $y = \arctan x$ 3.1.4. Hàm số $y = \operatorname{arccot} x$	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các hàm số lượng giác ngược
3.2. Quy tắc Lôpitan	1	1		2	4	Nắm được Quy tắc Lôpitan và vận dụng được vào việc giải bài tập
3.3. Tích phân suy rộng	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng tích phân suy rộng
3.4. Chuỗi số	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi số
3.5. Chuỗi hàm	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi hàm
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 4. HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
4.1. Các khái niệm cơ bản	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các khái niệm của hàm số nhiều biến số
4.2. Giới hạn và tính liên tục	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số
4.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng và vi phân toàn phần
CHƯƠNG 5. CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
5.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị không có điều kiện ràng buộc
5.2. Cực trị có điều kiện ràng buộc	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị có điều kiện ràng buộc
CHƯƠNG 6. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN	4	4	1	8	17	
6.1. Phương trình vi phân cấp 1	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						phương trình vi phân cấp 1
6.2. Phương trình vi phân cấp 2	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 2
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	25	18	2	45	90	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General Informatics**
- Mã học phần: CTKH2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Thực hành trên lớp: 9 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức:** Trình bày được những kiến thức chung về công nghệ thông tin, áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính, Internet.
- **Về kỹ năng:** Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông tin như: mạng máy tính, hệ điều hành và các ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,...
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Thị Anh Lê (2014), *Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Phạm Quang Huy (2019), *Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu*, Nhà xuất bản Thanh niên.
3. Phạm Quang Hiên (2019), Phạm Phương Hoa, *Giáo trình thực hành Excel*, Nhà xuất bản Thanh niên.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Quang Dũng (2015), *Giáo trình Tin học đại cương*, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
2. Lê Lan Anh (2009), *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Nhiều tác giả (2012), *Tự học Windows 7*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin							3. Đọc TLC [1], TLĐT [1] 4. SV chuẩn bị các kiến thức cơ bản để nhận biết các thiết bị của máy tính.
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử	1				1	2	
1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0.5				0.5	1	
1.4. Virus tin học và cách phòng chống							
1.5. Mạng máy tính và Internet	0.5			1	1.5	3	
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin							
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung	1				1	2	5. Đọc TLC [1], TLĐT [1] 6. SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows
2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành							
2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành							
2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành							
2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>hành phổ biến</i>							
2.2. Hệ điều hành Windows	1			1	2	4	
2.2.1. <i>Giao diện của hệ điều hành Windows</i>							
2.2.2. <i>Quản lý tệp tin, thư mục</i>							
2.2.3. <i>Quản lý đĩa từ</i>							
2.5.4. <i>Thay đổi cấu hình (Control Panel)</i>							
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc	0.5				0.5	1	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.2. Các thao tác cơ bản							
3.3. Thực hiện định dạng văn bản	2			1	3	6	
3.3.1. <i>Định dạng ký tự (Font)</i>							
3.3.2. <i>Định dạng đoạn văn bản (Paragraph)</i>							
3.3.3. <i>Bao khung và tô nền cho đoạn văn</i>							
3.3.4. <i>Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering)</i>							
3.3.5. <i>Chia cột văn bản (Columns)</i>							
3.3.6. <i>Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap)</i>							
3.3.7. <i>Định dạng Tab</i>							
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản	1.5			1	2.5	5	
3.4.1. <i>Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol)</i>							
3.4.2. <i>Chèn chữ nghệ thuật (Word Art)</i>							
3.4.3. <i>Chèn ClipArt và hình ảnh</i>							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học (Equation)							- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5.3. Tính toán trên bảng							
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6. Trộn thư	0.5			0.5	1	2	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel <i>4.1.1. Giới thiệu</i> <i>4.1.2. Màn hình làm việc</i> <i>4.1.3. Cấu trúc một Workbook</i> <i>4.1.4. Cấu trúc một WorkSheet</i> <i>4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử</i>	0.5				0.5	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC [3], TLĐT [3] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
4.2. Các thao tác cơ bản <i>4.2.1. Xử lý trên vùng</i> <i>4.2.2. Thao tác trên cột và dòng</i> <i>4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin</i> <i>4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel</i>	0.5			0.5	1	2	
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel <i>4.3.1. Cách sao chép công thức</i> <i>4.3.2. Cú pháp chung của hàm</i> <i>4.3.3. Cách sử dụng các hàm</i> <i>4.3.4. Các hàm thông dụng</i>	3			1.5	4.5	9	
4.4. Cơ sở dữ liệu <i>4.4.1. Khái niệm</i> <i>4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu</i> <i>4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu</i>	1			0.5	1.5	3	
4.5. Biểu đồ trong Excel <i>4.5.1. Các thành phần của biểu đồ</i> <i>4.5.2. Các bước dựng biểu đồ</i> <i>4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ</i>	0.5			0.5	1	2	
4.6. In ấn <i>4.6.1. Định dạng trang in</i>	0.5				0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu							
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	- Đọc TLC [1] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5				0.5	1	
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng 5.4.1. Cửa sổ trong các Slide 5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình	1.5			0.5	2	4	
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn		0.5					
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Lịch sử kinh tế**
- Tiếng Anh: **Economic History**
- Mã học phần: KTKH2350
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 4 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của môn học Lịch sử kinh tế; phân tích được thực trạng phát triển kinh tế của các nước và của Việt Nam, bao gồm những biến đổi trong nền kinh tế, những đặc điểm phát triển kinh tế và những luận giải về những biến đổi đó ở từng thời kỳ lịch sử cụ thể.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu, phân tích được các mô hình kinh tế của các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, từ đó, có những nhận xét, đánh giá về từng mô hình kinh tế.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng những kiến thức đã học để liên hệ với kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác; phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.

+ *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Yêu thích môn học Lịch sử các kinh tế.

+ Nâng cao tinh thần tự học, tìm hiểu các mô hình kinh tế ở Việt Nam và các nước trên thế giới qua các thời kỳ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Lịch sử kinh tế nghiên cứu sự phát triển kinh tế của một nước, một nhóm nước, một vùng lãnh thổ qua các thời kỳ lịch sử hoặc trong một giai đoạn lịch sử cụ thể.

Học phần Lịch sử kinh tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển kinh tế của các nước trên thế giới và Việt Nam. Từ nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế để rút ra những đặc điểm, luận giải về những nhân tố tác động đến sự phát triển kinh tế của từng nước qua các thời kỳ lịch sử cụ thể, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế của các nước và Việt Nam.

Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu khái quát về các cuộc cách mạng công nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng (2013), *Giáo trình Lịch sử kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Nguyễn Ngọc Thanh (2013), *Lịch sử kinh tế*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

3. Võ Văn Sen (2017), *Lịch sử kinh tế Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Thomsas L.Friedman (2011), *Thế giới phẳng (Bản dịch)*, NXB Trẻ.

2. Trần Thị Vân Hoa (2017), *Cách mạng Công nghiệp 4.0 - Vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	1.5			1.5	3	
1.1. Mấy nét giới thiệu về lịch sử kinh tế	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.3. Tác dụng của môn học	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
Chương 2: KINH TẾ CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA	4.5		1	5.5	11	
2.1. Khái quát kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa	1.5			1.5	3	Đọc TLC 1, chương 2;
2.1.1 Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 2;
2.1.2 Thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền (1640 – 1870)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 2;
2.1.3. Thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền (1871 – nay)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 2;
2.2. Kinh tế Mỹ	1.5		0.5	2	4	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.1. Khái quát tình hình kinh tế – xã hội nước Mỹ từ thời kỳ thuộc địa đến khi giành độc lập (1492 – 1775).	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 3;
2.2.2. Kinh tế Mỹ thời kỳ chủ nghĩa tư bản trước độc quyền (1776 – 1865)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 3;
2.2.3. Kinh tế Mỹ thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền (từ năm 1965 đến nay)	0.5		0.5	1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
2.3. Kinh tế Nhật Bản	1.5		0.5	2	4	Đọc TLC 1, chương 4
2.3.1 Kinh tế Nhật Bản thời kỳ trước cải cách Minh Trị (1868)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 4;
2.3.2. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ từ năm 1868 đến hết Chiến tranh thế giới thứ hai (1945)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 4;
2.3.3. Kinh tế Nhật Bản thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (từ năm 1946 đến nay)	0.5		0.5	1	2	Đọc TLC 1, chương 4;
Chương 3: KINH TẾ CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	4.5		0.5	5	10	
3.1. Khái quát kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa	1.5			1.5	3	
3.1.1. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa và quan hệ kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa.	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 5;
3.1.2. Kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1917 đến giữa thập kỷ 1960)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 5;
3.1.3. Kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ từ giữa	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thập kỷ 1960 đến năm 1991</i>						
3.2. Kinh tế Liên Xô	1.5		0.5	2	4	
3.2.1. Đặc điểm kinh tế nước Nga thời kỳ trước Cách mạng tháng Mười 1917	0.5			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
3.2.2. Kinh tế Liên Xô thời kỳ 1917 – 1945	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 6
3.2.3. Kinh tế Liên Xô thời kỳ 1946 – 1991	0.5		0.5	1	2	Đọc TLC 1, chương 6
3.2.4. Kinh tế Cộng hoà liên bang Nga thời kỳ hậu Xô Viết						
3.3. Kinh tế Trung Quốc	1.5			1.5	3	Đọc TLC 1, chương 7
3.3.1. Khái quát tình hình kinh tế Trung Quốc trước 01-10-1949	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 7
3.3.2. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ 1949 – 1978	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 7
3.3.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa (từ năm 1978 đến nay)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 7
Chương 4: KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ CÁC NƯỚC ASEAN	2.5			2.5	25	
4.1. Sự hình thành các nước đang phát triển	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 8
4.2. Quá trình xây dựng kinh tế ở các nước đang phát triển	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 8
4.3. Kinh tế các nước ASEAN	1.5			1.5	3	
4.3.1. Kinh tế các nước ASEAN thời kỳ trước khi giành được độc lập dân tộc	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 9
4.3.2. Kinh tế các nước ASEAN – 6 từ sau khi giành được độc	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lập đến năm 1994</i>						
4.3.3. Kinh tế các nước ASEAN từ năm 1995 đến nay	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5: KINH TẾ VIỆT NAM	9		2	11	22	
5.1. Kinh tế Việt Nam thời kì phong kiến	1.5			1.5	3	
5.1.1. Thời kỳ tiền phong kiến	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 10
5.1.2. Thời kỳ phong kiến hoá (179 trước công nguyên – 938)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 10
5.1.3. Thời kỳ phong kiến dân tộc tự chủ (938 – 1858)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 10
5.2. Kinh tế Việt Nam trong thời kỳ thực dân pháp thống trị (1858-1945)	1.5			1.5	3	Đọc TLC 1, chương 11
5.2.1. Thời kỳ từ khi Pháp xâm lược đến Chiến tranh thế giới thứ hai (1858 – 1939)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 11
5.2.2. Thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 11
5.3. Kinh tế Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)	1.5			1.5	3	
5.3.1. Kinh tế năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám (1945 – 1946)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 12
5.3.2. Kinh tế ở vùng tự do (1947 – 1954)	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 12
5.3.3. Kinh tế trong vùng Pháp tạm chiếm	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 12
5.4. Kinh tế Việt Nam thời kỳ 1955 – 1975	1.5		1	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4.1 Kinh tế miền Bắc	1		0.5	1.5	3	Đọc TLC 1, chương 13
5.4.2 Kinh tế miền Nam	0.5		0.5	1	2	Đọc TLC 1, chương 13
5.5. Kinh tế Việt Nam thời kỳ 1976-1985	1.5		0.5	2	4	
5.5.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 14
5.5.2. Đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 14
5.5.3 Kết quả và hạn chế	0.5		0.5	1	2	Đọc TLC 1, chương 14
5.6. Kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới (Từ 1986 đến nay)	1.5		0.5	2	4	
5.6.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 15
5.6.2. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới kinh tế.	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 15
5.6.3. Thành tựu và hạn chế	0.5		0.5	1	2	Đọc TLC 1, chương 15
Chương 6: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP	2		0.5	2.5	5	
6.1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất	0.5				1	Đọc TLĐT2
6.2. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai	0.5				1	Đọc TLĐT2
6.3. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba	0.5				1	Đọc TLĐT2
6.4. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	0.5		0.5		2	Đọc TLĐT2
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24		6	30	60	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tài chính – Tiền tệ**
 - Tiếng Anh: **Theory Of Money And Finance**
- Mã học phần: KTTC2301
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 37 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, ngân sách nhà nước. Khái quát được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính, hệ thống ngân hàng và quan hệ thanh toán, tín dụng quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính; Phân tích các loại hình tổ chức trung gian, hoạt động tín dụng, hoạt động của thị trường tài chính; Xây dựng mối liên hệ giữa doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ. Từ đó đánh giá sự tác động của thị trường tài chính đối với nền kinh tế. Ngoài ra, người học vận dụng tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho các chủ thể trong nền kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về tài chính – tiền tệ. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2014), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*, NXB Tài chính.

2. Lê Thị Mận (2014), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Lao động Xã hội.

3. Nguyễn Hữu Tài (2014), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phan Thị Cúc (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

2. Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), *Giáo trình thị trường tài chính*, NXB Tài chính.

3. Nguyễn Hòa Nhân, (2012), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.

4. Lê Văn Tề (2011), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

5. *Luật NSNN 2015*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	3	1		4	8	
1.1. Nguồn gốc, bản chất của tiền tệ 1.1.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ 1.1.2. Bản chất của tiền tệ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.2. Các chức năng của tiền tệ						Đọc TLC 1, chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.1. Chức năng đơn vị định giá</p> <p>1.2.2. Chức năng phương tiện trao đổi</p> <p>1.2.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị</p>						Đọc TLC 3, chương 1;
<p>1.3. Các khối tiền tệ</p> <p>1.3.1. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông</p> <p>1.3.2. Khối lượng tiền trong lưu thông</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
<p>1.4. Cung và cầu tiền tệ</p> <p>1.4.1. Cầu tiền tệ</p> <p>1.4.2. Cung tiền cho lưu thông</p>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 9;
<p>1.5. Khái niệm và chức năng tài chính</p> <p>1.5.1. Khái niệm tài chính</p> <p>1.5.2. Các chức năng của tài chính</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
<p>1.6. Hệ thống tài chính</p> <p>1.6.1. Khái niệm về hệ thống tài chính</p> <p>1.6.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính</p>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
CHƯƠNG 2. TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TÍN DỤNG	6	2		8	16	
<p>2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng</p> <p>2.1.1. Cơ sở ra đời của tín dụng</p> <p>2.1.2. Khái niệm tín dụng</p> <p>2.1.3. Sự phát triển của quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường</p> <p>2.1.4. Phân loại tín dụng</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
<p>2.2. Các hình thức tín dụng</p> <p>2.2.1. Tín dụng thương mại</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Tín dụng Nhà nước 2.2.3. Tín dụng ngân hàng						10;
2.3. Vai trò của tín dụng 2.3.1. Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển 2.3.2. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước 2.3.3. Tín dụng góp phần quan trọng vào việc làm giảm thấp chi phí sản xuất và lưu thông 2.3.4. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách xã hội và nâng cao đời sống dân cư	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
2.4. Các chức năng của tín dụng 2.4.1. Tập trung và phân phối lại tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc hoàn trả 2.4.2. Kiểm soát các hoạt động kinh tế bằng tiền	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
2.5. Lãi suất tín dụng 2.5.1. Khái niệm lợi tức tín dụng và lãi suất tín dụng 2.5.2. Phân loại lãi suất tín dụng 2.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
CHƯƠNG 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4			4	8	
3.1. Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>Ngân sách Nhà nước</i> 3.1.2. <i>Vai trò của Ngân sách Nhà nước</i>						
3.2. Thu Ngân sách Nhà nước 3.2.1. <i>Khái niệm, đặc điểm thu Ngân sách Nhà nước</i> 3.2.2. <i>Nội dung thu Ngân sách Nhà nước</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.3. Chi Ngân sách Nhà nước 3.3.1 <i>Khái niệm, đặc điểm chi Ngân sách Nhà nước</i> 3.3.2 <i>Nội dung chi Ngân sách Nhà nước</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.4. Cân đối ngân sách	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.5. Phân cấp quản lý ngân sách 3.5.1. <i>Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách</i> 3.5.2. <i>Nội dung phân cấp quản lý ngân sách</i> 3.5.3. <i>Nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách</i>						
CHƯƠNG 4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	5	2	1	8	16	
4.1. Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp 4.1.1. <i>Khái niệm tài chính doanh nghiệp</i> 4.1.2. <i>Vai trò của tài chính doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.2. Cấu trúc tài chính của doanh nghiệp 4.2.1. <i>Cấu trúc về vốn kinh doanh</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Cấu trúc về nguồn vốn kinh doanh						
4.3. Chi phí, doanh thu của doanh nghiệp 4.3.1. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm 4.3.2. Doanh thu của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp 4.4.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	4			4	8	
5.1. Sự hình thành thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 15;
5.2. Cấu trúc thị trường tài chính 5.2.1. Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu 5.2.2. Thị trường sở cấp và thị trường thứ cấp 5.2.3. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn 5.2.4. Thị trường tập trung và phi tập trung	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.3. Công cụ của thị trường tài chính 5.3.1. Công cụ của thị trường tiền tệ 5.3.2. Công cụ của thị trường vốn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4.1. Nhà phát hành 5.4.2. Nhà đầu tư 5.4.3. Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ 5.4.4. Nhà quản lý thị trường						
5.5. Chức năng, vai trò của thị trường tài chính 5.5.1. Chức năng của thị trường tài chính 5.5.2. Vai trò của thị trường tài chính						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
CHƯƠNG 6. CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRUNG GIAN	2			2	4	
6.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian 6.1.2. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.3. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6;
6.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian 6.2.1. Các tổ chức nhận tiền gửi 6.2.2. Các công ty tài chính 6.2.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng 6.2.4. Các trung gian đầu tư	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6;
CHƯƠNG 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	3			3	6	
7.1. Quá trình ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.2. Khái niệm và phân loại ngân hàng thương mại <i>7.2.1. Khái niệm ngân hàng thương mại</i> <i>7.2.2. Phân loại ngân hàng thương mại</i>						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.3. Chức năng của ngân hàng thương mại <i>7.3.1. Chức năng trung gian tín dụng</i> <i>7.3.2. Chức năng trung gian thanh toán</i> <i>7.3.3. Chức năng tạo tiền</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.4. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại <i>7.4.1. Hoạt động huy động vốn</i> <i>7.4.2. Hoạt động sử dụng vốn</i> <i>7.4.3. Các hoạt động khác</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8, chương 9;
CHƯƠNG 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4			4	8	
8.1. Ngân hàng Trung ương <i>8.1.1. Khái niệm Ngân hàng Trung ương</i> <i>8.1.2. Chức năng của Ngân hàng Trung ương</i> <i>8.1.3. Vai trò của Ngân hàng Trung ương</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10;
8.2. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương <i>8.2.1. Định nghĩa</i> <i>8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>tệ</i> 8.2.3. Nội dung cơ bản chính sách tiền tệ 8.2.4. Công cụ của chính sách tiền tệ						
CHƯƠNG 9. LẠM PHÁT	4		2	6	12	
9.1. Khái niệm và phân loại lạm phát 9.1.1. Khái niệm 9.1.2. Phân loại lạm phát	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 12;
9.2. Nguyên nhân của lạm phát 9.2.1. Lạm phát do nhu cầu tiền tăng 9.2.2. Lạm phát do chi phí tăng 9.2.3. Hệ thống chính trị không ổn định						Đọc TLC 3, chương 12;
9.3. Tác động của lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội 9.3.1. Tác động của lạm phát vừa phải 9.3.2. Tác động của lạm phát phi mã và siêu lạm phát	2		1	3	6	Đọc TLC 3, chương 12;
9.4. Các biện pháp khắc phục lạm phát 9.4.1. Giải pháp tác động vào tổng cầu 9.4.2. Giải pháp tác động vào tổng cung 9.4.3. Cải cách tiền tệ	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 12;
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 10. QUAN HỆ THANH TOÁN VÀ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10.1. Cán cân thanh toán quốc tế <i>10.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.2. Nội dung cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.3. Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 18; Đọc TLC 3, chương 11;
10.2. Tỷ giá hối đoái <i>10.2.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá hối đoái</i> <i>10.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái</i>						Đọc TLC 2, chương 16; Đọc TLC 3, chương 11;
10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng <i>10.3.1. Các phương tiện thanh toán quốc tế</i> <i>10.3.2. Các phương thức thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 19; Đọc TLC 3, chương 11;
10.4. Tín dụng quốc tế <i>10.4.1. Khái niệm tín dụng quốc tế</i> <i>10.4.2. Các hình thức tín dụng quốc tế</i>						Đọc TLC 2, chương 19; Đọc TLC 3, chương 11;
Cộng	37	5	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô**
 - Tiếng Anh: **Microeconomics**
- Mã học phần: KTKH2301
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết:	33 tiết
Bài tập:	09 tiết
Thảo luận, hoạt động nhóm:	01 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.

+ Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic

+ Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh

+ Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

+ Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), *GT Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản xây dựng.

2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), *GT Nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.

3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

4. Nguyễn Văn Dân (2011), *Kinh tế vi mô 1*, NXB Tài chính.

5. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (2015), *Kinh tế học vi mô*, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Đinh Phi Hổ (2013), *Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2008), *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Vũ Kim Dũng và Đinh Thiện Đức (2010), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB văn hóa thông tin.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục.
4. Viện Đại học Mở HN (2009), *GT Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.
5. Robert C. Guell, dịch giả: Nguyễn Văn Dung (2009), *Kinh tế vi mô*, NXB Đồng Nai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Tập trung nghe giảng và tham gia các hoạt động trên lớp;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết để làm bài tập;
- Làm tất cả các bài kiểm tra.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỌC	3,5			3,5	7	
1.1. Khái niệm về kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Phân loại kinh tế học <i>1.2.1. Phân loại kinh tế học theo cách thức nghiên cứu</i> <i>1.2.2. Phân loại kinh tế học theo phạm vi nghiên cứu</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Mười nguyên lý của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất <i>1.5.1. Chi phí cơ hội</i> <i>1.5.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.6. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CẦU - CUNG HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	8	2,5		10,5	21	
2.1. Thị trường <i>2.1.1. Khái niệm</i> <i>2.1.2. Phân loại thị trường</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
2.2. Cầu <i>2.2.1. Một số khái niệm</i> <i>2.2.2. Luật cầu</i> <i>2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu</i> <i>2.2.4. Hàm số cầu và đường cầu</i> <i>2.2.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Cung 2.3.1. Một số khái niệm 2.3.2. Luật cung 2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung 2.3.4. Hàm số cung và đường cung 2.3.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.4. Trạng thái thị trường 2.4.1. Trạng thái cân bằng và sự thay đổi của trạng thái cân bằng 2.4.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.5. Hệ số co giãn 2.5.1. Hệ số co giãn của cầu 2.5.2. Hệ số co giãn của cung theo giá	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.6. Một số ứng dụng lý thuyết cung cầu trong việc hoạch định chính sách của chính phủ 2.6.1. Chính sách thuế và trợ cấp 2.6.2. Chính sách kiểm soát giá	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	4	2	0,5	6,5	13	
3.1. Lợi ích 3.1.1. Một số khái niệm 3.1.2. Thặng dư tiêu dùng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
3.2. Đường bàng quan 3.2.1. Khái niệm về đường bàng quan	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.2. Tỷ lệ thay thế biên						chương 4
3.2.3. Mối quan hệ giữa lợi ích biên và tỷ lệ thay thế biên 3.2.4. Đường bàng quan với các sở thích khác nhau						
3.3. Đường ngân sách 3.3.1. Khái niệm về đường ngân sách 3.3.2. Tác động của sự thay đổi về thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.4. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng 3.4.1. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp hình học 3.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp số nhân Lagrange 3.4.3. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp trực quan	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.5. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.1. Ảnh hưởng của thu nhập đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.2. Ảnh hưởng của giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng	0,5	0,5	0,5	1,5	3	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.6. Đường cầu thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH	6,5	2,5		9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
VI CỦA NHÀ SẢN XUẤT						
4.1. Lý thuyết sản xuất 4.1.1. Sản xuất và hàm sản xuất 4.1.2. Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi 4.1.3. Sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất 4.2.1. Chi phí kinh tế và chi phí kế toán 4.2.2. Chi phí ngắn hạn 4.2.3. Chi phí dài hạn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.3. Lý thuyết lợi nhuận 4.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định lợi nhuận 4.3.2. Doanh thu biên, chi phí biên và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận tổng quát	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Tối đa hóa doanh thu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 5, chương 5; Làm bài tập chương 4
4.5. Thặng dư sản xuất 4.5.1. Khái niệm và phương pháp xác định thặng dư sản xuất 4.5.2. Mối quan hệ giữa thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và hiệu quả xã hội	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 4
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	4	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1. Khái niệm thị trường cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.3. Quyết định cung của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo <i>5.3.1. Đường cung ngắn hạn</i> <i>5.3.2. Đường cung dài hạn</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.4. Đường cung của ngành <i>5.4.1. Đường cung ngắn hạn của ngành</i> <i>5.4.2. Đường cung dài hạn của ngành</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
5.5. Cân bằng dài hạn của ngành cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	5	1	0,5	6,5	13	
6.1. Thị trường độc quyền <i>6.1.1. Khái niệm thị trường độc quyền</i> <i>6.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của nhà độc quyền</i> <i>6.1.3. Các cách định giá của nhà độc quyền</i> <i>6.1.4. Sức mạnh độc quyền và vấn đề phân bổ tài nguyên</i> <i>6.1.5. Chính sách hạn chế độc quyền</i>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6 Làm bài tập chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Cân bằng trong ngắn hạn và dài hạn 6.2.3. Cạnh tranh độc quyền và hiệu quả kinh tế	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
6.3. Độc quyền tập đoàn 6.3.1. Cân bằng trong thị trường độc quyền tập đoàn 6.3.2. Lý thuyết trò chơi	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
Chương 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	2			2	4	
7.1. Những thất bại của kinh tế thị trường 7.1.1. Cạnh tranh không hoàn hảo 7.1.2. Ngoại ứng 7.1.3. Hàng hóa công cộng 7.1.4. Bất bình đẳng về kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
7.2. Vai trò của chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33	09	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô**
 - Tiếng Anh: **Macroeconomic**
- Mã học phần: KTKH2302
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31,5 tiết
 - Bài tập: 11,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi học nghiên cứu học phần Kinh tế vĩ mô, sinh viên phải hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô. Cụ thể, trình bày được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Giải thích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.

+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), *GT Kinh tế vĩ mô*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục
3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), *Bài giảng Kinh tế vĩ mô*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục;
2. Nguyễn Văn Dân (2008), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính;
3. Tổng cục thống kê (2017), Công văn số 325/TCTK-TKQG V/v biên soạn số liệu GDP.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;

Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;

Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;

Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN	6,5	2,5		9	18	
1.1. Kinh tế vĩ mô là gì ?	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Đối tượng và phương	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
pháp nghiên cứu						
1.3. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.4. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.5. Mối quan hệ giữa GDP, GNP, NNP, NI, Yd	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.6. GDP và phúc lợi kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
1.7. Chỉ số giá hàng tiêu dùng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, phần 2; Làm bài tập chương 1
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Làm bài tập chương 2
2.2. Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế dài hạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.4. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG	3			3	6	
3.1. Tổng cầu của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.2. Tổng cung của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6;
3.4. Biến động kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	4	4		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu theo cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 7; Làm bài tập chương 4
4.1.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	1,5			1,5	3	
4.1.2. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn	0,5	1		1,5	3	
4.1.3. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế đóng	0,5	1		1,5	3	
4.1.4. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở	0,5	1		1,5	3	
4.2. Chính sách tài khoá	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7;
Chương 5. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4	3		7	14	
5.1. Khái niệm, chức năng và phân loại tiền	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;
5.2. Hệ thống ngân hàng	0,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Cung tiền	1	1,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.4. Cầu tiền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8;
5.5. Cân bằng thị trường tiền tệ	0,5	1		1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.6. Chính sách tiền tệ	0,5	0,5		0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, phần 3
5.7. Sự tương tác giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6	1,5		7,5	15	
6.1. Lạm phát	2,5	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 9;
6.1.1. Khái niệm và đo lường	0,5	1		1	2	Làm bài tập chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lạm phát</i>						
6.1.2. Phân loại lạm phát	0,5			0,5	1	
6.1.3. Nguyên nhân gây ra lạm phát	1			1	2	
6.1.4. Tác động của lạm phát	0,5			0,5	1	
6.2. Thất nghiệp	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 5;
6.2.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp	0,5	0,5		1	2	Làm bài tập chương 6
6.2.2. Phân loại thất nghiệp	1,5			1,5	3	
6.2.3. Tác động của thất nghiệp	0,5			0,5	1	
6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	1			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	4			4	8	
7.1. Cán cân thanh toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.2. Tỷ giá hối đoái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10;
7.4. Tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.5. Các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, phần 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31,5	11,5	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Economics**
- Mã học phần: KTTM2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Tóm tắt được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Hiểu được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so

sánh được sự khác biệt giữa các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề sử dụng, khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế tài nguyên và môi trường nghiên cứu các vấn đề tài nguyên, môi trường dưới góc độ phân tích của kinh tế học.

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Robert N. Stavins (2012), *Economics of the environment*, W. W. Norton & Company, Inc.
3. Ola Flaaten (2011), *Fisheries Economics and Management*, Norwegian College of Fishery Science University of Tromsø, N-9037 Tromsø, Norway.
4. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), *Natural Resource and Environmental Economics*, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2			2	4	
1.1. Sự ra đời của Khoc học kinh tế tài nguyên và môi trường 1.2. Giới thiệu học phần Kinh tế tài nguyên và môi trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.3. Tài nguyên, môi trường và	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hệ thống kinh tế						Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6	1		7	14	
2.1. Cung - cầu và cân bằng thị trường 2.1.1. Cầu 2.1.2. Cung 2.1.3. Cân bằng thị trường 2.2. Lợi ích ròng xã hội	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.3. Một số dạng thị trường 2.3.1. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 2.3.2. Thị trường độc quyền	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.4. Thất bại thị trường 2.2.1. Khái quát về thất bại thị trường 2.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường 2.4.3. Ngoại ứng	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN	7	2		9	18	
3.1. Kinh tế tài nguyên có khả năng tái sinh 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên có khả năng tái sinh 3.1.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên có khả năng tái sinh	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 7. Đọc TLĐT 3, chương 2,3,5. Đọc TLĐT 4, chương 17.
3.2. Kinh tế tài nguyên không có khả năng tái sinh 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên không có khả năng tái sinh	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 8. Đọc TLĐT 4, chương 15.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh						
3.3. Một số công cụ trong quản lý tài nguyên 3.3.1. Thuế 3.3.2. Giá trần - Giá sàn 3.3.3. Hạn ngạch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8. Đọc TLĐT 3, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ Ô NHIỄM	7	3		10	20	
4.1. Ô nhiễm tối ưu 4.1.1. Khái niệm ô nhiễm tối ưu 4.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 6.
4.2. Định lý Ronald Coase	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.
4.3. Một số công cụ kiểm soát ô nhiễm 4.3.1. Thuế Pigou 4.3.2. Trợ cấp giảm thải 4.3.3. Phí xả thải và chuẩn thải 4.3.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng	4	3		7	14	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 7.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý thống kê kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Principles of Economic Statistics**
- Mã học phần: KTPT2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 70 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu những kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Trình bày và hiểu được quá trình thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; có khả năng vận dụng phân tích, đánh giá các hiện tượng, quá trình kinh tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc vận dụng những kiến thức đã học tính toán, phân tích các thông tin kinh tế đơn giản tại doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế được phân bổ thành 5 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê.

Chương 2. Thu thập dữ liệu thống kê: giới thiệu những kiến thức về dữ liệu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập dữ liệu thống kê, phương pháp chọn mẫu.

Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ tiêu so sánh, các chỉ tiêu thể hiện điển hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng.

Chương 5. Dự báo thống kê: giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và phương pháp chỉ số trong phân tích sự biến động của các hiện tượng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), *Giáo Trình thống kê Kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

(2) Khoa Thống kê, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, *Giáo trình Lý thuyết thống kê* (2014), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân

(3) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê,

(2) Chu Văn Tuấn, Phạm Thị Kim Vân (2008), *Lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài chính.

(3) Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2009), *Bài tập & Bài giải Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê...

(4) Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	B T	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	3			3	8	
1.1 Khái niệm về thống kê <i>1.1.1 Định nghĩa về thống kê</i> <i>1.1.2 Nhiệm vụ của thống kê</i>						
1.2 Giới thiệu về học phần nguyên lý thống kê <i>1.2.1 Khái niệm về nguyên lý thống kê</i> <i>1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê</i> <i>1.2.3 Phương pháp nghiên cứu của nguyên lý thống kê</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê <i>1.3.1 Tổng thể thống kê, đơn vị tổng thể, mẫu, đơn vị mẫu, quan sát</i> <i>1.3.2 Tiêu thức thống kê, lượng biến, tần số, tần suất</i> <i>1.3.3 Chỉ tiêu thống kê</i> <i>1.3.4 Các loại thang đo</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1
1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê <i>1.4.1 Điều tra thống kê</i> <i>1.4.2 Xử lý và tổng hợp thống kê</i> <i>1.4.3 Phân tích và dự đoán thống kê</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	B T	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5 Một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê <i>1.5.1 Phần mềm SAS</i> <i>1.5.2 Phần mềm STATA</i> <i>1.5.3 Phần mềm Microsoft Excel</i> <i>1.5.4 Phần mềm SPSS</i>						
CHƯƠNG 2. THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	1		4	10	
2.1 Khái niệm về dữ liệu thống kê <i>2.1.1 Định nghĩa về dữ liệu thống kê</i> <i>2.1.2 Phân loại dữ liệu thống kê</i>	0, 5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 2
2.2 Thu thập dữ liệu thống kê <i>2.2.1 Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê</i> <i>2.2.2 Hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thống kê</i> <i>2.2.3 Phương pháp thu thập dữ liệu thống kê</i> <i>2.2.4 Sai số trong thu thập dữ liệu thống kê</i>	1	0,5		1,5	5	Đọc TLC 2, chương 2
2.3 Phương pháp chọn mẫu <i>2.3.1 Khái niệm về chọn mẫu</i> <i>2.3.2 Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên</i> <i>2.3.3 Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên</i> <i>2.3.4 Phương pháp tổ chức điều tra</i>	1, 5	0,5		2	4	Đọc TLC 2, chương 2, 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	B T	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>chọn mẫu</i> 2.3.5 Sai số trong điều tra chọn mẫu						
CHƯƠNG 3. TỔNG HỢP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ	4	2		6	10	
3.1 Phân tổ thống kê 3.1.1 Khái niệm về phân tổ thống kê 3.1.2 Tiêu thức phân tổ thống kê 3.1.3 Các phương pháp phân tổ thống kê	2	1		3	2	Đọc TLC 2, chương 3
3.2 Bảng thống kê 3.2.1 Khái niệm về bảng thống kê 3.2.2 Phân loại bảng thống kê 3.2.3 Yêu cầu và quy ước xây dựng bảng thống kê 3.2.4 Thao tác trình bày bảng thống kê trên SPSS	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
3.3 Đồ thị thống kê 3.3.1 Khái niệm về đồ thị thống kê 3.3.2 Phân loại đồ thị thống kê 3.3.3 Yêu cầu khi xây dựng đồ thị thống kê 3.3.4 Thao tác vẽ đồ thị thống kê trên SPSS	1			1	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG	4	3		7	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	B T	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1 Các chỉ tiêu so sánh <i>4.1.1 Số tuyệt đối</i> <i>4.1.2 Số tương đối</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4
4.2 Các chỉ tiêu thể hiện điển hình <i>4.2.1 Số bình quân cộng</i> <i>4.2.2 Số bình quân nhân</i> <i>4.2.3 Trung vị</i> <i>4.2.4 Mốt</i>	1, 5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 4
4.3 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân <i>4.3.1 Khoảng biến thiên</i> <i>4.3.2 Độ lệch tuyệt đối bình quân</i> <i>4.3.3 Phương sai</i> <i>4.3.4 Độ lệch chuẩn</i> <i>4.3.5 Hệ số biến thiên</i>	1	0,5		1,5	7	Đọc TLC 2, chương 4
4.4 Thao tác tính toán một số chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng trên SPSS <i>4.4.1 Mô tả dữ liệu Frequencies</i> <i>4.4.2 Mô tả dữ liệu Descriptives</i>	0, 5			0,5	3	Đọc TLC 3, chương 3
CHƯƠNG 5. DỰ BÁO THỐNG KÊ	5	3		8	22	
5.1 Phân tích dãy số thời gian và dự báo <i>5.1.1 Khái niệm và phân loại dãy số thời gian</i> <i>5.1.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian</i> <i>5.1.3 Một số mô hình dự báo theo dãy số thời gian</i>	2	1,5		3,5	11	Đọc TLC 2, chương 13

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	B T	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2 Phương pháp chỉ số 5.2.1 Khái niệm và phân loại chỉ số 5.2.2 Chỉ số cá thể 5.2.3 Chỉ số tổng hợp 5.2.4 Một số chỉ số thường gặp trong thực tế	3	1,5		4,5	11	Đọc TLC 2, chương 14
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	19	9	2	30	70	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**
 - Tiếng Anh: Business Administration

- Mã học phần: KTQU2302

- Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa học vừa làm

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về quản trị kinh doanh.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng hệ thống kiến thức nắm được những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản trị kinh doanh gồm 5 chương, nghiên cứu những kiến thức cơ bản nhằm phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, các hoạt động marketing, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chất lượng, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, giúp triển khai và áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Marketing căn bản*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), *Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 1*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Phan Kim Chiến (2006), *Giáo trình lý thuyết quản trị kinh doanh*, NXB Khoa học kỹ thuật.
2. Phạm Quang Trung (2012), *Quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Vân Điềm (2013), *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH	3			3	6	
1.1 Doanh nghiệp <i>1.1.1 Định nghĩa doanh nghiệp</i> <i>1.1.2 Các loại hình doanh nghiệp</i> <i>1.1.3 Thành lập, giải thể và phá sản doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1
1.2 Kinh doanh <i>1.2.1 Khái niệm và mục đích của kinh doanh</i> <i>1.2.2 Chu kỳ kinh doanh</i> <i>1.2.3 Mô hình kinh doanh</i> <i>1.2.4 Xu hướng phát triển kinh doanh</i>	1	\		1	2	Đọc TLC 2, chương 1
1.3 Quản trị kinh doanh <i>1.3.1 Khái niệm, mục đích và đặc điểm của quản trị kinh doanh</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.3.2 Cơ sở tổ chức hoạt động quản trị</p> <p>1.3.3 Một số phương pháp quản trị</p>						
CHƯƠNG 2. HOẠT ĐỘNG MARKETING TRONG DOANH NGHIỆP	5	2		7	14	
<p>2.1 Một số khái niệm cơ bản của marketing</p> <p>2.1.1 Nhu cầu</p> <p>2.1.2 Mong muốn</p> <p>2.1.3 Yêu cầu tiêu dùng</p> <p>2.1.4 Hàng hóa</p> <p>2.1.5 Trao đổi</p> <p>2.1.6 Thị trường</p> <p>2.1.7 Marketing</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
<p>2.2 Phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu</p> <p>2.2.1 Phân đoạn thị trường</p> <p>2.2.2 Lựa chọn thị trường mục tiêu</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3
<p>2.3 Hành vi mua của khách hàng</p> <p>2.3.1 Hành vi mua của người tiêu dùng</p> <p>2.3.2 Hành vi mua của tổ chức</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
<p>2.4 Chiến lược marketing hỗn hợp</p> <p>2.4.1 Chiến lược sản phẩm</p> <p>2.4.2 Chiến lược giá</p> <p>2.4.3 Chiến lược phân phối</p>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5,6,7,8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>2.4.4 Chiến lược xúc tiến</i>						
CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	4	1		5	10	
3.1 Khái quát về quản trị nhân lực <i>3.1.1 Khái niệm quản trị nhân lực</i> <i>3.1.2 Mục tiêu của quản trị nhân lực</i> <i>3.1.3 Vai trò của quản trị nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1
3.2 Phân tích công việc <i>3.2.1 Khái niệm và ý nghĩa của phân tích công việc</i> <i>3.2.2 Những nội dung của bản mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc</i>						Đọc TLC 2, chương 3
3.3 Chiến lược và hoạch định nguồn nhân lực <i>3.3.1 Chiến lược nguồn nhân lực và mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp</i> <i>3.3.2 Hoạch định nguồn nhân lực</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4
3.4 Tuyển dụng nhân lực <i>3.4.1 Khái niệm, vai trò tuyển dụng nhân lực</i> <i>3.4.2 Quá trình tuyển dụng nhân lực</i>						Đọc TLC 2, chương 5
3.5 Đào tạo và phát triển nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.5.1 Khái niệm, mục đích, vai trò của đào tạo và phát triển nhân lực</p> <p>3.5.2 Quá trình đào tạo nhân lực</p> <p>3.5.3 Các phương pháp đào tạo và phát triển nhân lực</p>						
<p>3.6 Thù lao lao động</p> <p>3.6.1 Khái niệm và yêu cầu của thù lao lao động</p> <p>3.6.2 Nội dung, trình tự xây dựng thang bảng lương</p> <p>3.6.3 Các hình thức trả lương</p>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 10,11,12
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH	4	3		7	14	
<p>4.1 Khái quát về quản trị tài chính</p> <p>4.1.1 Khái niệm và vai trò của quản trị tài chính</p> <p>4.1.2 Nội dung của quản trị tài chính</p>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
<p>4.2 Các nguồn cung ứng vốn cho doanh nghiệp</p> <p>4.2.1 Nguồn cung ứng từ nội bộ doanh nghiệp</p> <p>4.2.2 Nguồn cung ứng vốn từ bên ngoài</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 4
4.3 Phân tích tài chính doanh nghiệp	2	2		4	8	Đọc TLC 3, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.3.1 Ý nghĩa của phân tích tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.3.2 Các báo cáo tài chính của doanh nghiệp</p> <p>4.3.3 Phân tích tình hình tài chính qua các nhóm chỉ số tài chính</p>						
CHƯƠNG 5. HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	4	2		6	12	
<p>5.1 Khái quát về hiệu quả kinh doanh</p> <p>5.1.1 Khái niệm hiệu quả kinh doanh</p> <p>5.1.2 Các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh</p> <p>5.1.3 Sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả kinh doanh</p>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13
5.2 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 13
<p>5.3 Các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh</p> <p>5.3.1 Giải pháp trong khâu tạo lập doanh nghiệp</p> <p>5.3.2 Giải pháp mang tính chiến lược</p> <p>5.3.3 Giải pháp tác nghiệp</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 13
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Economic contracts in business**
- Mã học phần: KTQU2303
- Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa học vừa làm

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và Khóa luận tốt ngh nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản Trị Kinh Doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Có hiểu biết rõ ràng về những đặc trưng pháp lý và các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, nắm rõ các nội dung cơ bản của một số hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.
- *Về kỹ năng:* Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình soạn thảo và ra quyết định các loại hợp đồng kinh tế như: hợp đồng mua bán, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng liên doanh.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Một số vấn đề chung về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh trên phương diện lý luận và thực tiễn; Nghiên cứu và dự thảo mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng thành lập công ty, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Bộ môn Quản trị kinh doanh (2019), *Bài giảng Hợp đồng kinh tế*
2. Ngô Huy Cương (2013), *Giáo trình luật hợp đồng – Phần chung*, NXB ĐH Quốc Gia.
3. Lương Đức Cường (2013), *Các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất dùng trong doanh nghiệp*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nông Quốc Bình (2017), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB Công an nhân dân.
2. Trường ĐH Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật thương mại - tập 1*, NXB Công an nhân dân.
3. Trường ĐH Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật thương mại - tập 2*, NXB Công an nhân dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG KINH TẾ TRONG KINH DOANH	5			5	10	
1.1 Khái niệm và phân loại hợp đồng kinh tế <i>1.1.1 Khái niệm hợp đồng kinh tế</i> <i>1.1.2 Phân loại hợp đồng kinh tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 4, 6
1.2 Ký kết hợp đồng kinh tế <i>1.2.1 Nguyên tắc ký kết hợp đồng kinh tế</i> <i>1.2.2 Căn cứ ký kết hợp đồng kinh tế</i> <i>1.2.3 Chủ thể hợp đồng kinh tế</i> <i>1.2.4 Thủ tục, trình tự ký kết hợp đồng kinh tế</i>						
1.3 Cơ cấu của văn bản hợp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>đồng kinh tế</p> <p><i>1.3.1 Khái niệm và phân loại văn bản hợp đồng kinh tế</i></p> <p><i>1.3.2 Cơ cấu chung của một văn bản hợp đồng kinh tế</i></p>						1; Đọc TLC 3, chương 6
<p>1.4 Thực hiện hợp đồng kinh tế trong nền kinh tế thị trường</p> <p><i>1.4.1 Các nguyên tắc thực hiện hợp đồng kinh tế</i></p> <p><i>1.4.2 Các biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng kinh tế</i></p> <p><i>1.4.3 Những yêu cầu cơ bản trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 7
<p>1.5 Một số vấn đề về thay đổi, đình chỉ, thanh lý và hợp đồng kinh tế vô hiệu</p> <p><i>1.5.1 Thay đổi hợp đồng kinh tế</i></p> <p><i>1.5.2 Đình chỉ hợp đồng kinh tế</i></p> <p><i>1.5.3 Thanh lý hợp đồng kinh tế</i></p> <p><i>1.5.4 Hợp đồng kinh tế vô hiệu</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1;
<p>1.6 Trách nhiệm tài sản do vi phạm hợp đồng kinh tế</p> <p><i>1.6.1 Khái niệm trách nhiệm tài sản</i></p> <p><i>1.6.2 Các hình thức trách nhiệm tài sản</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.7 Ngôn ngữ và văn phạm						Đọc TLC 1, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>trong hợp đồng kinh tế</p> <p><i>1.7.1 Yêu cầu khi sử dụng ngôn ngữ trong văn bản hợp đồng kinh tế</i></p> <p><i>1.7.2 Yêu cầu về văn phạm trong soạn thảo hợp đồng kinh tế</i></p>						
CHƯƠNG 2: HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA	3	1		4	8	
<p>2.1 Khái quát về hợp đồng mua bán hàng hóa</p> <p><i>2.1.1 Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa</i></p> <p><i>2.1.2 Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mua bán hàng hóa</i></p>	1			1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 2;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 5</p>
<p>2.2 Nội dung cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa</p> <p><i>2.2.1 Điều khoản về đối tượng của hợp đồng</i></p> <p><i>2.2.2 Điều khoản về số lượng hàng hóa</i></p> <p><i>2.2.3 Điều khoản về chất lượng, quy cách hàng hóa</i></p> <p><i>2.2.4 Điều khoản về bao bì và ký mã hiệu</i></p> <p><i>2.2.5 Điều khoản về giao nhận hàng</i></p> <p><i>2.2.6 Điều khoản về bảo hành hàng hóa và giấy hướng dẫn sử dụng</i></p> <p><i>2.2.7 Điều khoản về giá cả</i></p>	1	1		2	4	<p>Đọc TLC 1, chương 2;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 5</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.2.8 Điều khoản về thanh toán</p> <p>2.2.9 Điều khoản về trách nhiệm vật chất</p> <p>2.2.10 Điều khoản về các thỏa thuận khác (nếu cần)</p> <p>2.2.11 Điều khoản về hiệu lực của hợp đồng</p> <p>2.2.12 Ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa</p> <p>2.2.13 Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa</p>						
2.3 Dự thảo mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 3: HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA	3	2		5	10	
<p>3.1 Khái quát về hợp đồng vận chuyển hàng hóa</p> <p>3.1.1 Khái niệm về hợp đồng vận chuyển hàng hóa</p> <p>3.1.2 Đặc điểm của hợp đồng vận chuyển hàng hóa</p> <p>3.1.3 Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng vận chuyển hàng hóa</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
<p>3.2 Nội dung cơ bản của hợp đồng vận chuyển hàng hóa</p> <p>3.2.1 Nguyên tắc thuê chở, nhận chở</p> <p>3.2.2 Nguyên tắc giao nhận</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hàng vận chuyển</i> 3.2.3 Nguyên tắc xếp dỡ hàng hóa 3.2.4 Cước phí vận tải và cách thanh toán 3.2.5 Nguyên tắc bồi thường và vi phạm hợp đồng 3.2.6 Các trường hợp miễn bồi thường, miễn cước phí 3.2.7 Hiệu lực hợp đồng vận chuyển hàng hóa						
3.3 Dự thảo mẫu hợp đồng vận chuyển hàng hóa	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4: HỢP ĐỒNG KINH TẾ DỊCH VỤ	3	2		5	10	
4.1 Khái quát về hợp đồng kinh tế dịch vụ 4.1.1 Khái niệm về hoạt động kinh tế dịch vụ 4.1.2 Khái quát về hợp đồng kinh tế dịch vụ 4.1.3 Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ kinh tế dịch vụ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
4.2 Nội dung cơ bản của hợp đồng kinh tế dịch vụ 4.2.1 Điều khoản về công việc giao dịch 4.2.2 Điều khoản về vật tư 4.2.3 Điều khoản về giá cả 4.2.4 Điều khoản về nghiệm	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thu</i> 4.2.5 Điều khoản về bảo hành 4.2.6 Điều khoản về thanh toán 4.2.7 Điều khoản về thời gian có hiệu lực của hợp đồng 4.2.8 Điều khoản về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng 4.2.9 Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng kinh tế						
4.3 Dự thảo mẫu hợp đồng kinh tế dịch vụ	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 5: HỢP ĐỒNG KINH TẾ TRONG LIÊN KẾT KINH TẾ	3	1		4	8	
5.1 Khái quát về liên kết kinh tế 5.1.1 Khái niệm về liên kết kinh tế 5.1.2 Các yếu tố phát sinh liên kết kinh tế 5.1.3 Mục tiêu và ý nghĩa của liên kết kinh tế 5.1.4 Các hình thức liên kết kinh tế 5.1.5 Các nguyên tắc trong liên kết kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7
5.2 Tổ chức quản lý liên kết kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.2.1 Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị đối với hình thức liên kết kinh tế hợp tác sản xuất kinh doanh</p> <p>5.2.2 Tổ chức và hoạt động của xí nghiệp, công ty liên doanh</p>						
<p>5.3 Nội dung cơ bản của hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế</p> <p>5.3.1 Cơ sở pháp lý hình thành hợp đồng</p> <p>5.3.2 Chủ thể của hợp đồng và thủ tục ký kết</p> <p>5.3.3 Nội dung các điều khoản của hợp đồng</p> <p>5.3.4 Giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7
5.4 Dự thảo mẫu hợp đồng hợp kinh tế trong liên kết kinh tế						
CHƯƠNG 6: HỢP ĐỒNG HỢP TÁC VÀ LIÊN DOANH VỚI NƯỚC NGOÀI	3	3		5	10	
<p>6.1 Hợp đồng hợp tác kinh doanh</p> <p>6.1.1 Khái niệm về hợp đồng hợp tác kinh doanh</p> <p>6.1.2 Những yêu cầu và nội dung chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh</p>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>6.1.3 Dự thảo mẫu hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>						
6.2 Hợp đồng liên doanh với nước ngoài <i>6.2.1 Khái quát chung về hợp đồng liên doanh với nước ngoài</i> <i>6.2.2 Những yêu cầu và nội dung chính của hợp đồng liên doanh với nước ngoài</i> <i>6.2.3 Dự thảo mẫu hợp đồng liên doanh với nước ngoài</i>	1,5	2		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	09	01	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị dự án đầu tư**
 - Tiếng Anh: **Project Management**
- Mã học phần: **KTQU2304**
- Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa học vừa làm

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và Khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như: Tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư; thẩm định một dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án..).
- *Về kỹ năng:* Phân tích đánh giá và xây dựng các mô hình; các yêu cầu và giới hạn mục tiêu của quản lý dự án; khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong quá trình quản trị dự án.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị dự án đầu tư; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: lập kế hoạch và lựa chọn phương án dự án đầu tư; quản trị thời gian và tiến độ công việc theo mạng thời gian, theo phương pháp sơ đồ PERT và theo phương pháp sơ đồ GANTT; quản trị việc bố trí và điều phối nguồn lực thực hiện dự án; dự toán ngân sách và quản trị chi phí của một dự án; quản trị chất lượng, quản trị rủi ro và giám sát đánh giá dự án.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Từ Quang Phương (2014), *Quản lý dự án*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), *Lập dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lưu Thị Hương (2010), *Thẩm định tài chính dự án*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Lập dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Bùi Xuân Phong (2008.), *Quản trị dự án*, Nhà xuất bản học viện công nghệ bưu chính viễn thông

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Tổng quan về quản trị dự án đầu tư	3,0			3,0	6,0	
1.1 Dự án đầu tư						Đọc TL chính (1) Trang:9 – 12
1.1.1 Khái niệm	1,5			1,5	3,0	
1.1.2 Đặc trưng của dự án đầu tư						
1.2 Quản trị dự án đầu tư						Đọc TL chính (1) Trang:13 – 28
1.2.1 Khái niệm, mục tiêu, vai trò của Quản trị dự án đầu tư	1,5			1,5	3,0	
1.2.2 Nội dung Quản trị dự án đầu tư						
Chương 2. Lập kế hoạch và lựa chọn phương án dự án đầu tư	2,0	5,0		7,0	14	
2.1 Lập kế hoạch dự án đầu tư						Đọc TL đọc thêm (1) Trang:27-266
2.1.1 Nghiên cứu phát hiện cơ hội đầu tư	1,0	1,0		2,0	4,0	
2.1.2 Nghiên cứu tiền khả thi						
2.1.3 Nghiên cứu khả thi						
2.1.4 Lập kế hoạch dự án						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 So sánh và lựa chọn phương án đầu tư <i>2.2.1 Xét trên phương diện tài chính</i> <i>2.2.2 Xét trên phương diện kinh tế xã hội</i> <i>2.2.3 Xét trên phương diện khác</i> <i>2.2.3 Xét trên phương diện khác</i>	1,0	4,0		5,0	10,0	Đọc TL đọc thêm (1) Trang:27-266
Chương 3. Quản trị thời gian và tiến độ dự án đầu tư	2,5	2,0		4,5	9,0	
3.1 Mạng công việc <i>3.1.1 Khái niệm và tác dụng</i> <i>3.1.2 Phương pháp biểu diễn mạng công việc</i>	0,5	1,0		1,5	3,0	Đọc TL chính (1) Trang:71 – 76
3.2 Phương pháp sơ đồ mạng PERT <i>3.2.1 Khái niệm và cấu trúc của sơ đồ PERT</i> <i>3.2.2 Các ký hiệu, quy tắc lập sơ đồ PERT</i> <i>3.2.3 Các bước vẽ sơ đồ PERT</i> <i>3.2.4 Ưu điểm và hạn chế của sơ đồ PERT</i>	1,0	0,5		1,5	3,0	Đọc TL chính (1) Trang:77 – 100
3.3 Phương pháp sơ đồ GANTT <i>3.3.1 Khái niệm và cấu trúc của sơ đồ GANTT</i> <i>3.3.2 Các bước vẽ sơ đồ GANTT</i>	0,5	0,5		1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang:100 – 101

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.3 Ưu điểm và hạn chế của sơ đồ GANTT						
3.4 Mối quan hệ giữa PERT và GANTT	0,5			0,5	1,0	Đọc TL chính (1) Trang:101 – 102
Chương 4. Tổ chức và phân phối các nguồn lực của dự án	2,5	2,0		4,5	9,0	
4.1 Tổ chức nhân lực dự án						
4.1.1 Bộ phận lao động gián tiếp	0,5			0,5	1,0	Đọc TL chính (1) Trang:107 – 146
4.1.2 Bộ phận lao động trực tiếp						
4.2 Phân phối các nguồn lực						
4.2.1 Biểu đồ phụ tải nguồn lực và điều chỉnh nguồn lực	2,0	2,0		4,0	8,0	Đọc TL chính (1) Trang:107 – 146
4.2.2 Phân phối nguồn lực bằng phương pháp ưu tiên						
Chương 5. Dự toán ngân sách và quản trị chi phí dự án đầu tư	2,0			2,0	4,0	
5.1 Dự toán ngân sách						
5.1.1 Khái niệm, vai trò, đặc điểm						
5.1.2 Phân loại dự toán ngân sách	1,0			1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang:149 – 152
5.1.3 Phương pháp dự toán ngân sách						
5.2 Quản trị chi phí dự án						
5.2.1 Chi phí dự án	1,0			1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang:152 – 185
5.2.2 Dự toán chi phí công việc dự án						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.3 Phân tích dòng chi phí dự án 5.2.4 Kiểm soát chi phí dự án						
Chương 6. Quản trị chất lượng dự án đầu tư	3,0			3,0	6,0	
6.1 Khái niệm chất lượng, quản trị chất lượng và ý nghĩa của quản trị chất lượng 6.1.1 Khái niệm chất lượng 6.1.2 Khái niệm quản trị chất lượng 6.1.3 Ý nghĩa của quản trị chất lượng	1,0			1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang: 185 – 188
6.2 Nội dung chủ yếu của quản trị chất lượng dự án đầu tư. 6.2.1 Lập kế hoạch chất lượng dự án 6.2.2 Đảm bảo chất lượng dự án 6.2.3 Kiểm soát chất lượng dự án	1,0			1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang: 188 – 196
6.3 Các công cụ quản trị chất lượng dự án đầu tư	1,0			1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang: 197 – 204
Chương 7. Quản trị rủi ro dự án đầu tư	2,0			2,0	4,0	
7.1 Rủi ro 7.1.1 Khái niệm 7.1.2 Phân loại 7.1.3 Các phương pháp đo	1,0			1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang: 233 – 258

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lường rủi ro</i>						
7.2 Quản trị rủi ro <i>7.2.1 Khái niệm quản trị rủi ro</i> <i>7.2.2 Nội dung quản trị rủi ro</i> <i>7.2.3 Các phương pháp quản trị rủi ro</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang:233 – 258
Chương 8. Giám sát và đánh giá dự án	3,0		1,0	4,0	8,0	
8.1 Giám sát dự án <i>8.1.1 Khái niệm, vai trò của giám sát dự án</i> <i>8.1.2 Phân loại giám sát dự án</i> <i>8.1.3 Các phương pháp giám sát dự án</i> <i>8.1.4 Nội dung của giám sát dự án</i>	1,0			1,0	2,0	Đọc TL chính (1) Trang: 205 – 232
8.2 Đánh giá dự án <i>8.2.1 Khái niệm, mục tiêu của đánh giá dự án</i> <i>8.2.2 Phân loại đánh giá dự án</i> <i>8.2.3 Các bước đánh giá dự án</i> <i>8.2.4 Các phương pháp đánh giá dự án</i> <i>8.2.5 Nội dung cơ bản của báo cáo đánh giá dự án</i>	2,0			2,0	4,0	Đọc TL chính (1) Trang: 205 – 232
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Cộng	20	9,0	1,0	30	60	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thống kê doanh nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Statistics Enterprises**
- Mã học phần: KTPT2303
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
 - Bài tập: 4 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi học nghiên cứu học phần Thống kê doanh nghiệp, sinh viên hiểu phân tích được những kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp. Cụ thể, trình bày được: khái niệm, điều kiện vận dụng và phương pháp thống kê các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp, thống kê tài sản cố định, thống kê tài sản lưu động, thống kê lao động và thu nhập của lao động; thống kê giá thành sản xuất; thống kê kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp phân tích một số chỉ tiêu thống kê về hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và phân tích được khái niệm về giá trị sản xuất, tài sản, lao động, năng suất lao động trong doanh nghiệp, phân tích và đánh giá các chỉ tiêu thống kê kết quả và hiệu quả trong doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng thống kê khoa học, tính toán các chỉ tiêu đánh giá nguồn lực đầu vào (lao động, vốn), các chỉ tiêu phản ánh kết quả đầu ra (giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, doanh thu, lợi nhuận,...); Tính toán các chỉ tiêu hiệu quả (năng suất lao động, giá thành,...); Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn, lao động, tiền lương của doanh nghiệp; Xây dựng được mô hình lượng hóa các nhân tố tác động đến kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng phân tích, tổng hợp và tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

Yêu thích học phân, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề của thống kê doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương trình bày những ứng dụng thống kê cụ thể cho công tác nghiên cứu, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể:

Chương 1. Những vấn đề cơ bản của thống kê doanh nghiệp: giới thiệu chung về khái niệm, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và nhiệm vụ của thống kê kinh doanh.

Chương 2. Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh: Làm rõ những vấn đề về kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; các chỉ tiêu đo lường kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích các kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chương 3. Thống kê tài sản trong doanh nghiệp: giới thiệu những kiến thức về thống kê tài sản lưu động trong doanh nghiệp như: khái niệm, phân loại, theo dõi và sử dụng tài sản lưu động và tài sản cố định.

Chương 4. Thống kê lao động trong doanh nghiệp: giới thiệu những kiến thức về lao động, số lượng lao động và phân loại lao động; thống kê về số lượng và chất lượng lao động; thống kê tình hình biến động về năng suất lao động, thời gian lao động và thu nhập của lao động trong doanh nghiệp.

Chương 5. Thống kê giá thành sản phẩm: giới thiệu về giá thành sản phẩm và phân tích tình hình biến động và hoàn thành kế hoạch giá thành sản phẩm.

Chương 6. Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh: giới thiệu những vấn đề chung về thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh và một số chỉ tiêu tính toán thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Đức Triệu (2010), *Thống kê kinh tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê,

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. TS. Chu Văn Tuấn (2010), *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
2. GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm, (2009), *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB Lao động – xã hội.
3. Mark L.Berenson, David M.Levine, Timothy C.Krehbiel, *Basic Business Statistics*.
4. Alan H.Kvanli, C.Stephan Guynes, Robert J.Pavur, *Introduction to Business Statistics*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.

Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP	2			2	4	
1.1 Khái niệm về thống kê doanh nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 3, chương 1; Đọc TLĐT 3, chương 1.
1.2 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu thống kê doanh nghiệp <i>1.2.1 Đối tượng nghiên cứu thống kê doanh nghiệp</i> <i>1.2.2 Phạm vi nghiên cứu thống kê doanh nghiệp</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 3, chương 1; Đọc TLĐT 3, chương 1.
1.3 Phương pháp luận của thống kê doanh nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 3, chương 1; Đọc TLĐT 3, chương 1.
1.4 Nhiệm vụ của thống kê doanh nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 3, chương 1; Đọc TLĐT 3, chương 1.
CHƯƠNG 2. THỐNG KÊ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH	3,5	0,5		4	8	
2.1 Những vấn đề chung về kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp <i>2.1.1 Khái niệm về kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 3, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.1.2 Đơn vị đo lường kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.1.3 Nguyên tắc xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</p>						
<p>2.2 Các chỉ tiêu đo lường kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.2.1 Giá trị sản xuất</p> <p>2.2.2 Chi phí trung gian</p> <p>2.2.3 Giá trị gia tăng</p> <p>2.2.4 Giá trị gia tăng thuần</p> <p>2.2.5 Lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.2.6 Một số chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác</p>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 3, chương 2.
<p>2.3 Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>2.3.1 Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch sản xuất</p> <p>2.3.2 Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch tiêu thụ sản phẩm</p> <p>2.3.3 Phân tích mức độ chênh lệch giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 3, chương 2.
CHƯƠNG 3. THỐNG KÊ TÀI SẢN TRONG DOANH NGHIỆP	5	1		6	12	
<p>3.1 Thống kê tài sản lưu động trong doanh nghiệp</p> <p>3.1.1 Khái niệm về tài sản lưu động trong doanh nghiệp</p> <p>3.1.2 Phân loại tài sản lưu động trong doanh nghiệp</p> <p>3.1.3 Thống kê theo dõi kết cấu, tình hình</p>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8,9; Đọc TLĐT 2, chương 5,6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>cung cấp, dự trữ nguyên vật liệu trong doanh nghiệp</i>						
<i>3.1.4 Thống kê tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp</i>						
3.2 Thống kê tài sản cố định trong doanh nghiệp <i>3.2.1 Khái niệm và phân loại tài sản cố định trong doanh nghiệp</i> <i>3.2.2 Thống kê số lượng tài sản cố định trong doanh nghiệp</i> <i>3.2.3 Thống kê khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp</i> <i>3.2.4 Đánh giá tình hình trang bị tài sản cố định trong doanh nghiệp</i> <i>3.2.5 Thống kê tình hình sử dụng tài sản cố định trong doanh nghiệp</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 8,9; Đọc TLĐT 2, chương 5,6; TLĐT 3
CHƯƠNG 4. THỐNG KÊ LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP	7	1	2	10	20	
4.1 Khái niệm và phân loại lao động trong doanh nghiệp <i>4.1.1 Khái niệm về lao động trong doanh nghiệp</i> <i>4.1.2 Phân loại lao động trong doanh nghiệp</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT23, chương 3,4.
4.2 Thống kê số lượng lao động trong doanh nghiệp <i>4.2.1 Khái niệm về số lượng lao động trong doanh nghiệp</i> <i>4.2.2 Các chỉ tiêu thống kê số lượng lao động trong doanh nghiệp</i> <i>4.2.3 Thống kê sự biến động số lượng lao</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 2, chương 3,4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>động và tình hình sử dụng số lượng lao động trong doanh nghiệp</i>						
4.3 Thống kê chất lượng lao động trong doanh nghiệp <i>4.3.1 Khái niệm về chất lượng lao động trong doanh nghiệp</i> <i>4.3.2 Các chỉ tiêu thống kê chất lượng lao động trong doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 2, chương 3,4.
4.4 Thống kê năng suất lao động trong doanh nghiệp <i>4.4.1 Khái niệm và phương pháp tính năng suất lao động</i> <i>4.4.2 Thống kê sự biến động của năng suất lao động</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 2, chương 3,4.
4.5 Thống kê thời gian lao động trong doanh nghiệp <i>4.5.1 Khái niệm về thời gian lao động của công nhân trực tiếp sản xuất</i> <i>4.5.2 Thống kê tình hình sử dụng thời gian lao động của công nhân trực tiếp sản xuất</i>	1	0,5	0,5	2	4	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 2, chương 3,4.
4.6 Thống kê thu nhập của lao động trong doanh nghiệp <i>4.6.1 Thu nhập và các nguồn hình thành thu nhập của lao động</i> <i>4.6.2 Các chỉ tiêu thống kê thu nhập của lao động trong doanh nghiệp</i> <i>4.6.3 Phân tích biến động tiền lương và ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động tiền lương của lao động trong doanh nghiệp</i>	1,5	0,5	0,5	2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 2, chương 3,4.
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 5. THỐNG KÊ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	3	1		4	8	
5.1 Những vấn đề chung về thống kê giá thành sản phẩm 5.1.1 <i>Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất</i> 5.1.2 <i>Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm</i> 5.1.3 <i>Nhiệm vụ thống kê giá thành sản phẩm của doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 2, chương 7.
5.2 Phân tích tình hình biến động và hoàn thành kế hoạch giá thành 5.2.1 <i>Phân tích biến động giá thành sản phẩm</i> 5.2.2 <i>Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch giá thành sản phẩm</i> 5.2.3 <i>Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến biến động giá thành</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 2, chương 7.
CHƯƠNG 6. THỐNG KÊ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH	2,5	0,5	1	4	8	
6.1 Những vấn đề chung về thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp 6.1.1 <i>Khái niệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh</i> 6.1.2 <i>Phân loại hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</i> 6.1.3 <i>Phương pháp tính hiệu quả sản xuất kinh doanh</i> 6.1.4 <i>Ý nghĩa và nhiệm vụ của thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 6; Đọc TLĐT 2, chương 8.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2 Các chỉ tiêu thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp 6.2.1 Chi phí trên một đồng doanh thu 6.2.2 Lợi nhuận trên một đồng doanh thu thuần 6.2.3 Hệ số doanh lợi của vốn kinh doanh 6.2.4 Hệ số khả năng sinh lợi của tài sản 6.2.5 Hiệu quả kinh tế của sử dụng vốn cố định 6.2.6 Hiệu quả kinh tế của sử dụng vốn lưu động	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 3, chương 6; Đọc TLĐT 2, chương 8.
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	23	4	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý thẩm định giá**
 - Tiếng Anh: **Principle Of Asset Evaluation**
- Mã học phần: KTKN2509
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài chính – Tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, mục đích, nguyên tắc thẩm định giá; So sánh và phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa các đối tượng thẩm định giá; Vận dụng được các phương pháp thẩm định giá phù hợp với từng loại tài sản cần thẩm định giá; trình bày được quy trình thẩm định giá, các nội dung của hồ sơ thẩm định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản và hiểu về pháp luật trong hoạt động thẩm định giá.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Phân tích được đối tượng thẩm định giá, ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp thẩm định giá để từ đó lựa chọn được phương pháp thẩm định giá phù hợp với từng loại tài sản cần thẩm định giá.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng được các phương pháp thẩm định giá để ước lượng giá trị của một số tài sản trong doanh nghiệp; Lập bộ hồ sơ thẩm định giá và hoàn thiện nội dung hợp đồng thẩm định giá.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích, đánh giá về giá trị của tài sản (như bất động sản, máy, thiết bị, doanh nghiệp,..) có thể đưa ra những quyết định tài chính, quyết định đầu tư phù hợp để nâng cao giá trị doanh nghiệp và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin, thái độ đúng đắn với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc (như: Độc lập, chính trực, khách quan, công khai minh bạch, bí mật, thận trọng,...) và trau dồi kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản về thẩm định giá tài sản, ý nghĩa của việc thẩm định giá, các nguyên tắc thẩm định giá, cơ sở thẩm định giá, các phương pháp thẩm định giá và tổ chức công tác thẩm định giá, hồ sơ của quá trình thẩm định giá. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học về pháp luật trong hoạt động thẩm định giá.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Ngọc Vinh (2014), *Giáo trình thẩm định giá trị bất động sản*, NXB Lao Động – Xã Hội

2. Nguyễn Minh Hoàng (2011), *Định giá tài sản*, NXB Tài chính.

3. Hay Sinh (2012), *Nguyên lý thẩm định giá*, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Văn Bình (2013), *Hệ thống câu hỏi và bài tập Định giá tài sản*, NXB Tài chính.

2. Vũ Minh Đức (2011), *Nguyên lý và tiêu chuẩn thẩm định giá*, NXB Kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Thế Phương (2011), *Thẩm định giá bất động sản*, NXB Phương Đông.

4. *Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam*.

5. *Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế*.

6. Bộ luật dân sự 2015

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp;
- Thảo luận, rèn kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THẨM ĐỊNH GIÁ	5			5	10	
1.1. Các khái niệm cơ bản về thẩm định giá 1.1.1. Tài sản 1.1.2. Quyền tài sản 1.1.3. Giá trị	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>1.1.4. Thẩm định giá</i>						
1.2. Mục đích và vai trò của thẩm định giá	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.3. Cơ sở của thẩm định giá <i>1.3.1. Cơ sở giá trị thị trường</i> <i>1.3.2. Cơ sở giá trị phi thị trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 3;
1.4. Các nguyên tắc thẩm định giá	1			1	2	
<i>1.4.1. Nguyên tắc sử dụng tốt nhất và hiệu quả nhất</i> <i>1.4.2. Nguyên tắc thay thế</i> <i>1.4.3. Nguyên tắc dự kiến các khoản lợi ích tương lai</i> <i>1.4.4. Nguyên tắc đóng góp</i> <i>1.4.5. Nguyên tắc cung cầu</i> <i>1.4.6. Các nguyên tắc khác</i>						Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 3;
CHƯƠNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ	9	7	1	17	34	
2.1. Phương pháp so sánh <i>2.1.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp so sánh</i> <i>2.1.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng</i> <i>2.1.3. Nội dung của phương pháp</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 3, chương 6;
2.2. Phương pháp chi phí <i>2.2.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp chi phí</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 7; Đọc TLĐT 4, TĐGVN 09;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.2.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng</p> <p>2.2.3. Nội dung của phương pháp</p>						
<p>2.3. Phương pháp thu nhập</p> <p>2.3.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp thu nhập</p> <p>2.3.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng</p> <p>2.3.3. Nội dung của phương pháp</p>	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 8; Đọc TLĐT 4, TĐGVN 10;
<p>2.4. Phương pháp thặng dư</p> <p>2.4.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp thặng dư</p> <p>2.4.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng</p> <p>2.4.3. Nội dung phương pháp</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 8; Đọc TLĐT 4, TĐGVN 11;
<p>2.5. Phương pháp tài sản</p> <p>2.5.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp tài sản</p> <p>2.5.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng</p> <p>2.5.3. Nội dung của phương pháp</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4;
<p>2.6. Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do</p> <p>2.6.1. Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng trong phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.6.2. Nguyên tắc và điều kiện áp dụng 2.6.3. Nội dung của phương pháp						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH GIÁ	3		1	4	8	
3.1. Quy trình thẩm định giá 3.1.1. Xác định tổng quát về tài sản cần thẩm định giá và cơ sở giá trị 3.1.2. Lập kế hoạch thẩm định giá 3.1.3. Khảo sát thực tế, thu thập thông tin. 3.1.4. Phân tích thông tin 3.1.5. Xác định giá trị tài sản cần thẩm định giá 3.1.6. Lập báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLC 3, chương 9;
3.2. Hồ sơ thẩm định giá 3.2.1. Tổng quan về hồ sơ thẩm định giá 3.2.2. Báo cáo kết quả thẩm định giá 3.2.3. Chứng thư thẩm định giá 3.2.4. Hợp đồng thẩm định giá	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLC 3, chương 9;
3.3. Thực trạng hoạt động thẩm định giá tài sản ở Việt Nam 3.3.1. Sự phát triển của nghề thẩm định giá ở Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.2. Hoạt động của các tổ chức thẩm định giá 3.3.3. Hội thẩm định giá Việt Nam						
Thảo luận			1	1	2	
CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH GIÁ	3		1	4	8	
4.1. Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá 4.1.1. Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam 4.1.2. Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Quốc tế	1			1	2	Đọc TLĐT 4; Đọc TLĐT 5;
4.2. Pháp luật áp dụng trong hoạt động thẩm định giá 4.2.1. Pháp luật về tài sản và quyền tài sản 4.2.2. Những quy định pháp lý về thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá 4.2.3. Pháp luật hợp đồng thẩm định giá và giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động thẩm định giá	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 4; Đọc TLĐT 6;
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	7	3	30	60	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**
 - Tiếng Anh: **Principles of Accounting**
- Mã học phần: KTKE2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng về nhận thức:* Nắm được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.
 - + *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.

+ *Kỹ năng tư duy*: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.

- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.

- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.

- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.

- Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên(2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội

2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính

3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Nguyên lý kế toán (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.

2. Võ Văn Nhị (2015), *Nguyên lý kế toán: Lý thuyết và hệ thống bài tập*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>

- Dạy học theo dự án Dạy học thực hành Thu thập số liệu
 Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 1
1.1. Khái niệm và phân loại kế toán						
1.1.1 Khái niệm kế toán 1.1.2 Phân loại kế toán						
1.2 Ý nghĩa, yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán trong đơn vị						
1.2.1. Ý nghĩa và vị trí của thông tin kế toán trong đơn vị 1.2.2. Yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán trong đơn vị						
1.3. Nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4. Các nguyên tắc và khái niệm chung được thừa nhận 1.4.1. Các khái niệm và giả định kế toán 1.4.2. Các nguyên tắc kế toán						
1.5. Đối tượng nghiên cứu của kế toán 1.5.1. Khái quát chung về đối tượng của kế toán 1.5.2. Tài sản và nguồn vốn của đơn vị 1.5.3. Tuần hoàn vốn trong kinh doanh						Đọc TLC (1) Chương 1
1.6. Hệ thống phương pháp kế toán 1.6.1. Phương pháp chứng từ kế toán 1.6.2. Phương pháp tính giá 1.6.3. Phương pháp đối ứng tài khoản kế toán 1.6.4. Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán						
1.6. Chu trình kế toán trong đơn vị						
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 2
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp chứng từ kế toán						
2.2. Hệ thống bản chứng từ kế toán 2.2.1. Khái niệm chứng từ kế toán 2.2.2. Các yếu tố của chứng từ kế toán 2.2.3. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng hệ thống bản chứng từ 2.2.4 Phân loại chứng từ kế toán						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.2.4.1. Phân loại theo nghiệp vụ kinh tế phản ánh trên chứng từ</p> <p>2.2.4.2. Phân loại theo công dụng của chứng từ</p> <p>2.2.4.3. Phân loại theo thời điểm lập chứng từ</p> <p>2.2.4.4. Phân loại theo địa điểm lập chứng từ</p> <p>2.2.4.5. Phân loại theo tính cấp bách của thông tin phản ánh trên chứng từ</p>						
2.3. Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán						
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	3	2		5	10	
<p>3.1. Khái niệm và vai trò của phương pháp tính giá</p> <p>3.1.1. Khái niệm phương pháp tính giá</p> <p>3.1.2. Vai trò của phương pháp tính giá</p>						
<p>3.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp tính giá</p> <p>3.2.1. Yêu cầu của phương pháp tính giá</p> <p>3.2.2. Nguyên tắc của phương pháp tính giá</p>						Đọc TLC (1) Chương 3
<p>3.3. Nội dung và trình tự tính giá tài sản mua vào</p> <p>3.3.1. Nội dung tính giá tài sản mua vào</p> <p>3.3.2. Trình tự tính giá tài sản mua vào</p>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 3.4.1. Nội dung tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 3.4.2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất						
3.5. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất kho sử dụng cho sản xuất – kinh doanh 3.5.1. Nội dung tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất 3.5.2. Trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất kho sử dụng cho sản xuất – kinh doanh.						
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN 4.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản 4.1.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản 4.1.2. Vị trí và tác dụng của phương pháp đối ứng tài khoản	4	1		5	10	Đọc TLC (1) Chương 4
4.2. Tài khoản kế toán 4.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về nội dung, kết cấu tài khoản 4.2.2. Kết cấu các tài khoản kế toán cơ bản 4.2.3. Chức năng của tài khoản kế toán						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3. Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép 4.3.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản 4.3.2. Phương pháp ghi sổ kép						
4.4. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích 4.4.1. Tài khoản tổng hợp 4.4.2. Tài khoản phân tích						
4.5 Hệ thống tài khoản kế toán 4.5.1. Đặc trưng cơ bản của hệ thống tài khoản kế toán 4.5.2. Đánh số hiệu và tên gọi các tài khoản 4.5.3. Mô hình sắp xếp tài khoản kế toán 4.5.2. Phân loại tài khoản kế toán						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP – CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 5
5.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán 5.1.1. Khái niệm và cơ sở hình thành phương pháp tổng hợp cân đối kế toán 5.1.2. Ý nghĩa, tác dụng của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán						
5.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán 5.2.1. Bảng cân đối kế toán 5.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 5.2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính 5.2.5. Các Báo cáo kế toán khác						
CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU	8	4		12	24	Đọc TLC (1) Chương 6
6.1. Khái quát về quá trình kinh doanh trong các đơn vị và nhiệm vụ của kế toán 6.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh trong các đơn vị 6.1.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình kinh doanh						
6.2 Kế toán quá trình mua hàng 6.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.2.2. Phương pháp kế toán quá trình mua hàng						
6.3. Kế toán quá trình sản xuất 6.3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.3.2. Phương pháp kế toán quá trình sản xuất						
6.4. Kế toán quá trình tiêu thụ 6.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.4.2. Phương pháp kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ 6.4.3. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong các đơn vị						
CHƯƠNG 7: SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN	2	1		3	6	Đọc TLC (1) Chương 7
7.1. Sổ kế toán						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1.1. Khái niệm sổ kế toán 7.1.2. Các loại sổ kế toán 7.1.3. Các quy tắc về sổ kế toán						Đọc TLC (1) Chương 8
7.2. Hình thức ghi sổ kế toán 7.2.1. Khái niệm hình thức ghi sổ kế toán 7.2.2. Các hình thức ghi sổ kế toán						
CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TRONG ĐƠN VỊ	2	1		3	6	
8.1. Ý nghĩa và nội dung của tổ chức bộ máy kế toán 8.1.1. Ý nghĩa tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị 8.1.2. Nội dung tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị						
8.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị 8.2.1. Các Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị 8.2.2. Nhiệm vụ kế toán các phân hành chủ yếu trong đơn vị						
CHƯƠNG 9: ỨNG DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN	2	1		3	6	
9.1 Tổng quan về phần mềm kế toán 9.1.1 Khái niệm và vai trò của phần mềm kế toán 9.1.2 Các điều kiện tiêu chuẩn của phần mềm kế toán 9.1.3 Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán						
9.2 Lựa chọn phần mềm kế toán 9.2.1 Tiêu chuẩn lựa chọn phần mềm						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
kế toán 9.2.2 Thực hành trên phần mềm kế toán						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Business Analysis**
- Mã học phần: KTKE2502
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị kinh doanh
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản và nâng cao để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Vận dụng các kiến thức đã học đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp những thông tin hữu hiệu phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản lý.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp cụ thể.
- + *Kỹ năng tư duy*: Nắm rõ các phương pháp phân tích, xác định các nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu phân tích, từ đó đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua phân tích có thể đề ra các giải pháp giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Hệ thống kiến thức về phương pháp phân tích tình hình hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích này được áp dụng trực tiếp vào các loại doanh nghiệp để phân tích tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giúp cho nhà quản trị, chủ sở hữu công ty và chủ nợ lường trước những khó khăn và thuận lợi của công ty, để từ đó đưa ra quyết định đúng đối với công ty.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB đại học kinh tế quốc dân
2. Nguyễn Ngọc Quang (2016), *Giáo trình phân tích Báo Cáo Tài Chính*, NXB Tài Chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Phân tích kinh doanh (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Nguyễn Năng Phúc (2007), *Phân tích kinh doanh*, Nhà xuất bản Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, là bài kiểm tra. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÂN TÍCH KINH DOANH	4	1		5	10	Đọc TLC (1) - Chương 1 và TLĐT (1) - Chương 1
1.1. Mục tiêu của phân tích kinh doanh <i>1.1.1. Ý nghĩa của phân tích kinh doanh</i> <i>1.1.2. Đối tượng của phân tích kinh doanh</i> <i>1.1.3. Mục tiêu của phân tích kinh doanh</i>	1			1	2	
1.2. Phương pháp phân tích kinh doanh	2	1		3	6	
1.3. Tổ chức và công tác phân tích <i>1.3.1. Phân loại công tác phân tích</i> <i>1.3.2. Tổ chức công tác phân tích</i>	1			1	2	
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH	7	2		9	18	Đọc TLC (1) -

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
KẾT QUẢ SẢN XUẤT						Chương 2 và TLĐT (1) - Chương 2
2.1. Ý nghĩa phân tích	1			1	2	
2.2. Phân tích kết quả sản xuất về mặt khối lượng <i>2.2.1. Phân tích quy mô sản xuất và sự thích ứng với thị trường</i> <i>2.2.2. Phân tích kết quả sản xuất theo mặt hàng</i> <i>2.2.3. Phân tích tính chất đồng bộ trong sản xuất</i> <i>2.2.4. Phân tích tính đều đặn trong sản xuất</i>	4	1		5	10	
2.3. Phân tích kết quả sản xuất về mặt chất lượng sản phẩm <i>2.3.1. Đối với sản phẩm có phân chia thứ hạng về chất lượng</i> <i>2.3.2. Đối với sản phẩm không phân chia thứ hạng về chất lượng</i>	2	1		3	6	
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	8	3	1	12	24	Đọc TLC (1) - Chương 2 và TLĐT (1) - Chương 3
3.1. Ý nghĩa	1			1	2	
3.2. Phân tích chung tình hình giá thành <i>3.2.1. Phân tích tình hình biến động giá thành đơn vị</i> <i>3.2.2. Phân tích tình hình biến động tổng giá thành</i>	2	1		3	6	
3.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phẩm so sánh được						
<i>3.3.1. Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được</i>						
<i>3.3.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm so sánh được</i>						
3.4. Phân tích chi phí sản xuất trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm	2	1		3	6	
3.5. Phân tích các khoản mục giá thành	1	1		2	4	
<i>3.5.1. Phân tích khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i>						
<i>3.5.2. Phân tích khoản mục chi phí nhân công trực tiếp</i>						
<i>3.5.3. Phân tích khoản mục chi phí sản xuất chung</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN	8	2		10	20	Đọc TLC (1) - Chương 2 và TLĐT (1) - Chương 4
4.1. Ý nghĩa	1			1	2	
4.2. Phân tích tình hình tiêu thụ	4	1		5	10	
<i>4.2.1. Phân tích chung tình hình tiêu thụ</i>						
<i>4.2.2. Phân tích tình hình tiêu thụ về mặt hàng chủ yếu</i>						
<i>4.2.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ</i>						
4.3. Phân tích tình hình lợi nhuận	3	1		4	8	
<i>4.3.1. Phân tích chung tình hình</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lợi nhuận của doanh nghiệp</i> 4.3.2. Phân tích tình hình lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh 4.3.3. Phân tích lợi nhuận khác						
CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7	1	1	9	18	Đọc TLC (1) - Chương 3, 4, 5 và TLĐT (1) - Chương 5
5.1. Ý nghĩa phân tích báo cáo tài chính	1			1	2	
5.2. Nguồn tài liệu và phương pháp phân tích 5.2.1. Nguồn tài liệu 5.2.2. Phương pháp phân tích	1			1	2	
5.3. Phân tích báo cáo tài chính 5.3.1. Phân tích bảng cân đối kế toán 5.3.2. Phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 5.3.3. Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2	1		3	6	
5.4. Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hợp đồng kinh doanh của doanh nghiệp	1			1	2	
5.5. Phân tích các tỷ số tài chính chủ yếu 5.5.1. Phân tích tỷ số khả năng thanh toán 5.5.2. Phân tích tỷ số cơ cấu tài chính 5.5.3. Phân tích tỷ số hiệu quả hoạt động	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán công**
 - Tiếng Anh: **Public Accounting**
- Mã học phần: KTKE2503
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, người học đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được các kiến thức cơ bản nhất về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp như: Khái niệm kế toán công, hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán sử dụng, phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Có thể lập, đọc các Báo cáo tài chính để đảm nhiệm các vị trí công tác trong phòng nghiệp vụ kế toán ở các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng các kiến thức đã học về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp để tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị hành chính sự nghiệp; biết cách lập, đọc các báo cáo tài chính, có thể đề xuất những giải pháp giúp các nhà quản lý

quản lý các khoản thu, chi, nguồn kinh phí của đơn vị một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Ngoài ra, thông qua các buổi thảo luận theo chuyên đề có thể giúp người học thành thạo kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Cung cấp kiến thức cơ bản nhất về Kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp về chứng từ sử dụng, phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, cách lập và đọc các Báo cáo tài chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Tài chính (2017), *Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp: Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện*, NXB Thông tin và truyền thông.

2. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội

3. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Lê Quang Mẫn, Nguyễn Thị Huyền Trâm, Hồ Xuân Hữu (2018), *Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kế toán công (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.

2. Bộ Tài chính (2017), Thông tư 107/2017/TT-BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TRONG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP	3			3	6	
1.1. Khái niệm và nhiệm vụ của kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Nhiệm vụ kế toán hành chính sự nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), chương 1,2
1.2. Tổ chức kế toán ở đơn vị hành chính sự nghiệp	1			1	2	
1.3. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho các đơn vị hành chính sự nghiệp	1			1	2	
1.4. Chứng từ, sổ sách và hình thức kế toán						
CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	4	1		5	10	
2.1. Nội dung, nguyên tắc kế	1			1	2	Đọc TLC (1),

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
toán, nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền						chương 3
2.2. Nội dung và phương pháp kế toán kế toán vốn bằng tiền 2.2.1. Kế toán tiền mặt 2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng – kho bạc	3	1		4	8	
CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ, SẢN PHẨM VÀ HÀNG HÓA	4	1	1	6	12	
3.1. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 3.1.1. Nội dung và nguyên tắc kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 3.1.2. Kế toán nhập, xuất vật liệu dụng cụ	2			2	4	Đọc TLC (1), chương 3
3.2. Kế toán sản phẩm, hàng hoá 3.2.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán sản phẩm, hàng hoá 3.2.2. Kế toán nhập xuất sản phẩm, hàng hoá	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	6	2		8	16	
4.1. Nội dung và nguyên tắc kế toán 4.1.1. Khái niệm và phân loại tài sản cố định 4.1.2. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình <i>4.2.1. Tài khoản, chứng từ sử dụng</i> <i>4.2.2. Các trường hợp kế toán tài sản cố định hữu hình</i>	2			2	4	Đọc TLC (1), chương 3
4.3. Kế toán tài sản cố định vô hình <i>4.3.1. Tài khoản, chứng từ sử dụng</i> <i>4.3.2. Các trường hợp kế toán tài sản cố định hữu hình</i>	1			1	2	
4.4. Kế toán hao mòn tài sản cố định <i>4.4.1. Tài khoản sử dụng</i> <i>4.4.2. Phương pháp kế toán hao mòn tài sản cố định</i>	1			1	2	
4.5. Kế toán xây dựng cơ bản dở dang <i>4.5.1. Tài khoản sử dụng</i> <i>4.5.2. Các trường hợp kế toán xây dựng cơ bản dở dang</i>	1	2		3	6	
CHƯƠNG 5. KẾ TOÁN THANH TOÁN	3	2		5	10	
5.1. Kế toán phải thu khách hàng <i>5.1.1. Nội dung, nhiệm vụ kế toán phải thu khách hàng và tài khoản sử dụng</i> <i>5.1.2. Phương pháp kế toán phải thu khách hàng</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), chương 3
5.2. Kế toán thanh toán các						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khoản tạm ứng 5.2.1. Nội dung, nhiệm vụ kế toán thanh toán tạm ứng và tài khoản sử dụng 5.2.2. Phương pháp kế toán các khoản tạm ứng						
5.3. Kế toán phải trả người bán 5.3.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán phải trả người bán và tài khoản sử dụng 5.3.2. Phương pháp kế toán phải trả người bán	1			1	2	
5.4. Kế toán tạm thu, tạm chi 5.4.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán tạm thu, tạm chi và tài khoản sử dụng 5.4.2. Phương pháp kế toán tạm thu, tạm chi						
5.5. Kế toán thanh toán nội bộ 5.5.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán thanh toán nội bộ và tài khoản sử dụng 5.5.2. Phương pháp kế toán thanh toán nội bộ						
5.6. Kế toán thanh toán với công nhân viên và các đối tượng khác 5.6.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 5.6.2. Phương pháp kế toán thanh toán với công nhân viên và các đối tượng khác	1	2		3	6	
5.7. Kế toán các khoản phải nộp						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ngân sách Nhà nước <i>5.7.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>5.7.2. Phương pháp kế toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước</i>						
CHƯƠNG 6. KẾ TOÁN NGUỒN VỐN – CÁC QUỸ	3	1	1	5	10	
6.1. Kế toán nguồn vốn kinh doanh <i>6.1.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>6.1.2. Phương pháp kế toán nguồn vốn kinh doanh</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), chương 3
6.2. Kế toán thặng dư (thâm hụt) lũy kế <i>6.2.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán thặng dư (thâm hụt) lũy kế và tài khoản sử dụng</i> <i>6.2.2. Phương pháp kế toán thặng dư (thâm hụt) lũy kế</i>	1			1	2	
6.3 Kế toán các quỹ <i>6.3.1 Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>6.3.2 Phương pháp kế toán các quỹ</i>	1	1		2	4	
Thảo luận			1	1	2	
CHƯƠNG 7. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN CHI	3	1		4	8	
7.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán các khoản chi	1			1	2	Đọc TLC (1), chương 3
7.2. Kế toán các khoản chi	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 8. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN THU	2	1		3	6	
8.1. Nội dung và nguyên tắc kế toán các khoản thu	1			1	2	Đọc TLC (1), chương 3
8.2. Kế toán các khoản thu	1	1		2	4	
CHƯƠNG 9. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO QUYẾT TOÁN	2	2	2	6	12	
9.1. Những quy định chung <i>9.1.1. Mục đích của việc lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán</i> <i>9.1.2. Nội dung của hệ thống Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán</i> <i>9.1.3. Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), chương 3
9.2. Mẫu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán						
9.3. Nội dung và phương pháp lập Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán <i>9.3.1. Báo cáo tình hình tài chính</i> <i>9.3.2. Báo cáo kết quả hoạt động</i> <i>9.3.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i> <i>9.3.4. Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	1	2		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>9.3.5. Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động</p> <p>9.3.6. Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại</p> <p>9.3.7. Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án</p> <p>9.3.8. Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính</p> <p>9.3.9. Thuyết minh báo cáo quyết toán</p>						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	11	4	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán ngân hàng**
 - Tiếng Anh: **Banking Accounting**
- Mã học phần: KTKE2504
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hệ thống hóa được những kiến thức về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại từ Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng đến Xác định và phân phối kết quả kinh doanh.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng những kiến thức về kế toán tại các ngân hàng thương mại đã học để thực hành kế toán trong các ngân hàng thương mại, qua đó cung cấp các thông tin tài chính đầy đủ, chính xác làm cơ sở cho việc ra quyết định kinh tế có liên quan đến mục tiêu quản lý kinh doanh và đánh giá các hoạt động của Ngân hàng. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
- + Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp những những vấn đề cơ bản về tổ chức hạch toán kế toán tài chính Ngân hàng thương mại. Vận dụng các phương pháp kế toán để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh có liên quan tới hoạt động Ngân hàng như huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, quản lý tài sản cố định, xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận, báo cáo tài chính,... Qua đó, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác làm cơ sở cho việc ra quyết định kinh tế có liên quan đến mục tiêu quản lý kinh doanh và đánh giá các hoạt động của Ngân hàng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thị Loan (2017), Kế toán ngân hàng (Lý thuyết – Bài tập – Bài giải), NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.

3. Nguyễn Phú Giang, Nguyễn Trúc Lê, Đoàn Ngọc Phi Anh, Đặng Ngọc Hùng (2014), *Giáo trình kế toán ngân hàng*, Nhà xuất bản Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kế toán ngân hàng (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.

2. Nguyễn Thị Loan (2011), *Bài tập và bài giải kế toán ngân hàng*, Nhà xuất bản Phương Đông.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG	3			3	6	Đọc TLC (1), Chương 1
1.1. Giới thiệu khái quát về hệ thống ngân hàng Việt Nam <i>1.1.1. Ngân hàng nhà nước Việt Nam</i> <i>1.1.2. Ngân hàng thương mại</i>	1			1	2	
1.2. Đối tượng, đặc điểm, nhiệm vụ của kế toán ngân hàng <i>1.2.1. Giới thiệu về kế toán ngân hàng</i> <i>1.2.2. Đối tượng kế toán ngân hàng</i> <i>1.2.3. Đặc điểm của kế toán ngân hàng</i> <i>1.2.4. Nhiệm vụ của kế toán ngân hàng</i>	1			1	2	
1.3. Tổ chức công tác kế toán ngân hàng <i>1.3.1. Tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3.2. Chứng từ kế toán ngân hàng 1.3.3 Tổ chức bộ máy kế toán trong ngân hàng 1.3.4. Hạch toán phân tích, hạch toán tổng hợp						
CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN	3		2	5	10	Đọc TLC (1), Chương 2
2.1. Một số vấn đề cơ bản về nghiệp vụ huy động vốn 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Vai trò 2.1.3. Các hình thức huy động vốn 2.1.4. Tài khoản sử dụng	1			1	2	
2.2. Kế toán nghiệp vụ huy động vốn 2.2.1. Kế toán nghiệp vụ tiền gửi 2.2.2. Kế toán phát hành các giấy tờ có giá 2.2.3. Kế toán vốn đi vay từ các Tổ chức tín dụng khác và từ Ngân hàng nhà nước 2.2.4. Kế toán các nguồn vốn huy động khác	2		2	4	8	
CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG	3		1	4	8	Đọc TLC (1), Chương 3
3.1. Một số vấn đề cơ bản về nghiệp vụ tín dụng 3.1.1. Khái niệm	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Ý nghĩa 3.1.3. Nguyên tắc và phương thức cấp tín dụng 3.1.4. Tài khoản và chứng từ sử dụng						
3.2. Kế toán nghiệp vụ tín dụng 3.2.1. Cho vay ngắn, trung và dài hạn thông thường 3.2.2. Kế toán cho vay chiết khấu chứng từ có giá 3.2.3. Cho thuê tài chính 3.2.4. Cho vay bảo lãnh	2			2	4	
Thảo luận			1	1	2	
CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI TỆ	2		1	3	6	Đọc TLC (1), Chương 7
4.1. Một số vấn đề cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Tiền ghi sổ 4.1.3. Phương pháp hạch toán 4.1.4. Tài khoản sử dụng	1			1	2	
4.2. Kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ 4.2.1. Kế toán mua, bán ngoại tệ 4.2.2. Kế toán chuyển đổi ngoại tệ 4.2.3. Kế toán kết quả kinh doanh ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá	1		1	2	4	
CHƯƠNG 5. KẾ TOÁN NGÂN	3		1	4	8	Đọc TLC (1), Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
QUỸ VÀ KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT						5
5.1. Kế toán nghiệp vụ ngân quỹ 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng 5.1.3. Kế toán nghiệp vụ thu, chi tiền mặt 5.1.4. Kế toán nghiệp vụ điều chuyển tiền mặt 5.1.5. Kế toán nghiệp vụ đối chiếu tiền mặt	1			1	2	
5.2. Kế toán hình thức thanh toán không dùng tiền mặt 5.2.1. Một số vấn đề cơ bản về thanh toán không dùng tiền mặt 5.2.2. Kế toán các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt	2		1	3	6	
CHƯƠNG 6. KẾ TOÁN THANH TOÁN VỐN GIỮA CÁC NGÂN HÀNG	2			2	4	Đọc TLC (1), Chương 6
6.1. Một số vấn đề cơ bản về thanh toán vốn giữa các ngân hàng 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Ý nghĩa 6.1.3. Điều kiện để tổ chức thanh toán vốn giữa các ngân hàng 6.1.4. Các phương thức thanh toán vốn giữa các ngân hàng	1			1	2	
6.2. Kế toán các hình thức thanh	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
toán vốn giữa các ngân hàng 6.2.1. Kế toán thanh toán liên hàng nội bộ 6.2.2. Kế toán toán thanh toán bù trừ 6.2.3. Kế toán thanh toán qua tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước 6.2.4. Thanh toán điện từ liên ngân hàng						
CHƯƠNG 7. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	1		1	2	4	Đọc TLC (1), Chương 9
7.1 Một số vấn đề cơ bản về tài sản cố định trong Ngân hàng thương mại 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Phân loại 7.1.3. Cơ chế quản lý tài sản cố định trong Ngân hàng thương mại 7.1.4. Xác định nguyên giá tài sản cố định 7.1.5. Nhiệm vụ kế toán tài sản cố định 7.1.6. Tài khoản và chứng từ sử dụng	1			1	2	
7.2. Kế toán tài sản cố định trong Ngân hàng thương mại 7.2.1. Kế toán các trường hợp tăng tài sản cố định 7.2.2. Kế toán các trường hợp giảm tài sản cố định			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.2.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định						
CHƯƠNG 8. KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	2		1	3	6	Đọc TLC (1), Chương 11
8.1. Kế toán vốn chủ sở hữu 8.1.1. Khái niệm 8.1.2. Vai trò 8.1.3. Các nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng thương mại 8.1.4. Tài khoản và chứng từ sử dụng 8.1.5. Phương pháp kế toán	1		1	2	4	
8.2. Kế toán các khoản thu nhập, chi phí 8.2.1. Nội dung các khoản thu nhập, chi phí của Ngân hàng thương mại 8.2.2. Kế toán thu nhập của ngân hàng 8.2.3. Kế toán chi phí của ngân hàng						
8.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận 8.3.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 8.3.2. Kế toán phân phối lợi nhuận	1			1	2	
CHƯƠNG 9. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC NGÂN	1		3	4	8	Đọc TLC (1), Chương 12

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
HÀNG THƯƠNG MẠI						
9.1. Bảng cân đối tài khoản <i>9.1.1. Bảng cân đối tài khoản nội bảng cấp IV</i> <i>9.1.2. Bảng cân đối tài khoản ngoại bảng cấp V</i>	1			1	2	
9.2. Bảng cân đối kế toán <i>9.2.1. Khái niệm và ý nghĩa</i> <i>9.2.2. Đặc điểm</i> <i>9.2.3. Nội dung và kết cấu</i>			1	1	2	
9.3. Báo cáo kết quả kinh doanh <i>9.3.1. Khái niệm và ý nghĩa</i> <i>9.3.2. Nội dung và kết cấu</i>						
9.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ <i>9.4.1. Khái niệm và ý nghĩa</i> <i>9.4.2. Nội dung và kết cấu</i>			1	1	2	
9.5. Thuyết minh báo cáo tài chính <i>9.5.1. Khái niệm và ý nghĩa</i> <i>9.5.2. Nội dung và kết cấu</i>						
9.6. Một số chỉ tiêu phân tích báo cáo tài chính <i>9.6.1. Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng huy động vốn</i> <i>9.6.2. Tài sản cố định</i> <i>9.6.3. Tỷ lệ tài sản có lời so với nguồn vốn phải trả lãi</i> <i>9.6.4. Chỉ tiêu về tình hình tín dụng</i> <i>9.6.5. Chỉ tiêu thu nhập, chi phí</i> <i>9.6.6. Chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>9.6.7. Chỉ tiêu phân tích khả năng thanh toán</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lý thuyết kiểm toán**
 - Tiếng Anh: **Auditing theory**
- Mã học phần: KTKN2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được khái niệm kiểm toán, ý nghĩa của từng loại kiểm toán trong một đơn vị cụ thể; hiểu biết về tổ chức và các hiệp hội nghề nghiệp của Việt Nam và thế giới; giải thích được chuẩn mực đạo đức của kiểm toán viên, trình tự nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong một tổ chức; giải thích được khái niệm bằng chứng kiểm toán.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được đặc điểm ngành nghề, đặc điểm kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán. Từ đó đưa ra những đánh giá rủi ro kiểm toán và các thủ tục kiểm toán cần thực hiện; đọc hiểu nội dung các báo cáo kiểm toán

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các thủ tục kiểm toán cơ bản để làm bài tập phát hiện sai phạm và điều chỉnh sai phạm.

Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp những lỗi sai phạm trên báo cáo tài chính được kiểm toán.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thảo luận những dạng ý kiến của kiểm toán viên được trình bày trên báo cáo kiểm toán.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm và phân loại kiểm toán;
- Môi trường kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán;
- Một số khái niệm cơ bản thường sử dụng trong kiểm toán như hệ thống kiểm soát nội bộ, bằng chứng kiểm toán, tài liệu và hồ sơ kiểm toán;
- Nội dung và quy trình tổng quát thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Khoa kế toán, kiểm toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Kiểm toán (tập 1)*, NXB Kinh Tế TP.HCM.
2. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ Tài chính (2012), Thông tư số 214/2012/TT-BTC về *Thông tư ban hành Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam* ban hành ngày 6/12/2012
2. Quốc hội 12 (2011), Luật số 67/2011/QH12 về *Luật kiểm toán độc lập* ban hành ngày 29/03/2011
3. Quốc hội 13 (2015), Luật số 81/2015/QH13 về *Luật kiểm toán Nhà nước* ban hành ngày 24/06/2015

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thựchành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN	5	2		7	14	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán <i>1.1.1. Trên thế giới</i> <i>1.1.2. Ở Việt Nam</i>	1			1	2	- Đọc TLC (1) chương 1; - Đọc TLC (2) chương 1 – 3, chương 9; - Đọc TLC (3) chương 1 - 2
1.2. Khái niệm và chức năng của kiểm toán <i>1.2.1. Sự cần thiết phải kiểm toán</i> <i>1.2.2. Khái niệm</i> <i>1.2.3. Chức năng của kiểm toán</i>	1			1	2	- Đọc TLĐT (1), (2), (3);
1.3. Phân loại kiểm toán <i>1.3.1. Phân loại kiểm toán theo mục đích</i> <i>1.3.2. Phân loại theo chủ thể kiểm toán</i> <i>1.3.3. Phân loại kiểm toán theo các tiêu thức khác</i>	1	1		2	4	
1.4 Lợi ích kinh tế của kiểm toán độc lập trong kiểm toán báo cáo	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tài chính <i>1.4.1 Sự cần thiết của kiểm toán báo cáo tài chính</i> <i>1.4.2 Lợi ích kinh tế của kiểm toán độc lập trong kiểm toán báo cáo tài chính</i> <i>1.4.3 Hạn chế vốn có của kiểm toán báo cáo tài chính</i>						
1.5. Kiểm toán viên tổ chức kiểm toán và hiệp hội nghề nghiệp <i>1.5.1. Kiểm toán viên độc lập</i> <i>1.5.2. Tổ chức kiểm toán</i> <i>1.5.3. Hiệp hội nghề nghiệp</i>	1	1		2	4	
CHƯƠNG 2. MÔI TRƯỜNG KIỂM TOÁN	7	3		10	20	
2.1. Môi trường kiểm toán <i>2.1.1. Đặc điểm của nghề nghiệp kiểm toán</i> <i>2.1.2. Môi trường kiểm toán</i>	2			2	4	- Đọc TLC (1) chương 7; - Đọc TLC (2) chương 5, chương 10;
2.2. Chuẩn mực kiểm toán <i>2.2.1. Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế</i> <i>2.2.2. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</i>	1			1	2	
2.3. Đạo đức nghề nghiệp	1	1		2	4	
2.4. Trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập <i>2.4.1. Trách nhiệm của kiểm toán viên liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính</i> <i>2.4.2. Trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên</i> <i>2.4.3. Các biện pháp để hạn chế trách nhiệm pháp lý</i>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5. Khoảng cách giữa yêu cầu của xã hội và khả năng đáp ứng của ngành nghề <i>2.5.1. Khoảng cách do yêu cầu quá cao của xã hội đối với nghề nghiệp kiểm toán</i> <i>2.5.2. Khoảng cách do dịch vụ chưa hoàn hảo</i>	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN SỬ DỤNG TRONG KIỂM TOÁN	9	4		13	26	
3.1. Hệ thống kiểm soát nội bộ <i>3.1.1. Khái niệm</i> <i>3.1.2. Các bộ phận hợp thành của hệ thống kiểm soát nội bộ</i> <i>3.1.3. Những hạn chế vốn có của hệ thống kiểm soát nội bộ</i>	3	1		4	8	- Đọc TLC (1) chương 2, chương 4; - Đọc TLC (2) chương 5; - Đọc TLC (3) chương 4 - 6
3.2. Trọng yếu và rủi ro kiểm toán <i>3.2.1. Trọng yếu</i> <i>3.2.2. Rủi ro kiểm toán</i>	2	1		3	6	
3.3. Bằng chứng kiểm toán <i>3.3.1. Khái niệm</i> <i>3.3.2. Yêu cầu bằng chứng kiểm toán</i> <i>3.3.3. Lựa chọn phần từ kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán</i> <i>3.3.4. Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán</i>	2	1		3	6	
3.4. Tài liệu, hồ sơ kiểm toán <i>3.4.1. Khái niệm</i> <i>3.4.2. Yêu cầu đối với tài liệu, hồ sơ kiểm toán</i>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9	4		13	26	
4.1. Chuẩn bị kiểm toán 4.1.1. Tiền kế hoạch 4.1.2. Lập kế hoạch kiểm toán	2	1		3	6	- Đọc TLC (1) chương 3, chương 6; - Đọc TLC (2) chương 8; - Đọc TLC (3) chương 3, chương 8
4.2. Thực hiện kiểm toán 4.2.1. Yêu cầu và nguyên tắc khi thực hiện kiểm toán 4.2.2. Nội dung thực hiện kiểm toán	4	2		6	12	
4.3. Kết thúc kiểm toán 4.3.1. Báo cáo kiểm toán 4.3.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin kế toán**
 - Tiếng Anh: **Accounting information system**
- Mã học phần: KTKE2505
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp, chu trình lưu chuyển thông tin kế toán và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán. Ngoài ra giúp người học bước đầu làm quen với phần mềm kế toán dưới góc độ của cả hệ thống.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các công việc kế toán qua phần mềm kế toán. Có thể thiết lập, tổ chức, xử lý dữ liệu kế toán, gắn hệ thống thông tin với các quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp giúp cho việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng phần

mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp nhằm giúp công tác kế toán được thuận lợi và đạt được hiệu quả cao nhất.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản hệ thống thông tin kế toán như:

- Khái niệm và vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong quản trị doanh nghiệp;
- Tiến trình kế toán, chu trình xử lý nghiệp vụ trong hệ thống thông tin kế toán;
- Tổng quan về xử lý nghiệp vụ kế toán;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống kế toán hiện đại
- Tổ chức và thực hiện công tác kế toán qua phần mềm kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2019), *Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán*, NXB Lao động xã hội
2. Nguyễn Thế Hưng (2008), *Hệ thống thông tin kế toán*, NXB Thống kê
3. Trần Thị Song Minh (2012), *Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Hệ thống thông tin kế toán (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán tập 1, tập 2, tập 3*, NXB Phương Đông

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ các buổi học đúng theo quy định.
- Tham gia trao đổi kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình làm việc nhóm, chấp hành các quy định về thời gian lên nộp, thời gian nộp bài, chất lượng bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN	3			3	6	Đọc TL chính (1) – Chương 1
1.1. Bản chất của hệ thống thông tin kế toán <i>1.1.1. Lý thuyết về hệ thống và hệ thống thông tin quản lý</i> <i>1.1.2. Hệ thống thông tin kế toán và vai trò đối với doanh nghiệp</i>	1					
1.2. Quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán	1					
1.3. Vai trò của công nghệ thông tin đối với hệ thống thông tin kế toán	1					
CHƯƠNG 2. THIẾT LẬP THÔNG TIN CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN VÀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU KỸ THUẬT	8	4	1	13	26	Đọc TL chính (1) - Chương 2
2.1 Thiết lập thông tin cho hệ thống thông tin kế toán <i>2.1.1 Thiết lập thông tin đầu vào</i> <i>2.1.2 Thiết lập thông tin đầu ra</i>	2					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.3 Quá trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin trong AIS thủ công và AIS trên nền máy tính						
2.2 Hệ thống tài liệu kỹ thuật 2.2.1 Khái niệm và phân loại hệ thống tài liệu kỹ thuật trong hệ thống thông tin kế toán 2.2.2 Mô hình DFD – Sơ đồ dòng dữ liệu 2.2.3 Các lưu đồ 2.2.4 Vai trò của hệ thống tài liệu kỹ thuật đối với người sử dụng	6	4				
Kiểm tra			1			
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU	5	3		8	16	Đọc TL chính (1) - Chương 3
3.1 Khái quát chung về cơ sở dữ liệu 3.1.1 Một số khái niệm 3.1.2 Đặc điểm của cơ sở dữ liệu 3.1.3 Quy trình tổ chức cơ sở dữ liệu	1					
3.2 Tổ chức cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu 3.2.1 Tổ chức và xử lý dữ liệu theo mô hình REAL 3.2.1 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access 3.2.2 Tổ chức dữ liệu kế toán trong điều kiện ứng dụng Excel 3.2.3 Tổ chức dữ liệu kế toán trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán	4	3				
CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN	4	3		7	14	Đọc TL chính (1) - Chương 4
4.1. Kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin kế	2	2				

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
toán <i>4.1.1 Sự cần thiết phải kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin kế toán</i> <i>4.1.2 Nhân tố đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh</i> <i>4.1.3 Tổ chức kiểm soát nội bộ hệ thống thông tin kế toán</i>						
4.2 Kiểm toán hệ thống thông tin kế toán <i>4.2.1 Sự cần thiết phải kiểm toán hệ thống thông tin kế toán</i> <i>4.2.2 Tổ chức kiểm toán hệ thống thông tin kế toán</i>	2	1				
CHƯƠNG 5. HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN VÀ CHU TRÌNH KINH DOANH	7	3		10	20	Đọc TL chính (1) – Chương 5
5.1 Tổng quan về chu trình kinh doanh	0,5					
5.2 Tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các chu trình kinh doanh <i>5.2.1 Chu trình mua hàng</i> <i>5.2.2 Chu trình bán hàng</i> <i>5.2.3 Chu trình sản xuất</i> <i>5.2.4 Chu trình kinh doanh khác</i>	6	3				
5.3 Lựa chọn và báo cáo các thông tin kế toán	0,5					
CHƯƠNG 6. PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN VÀ MÔ HÌNH ERP	3		1	4	8	Đọc TL chính (1) – Chương 6
6.1 Phát triển hệ thống thông tin kế toán <i>6.1.1 Vai trò của việc phát triển hệ thống thông tin kế toán</i> <i>6.1.2 Nguyên tắc và quy trình phát triển hệ thống thông tin kế toán</i>	1					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>6.1.3 Chiến lược phát triển và xây dựng hệ thống thông tin kế toán.</i>						
6.2 Mô hình ERP – Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp <i>6.2.1 Khái niệm và vai trò của ERP trong doanh nghiệp</i> <i>6.2.2 Quy trình triển khai mô hình ERP</i>	2					
Kiểm tra			1	1		
Cộng	30	13	2	45		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán máy**
 - Tiếng Anh: **Accounting Machine**
- Mã học phần: KTKE2506
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Thực hành: 14 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, người học đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Biết và hiểu được các kiến thức về thiết lập và phân tích hệ thống thông tin của các chu trình kế toán, làm cơ sở cho việc vận dụng các phần mềm kế toán. Nắm được kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- *Về kỹ năng:* Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán Effect, vận dụng để áp dụng tin học hóa vào công tác kế toán của doanh nghiệp. Thông qua thời gian thực hành, rèn

luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Người học có thể tự nghiên cứu các phần mềm kế toán khác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có năng lực sử dụng phần mềm kế toán độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Đề cập một cách có hệ thống và toàn diện về toàn bộ các vấn đề liên quan đến tự động hóa công tác kế toán dựa trên công nghệ thông tin hiện đại. Đưa ra những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán cùng các chu trình nghiệp vụ điển hình của hệ thống thông tin kế toán trong tổ chức doanh nghiệp, làm cơ sở phương pháp luận cho việc phát triển ứng dụng kế toán máy cho doanh nghiệp. Cung cấp kiến thức về các phân hệ kế toán điển hình trong hệ thống thông tin kế toán, theo đó mỗi phân hệ nghiệp vụ kế toán được xem xét dưới góc độ xử lý thông tin trong mối quan hệ tổng thể về mặt dữ liệu với các phân hệ nghiệp vụ khác.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đoàn Xuân Tiên, Nguyễn Vũ Việt (2014), *Giáo trình kế toán máy*, NXB Tài chính
2. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.
2. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập & Bài giải kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.
3. Đặng Thị Loan (2013), *Bài tập kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

- Bài tập: Làm bài tập thực hành và thảo luận nhóm
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70% và tham dự đầy đủ các bài thực hành.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN MÁY	3				3	6	
1.1. Giới thiệu các phần mềm kế toán 1.1.1. Khái niệm phần mềm kế toán 1.1.2. Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán 1.1.3. So sánh phần mềm kế toán 1.1.4. Lựa chọn phần mềm kế toán 1.1.5. Tin học hóa tổng thể doanh nghiệp – Giải pháp cho các doanh nghiệp lớn	2				2	4	Đọc TLC (1), Chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.2. Vai trò của người làm công tác kế toán và tin học kế toán	1				1	2	
1.3. Quản lý và sử dụng các phần mềm kế toán							
CHƯƠNG 2. CHU TRÌNH KẾ TOÁN VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN	8			1	9	18	Đọc TLC (1), Chương 2; Đọc TLC (2), (3)
2.1. Định nghĩa kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp	1				1	2	
2.2. Mô tả chu trình kế toán kết hợp giữa kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp							
2.3. Ứng dụng mô tả một số chu trình kế toán chủ yếu theo quan điểm mô tả hệ thống thông tin	1				1	2	
2.4. Chu trình kế toán mua hàng <i>2.4.1. Tổng quan chu trình mua hàng</i> <i>2.4.2. Mô hình chu trình mua hàng</i> <i>2.4.3. Sơ đồ kế toán</i>	1			1	2	4	
2.5. Chu trình kế toán bán hàng <i>2.5.1. Tổng quan chu trình bán hàng</i> <i>2.5.2. Mô hình chu trình bán hàng</i> <i>2.5.3. Sơ đồ kế toán</i>	1				1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.6. Chu trình kế toán xác định chi phí sản xuất <i>2.6.1. Tổng quan chu trình kế toán xác định chi phí sản xuất</i> <i>2.6.2. Mô hình chu trình kế toán xác định chi phí sản xuất</i> <i>2.6.3. Sơ đồ kế toán</i>	1				1	2	
2.7. Chu trình kế toán mua sắm tài sản cố định <i>2.7.1. Tổng quan chu trình kế toán mua sắm tài sản cố định</i> <i>2.7.2. Mô hình chu trình kế toán mua sắm tài sản cố định</i> <i>2.7.3. Sơ đồ kế toán</i>	1				1	2	
2.8. Chu trình kế toán tiền lương <i>2.8.1. Tổng quan chu trình kế toán tiền lương</i> <i>2.8.2. Mô hình chu trình thanh toán lương</i> <i>2.8.3. Sơ đồ kế toán</i>	1				1	2	
2.9. Chu trình kế toán xác định kết quả kinh doanh <i>2.9.1. Tổng quan chu trình kế toán xác định kết quả kinh doanh</i> <i>2.9.2. Mô hình chu trình kế toán xác định kết quả kinh doanh</i> <i>2.9.3. Sơ đồ kế toán</i>	1				1	2	
2.10. Chu trình kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính <i>2.10.1. Sổ kế toán</i> <i>2.10.2. Báo cáo tài chính</i>							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>trong doanh nghiệp</i> 2.10.3. Sơ đồ kế toán							
CHƯƠNG 3. SỬ DỤNG PHẦN MỀM EFFECT	11		1	10	22	44	Đọc TLC (1), Chương 2; Đọc TLC (2), (3)
3.1. Giới thiệu về phần mềm Effect	1				1	2	
3.2. Các nguyên tắc sử dụng chung 3.2.1. Quy trình làm việc của Effect 3.2.2. Quy trình đưa Effect vào ứng dụng 3.2.3. Một số hướng dẫn chung khi sử dụng phần mềm							
3.2.4. Mô tả giao diện của phần mềm 3.2.5. Màn hình nhập dữ liệu							
3.3. Cài đặt hệ thống 3.3.1. Khóa số dữ liệu 3.3.2. Sao chép dữ liệu 3.3.3. Xóa dữ liệu 3.3.4. Sao lưu dữ liệu, đề phòng sự cố phần cứng 3.3.5. Đồng bộ dữ liệu	1			1	2	4	
3.4. Khai báo hệ thống	1				1	2	
3.5. Phân cấp người dùng							
3.6. Khai báo danh mục 3.6.1. Danh mục tài khoản 3.6.2. Danh mục khách hàng 3.6.3. Danh mục vật liệu, sản phẩm, hàng hóa 3.6.4. Danh mục kho 3.6.5. Danh mục khoản mục 3.6.6. Danh mục vụ việc, hợp							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>đồng, công trình</i> 3.6.7. Danh mục phân xưởng 3.6.8. Danh mục đối tượng chi phí							
3.6.9. Danh mục tiền tệ 3.6.10. Danh mục tài sản cố định 3.6.11. Danh mục đơn vị cơ sở 3.6.12. Danh mục danh mục	1			2	3	6	
3.7. Thiết lập hệ thống tài khoản sử dụng	1			1	2	4	
3.8. Ứng dụng các chu trình kế toán							
3.9. Chu trình kế toán mua hàng	1			1	2	4	
3.10. Chu trình kế toán bán hàng	1			1	2	4	
3.11. Chu trình kế toán xác định chi phí sản xuất	1			1	2	4	
3.12. Chu trình kế toán mua sắm tài sản cố định	1			1	2	4	
3.13. Chu trình kế toán tiền lương	1			1	2	4	
3.14. Chu trình kế toán xác định kết quả kinh doanh	1			1	2	4	
3.15. Chu trình kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính							
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ TRÊN PHẦN MỀM KẾ TOÁN	4			2	6	12	Đọc TLC (2), Chương 1,2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1. Các nguyên tắc lựa chọn thông tin kế toán cho phân tích báo cáo tài chính	1			1	2	4	
4.2. Thực hành phân tích các tỷ số tài chính <i>4.2.1. Nội dung phân tích các tỷ số tài chính</i> <i>4.2.2. Thực hành phân tích các tỷ số</i>	2			1	3	6	
4.3. Những vấn đề cần lưu ý	1				1	2	
CHƯƠNG 5. CUSTOMIZE PHẦN MỀM KẾ TOÁN	3		1	1	5	10	Đọc TLC (1), Chương 2
5.1 Customize cấp người dùng	1				1	2	
5.2. Customize cấp lập trình <i>5.2.1. Màn hình nhập liệu</i> <i>5.2.2. Màn hình tìm kiếm</i>							
<i>5.2.3. Màn hình xem sổ sách báo cáo</i>	2			1	3	6	
Kiểm tra			1		1	2	
Cộng	29		2	14	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đạo đức nghề nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Professional Ethics**
- Mã học phần: KTKE2507
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản về đạo đức, nguồn gốc, cách nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp, và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt cung cấp những kiến thức cơ bản về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, những nguy cơ phát sinh vi phạm và các biện pháp bảo vệ việc thực hiện chuẩn mực.
- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được kiến thức chuyên sâu về đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hành nghề.
- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng những kiến thức đã học tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp.
- + *Kỹ năng làm việc nhóm*: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Nắm được kiến thức để đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.
- *Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*:
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh). Văn hóa doanh nghiệp (biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và văn hóa trong các hoạt động kinh doanh).

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
2. Trần Thị Giang Tân (2009), *Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên độc lập*, NXB Tài chính
3. Marilyn L, Satterwhite (2007), *Business Communication at Work*, NXB MC. Graw – Hill.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Đạo đức nghề nghiệp (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 70/2015/TT – BTC về việc ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;

Làm việc nhóm, làm tiểu luận;

Chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẠO ĐỨC	5		1	6	12	Đọc TLC (1) (2) Chương 1
1.1. Khái niệm về đạo đức	1			1	2	
1.2. Cấu trúc của đạo đức <i>1.2.1. Ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức</i> <i>1.2.2. Quan hệ đạo đức</i> <i>1.2.3. Quan hệ xã hội và đạo đức cá nhân</i>						
1.3. Nội dung các phạm trù cơ bản của đạo đức <i>1.3.1. Lễ sống</i> <i>1.3.2. Hạnh phúc</i> <i>1.3.3. Nghĩa vụ đạo đức</i> <i>1.3.4. Lương tâm</i>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.3.5. Danh dự</p> <p>1.3.6. Thiện và ác</p>						
<p>1.4. Những phẩm chất cơ bản của đạo đức cá nhân</p> <p>1.4.1. Tính trung thực</p> <p>1.4.2. Tính nguyên tắc</p> <p>1.4.3. Tính khiêm tốn</p> <p>1.4.4. Lòng dũng cảm</p> <p>1.4.5. Yêu lao động</p> <p>1.4.6. Ý thức học tập suốt đời</p>						
<p>1.5. Môi quan hệ đạo đức và hình thái ý thức xã hội</p> <p>1.5.1. Môi quan hệ giữa đạo đức và chính trị</p> <p>1.5.2. Môi quan hệ giữa đạo đức và pháp luật</p> <p>1.5.3. Môi quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo</p> <p>1.5.4. Môi quan hệ giữa đạo đức và khoa học</p> <p>1.5.5. Môi quan hệ giữa đạo đức và nghệ thuật</p>	1			1	2	
<p>1.6. Một số triết lý đạo đức chủ yếu</p> <p>1.6.1. Triết lý theo quan điểm vị lợi</p> <p>1.6.2. Triết lý theo quan điểm pháp lý</p> <p>1.6.3. Triết lý theo quan điểm đạo lý</p>	1			1	2	
Làm việc nhóm			1	1	2	
CHƯƠNG 2. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	8	3	1	12	24	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp và vấn đề đạo đức nghề nghiệp	1			1	2	Đọc TLC (1) (2) Chương 2
2.2. Nguồn gốc của vấn đề đạo đức nghề nghiệp <i>2.2.1. Mâu thuẫn về triết lý</i> <i>2.2.2. Mâu thuẫn về quyền lực</i> <i>2.2.3. Mâu thuẫn trong sự phối hợp</i> <i>2.2.4. Mâu thuẫn về lợi ích</i>	1	1		2	4	
2.3. Quy trình nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp <i>2.3.1. Xác định các đối tượng hữu quan gây ảnh hưởng nghiêm trọng</i> <i>2.3.2. Xác minh mối quan tâm của các đối tượng hữu quan</i> <i>2.3.3. Xác định bản chất vấn đề đạo đức</i>	2	1		3	6	
2.4. Nhận diện vấn đề đạo đức trong một số lĩnh vực nghề nghiệp <i>2.4.1. Nhận diện vấn đề đạo đức trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán</i> <i>2.4.2. Nhận diện vấn đề đạo đức trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực</i> <i>2.4.3. Nhận diện vấn đề đạo đức trong lĩnh vực marketing</i> <i>2.4.4. Nhận diện vấn đề đạo đức trong lĩnh vực công nghệ</i>	4	1		5	10	
Làm việc nhóm			1	1	2	
CHƯƠNG 3. CHUẨN MỰC	7	3	2	12	24	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP						
3.1. Khái niệm về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	1			1	2	Đọc TLC (1) (2) Chương 3
3.2. Vai trò của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	1			1	2	
3.3. Sự hình thành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán <i>3.3.1. Tổ chức lập quy và cơ chế giám sát hệ thống các quy định về đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán</i> <i>3.3.2. Một số nội dung cơ bản trong chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp lĩnh vực kế toán, kiểm toán của một số tổ chức và quốc gia trên thế giới</i>	1	1		2	4	
3.4. Nội dung cơ bản trong chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam <i>3.4.1. Nguyên tắc cơ bản của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán</i> <i>3.4.2. Các nguy cơ vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán</i> <i>3.4.3. Các biện pháp bảo vệ</i> <i>3.4.4. Nguyên tắc giải quyết các xung đột về đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán</i> <i>3.4.5. Nguyên tắc áp dụng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho</i>	4	2		6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>các hoạt động chuyên nghiệp xuyên quốc gia</i>						
Làm việc nhóm			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	6	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành**
 - Tiếng Anh: **English for Accounting**
- Mã học phần: NNTA2557
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 7 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - Kiểm tra: 04 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Về kiến thức ngôn ngữ

• Ngữ âm

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Phát âm rõ ràng các thuật ngữ chuyên ngành kế toán

• Ngữ pháp

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Sử dụng thành thạo các thì đã học, và phân biệt được các từ loại như danh từ, tính từ, động từ, trạng từ, cụm danh từ ...

- Phân biệt các cấu trúc câu đơn, câu phức, câu ghép, câu so sánh, câu điều kiện, đại từ quan hệ.

- **Từ vựng:**

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Có đủ vốn từ vựng cơ bản về chuyên ngành kế toán

2.2 Về các kỹ năng ngôn ngữ

- **Kỹ năng đọc**

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Đọc hiểu các bài báo, bài luận, và báo cáo tài chính;

- **Kỹ năng nghe**

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Nghe và hiểu được các đoạn hội thoại, bài thuyết trình về chủ đề tài chính kế toán;

- **Kỹ năng nói**

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Thảo luận một số chủ đề liên quan tới chuyên ngành kế toán;
- Thực hiện những giao dịch chẳng như tư vấn và thương lượng với khách hàng;

- **Kỹ năng viết**

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Viết đơn xin việc, viết sơ yếu lý lịch, viết thư phản hồi khách hàng, viết báo cáo công việc.

- **Kỹ năng dịch:**

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Dịch được một số câu đơn, câu phức, câu ghép về lĩnh vực kế toán

- **Các nhóm kỹ năng khác**

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, phân tích, và làm việc nhóm;
- Thuyết trình về một số chủ đề đã học.

2.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Kết thúc chương trình, sinh viên có thể:

- Tự tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn tiếng Anh chuyên ngành kế toán.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán (English for Accounting) là môn học cung cấp cho người học các thuật ngữ tiếng Anh về Kế toán. Học phần bao gồm bảy chương sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản trong tiếng Anh về:

Unit 1. An introduction to Accounting

Unit 2. Financial Statements

Unit 3. Financial Statements Analysis

Unit 4. Management Accounting

Unit 5. Cost Accounting

Unit 6. Tax Accounting

Unit 7. Auditing

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Kimmel, P. D et al. (2003). *Accounting: Building business skills*. Milton, Queensland: Wiley.
2. MacKenzie, I. (2007). *Professional English in Use*. Cambridge University Press.
3. Mahoney, S., & Frendo, E. (2011). *English for Accounting*. Oxford University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Cao Xuân Thiều (2008), *Tiếng Anh chuyên ngành: English for Finance*, NXB Tài chính.
2. Khải Nguyên (2009), *Từ điển Kế toán – kiểm toán thương mại Anh – Việt*, NXB Giao thông vận tải.
3. Ian MacKenzie (2011), *English for Business studies*, NXB Trẻ.
4. Larson, K. D., Wild, J. J., & Chiappetta, B. (2003). *Fundamental accounting principles*. McGraw-Hill, Inc.
5. E., & Mahoney, S. (2015). *Express Series English for Accounting*. Oxford University Press.
6. Gibson, C. H. (2012). *Financial statement analysis*. South-Western.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Có giáo trình và tài liệu tham khảo
- Nghiên cứu trước giáo trình
- Suru tâm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến bài học;
- Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp của giảng viên và các buổi thảo luận dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Học viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.
- Thực hiện các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL /KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
UNIT 1: AN INTRODUCTION TO ACCOUNTING	1.5	2.5	2	6	12	Students look up vocabulary in the dictionary and do exercises
1.1. Reading Comprehension:						Accounting Building Business Skills: p. 4-7
1.1.1 What is accounting?						
1.1.2 The accounting process		1	1	2	4	Professional English in Use: p. 20-23
1.1.3 Accounting policies and Standards						
1.1.4 Accounting assumptions and principles						
1.2. Speaking: Describe your future job (accountant)			1	1	2	
1.3. Listening: What is the reason for the meeting?	1	1		2	4	English for Accounting: p. 6 (Audio 2)
1.4. Vocabulary Consolidation – Exercises						
1.5 Language Focus: Noun Phrase	0.5	0.5		1	2	
UNIT 2: FINANCIAL STATEMENTS	2	2	3	7	14	Students look up vocabulary in the

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL /KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						dictionary and do exercises
2.1. Reading: 2.1.1 Balance sheet 1 2.1.2 Balance sheet 2 2.1.3 Balance sheet 3 2.1.4 The other financial statements		1	1	2	4	Professional in Use: (p.30-35)
2.2. Speaking: Discuss “What are the financial statements used for?”			1	1	2	
2.3. Listening: Financial statements	1		1	2	4	English for Accounting: p.21 (Audio 9)
2.4. Vocabulary Consolidation – Exercises						
2.5 Language Focus: Passive Voice	1	1		2	4	
UNIT 3: FINANCIAL RATIO ANALYSIS	1.5	2.5	2	6	12	Students look up vocabulary in the dictionary and do exercises
3.1. Reading: 3.1.1 Financial Ratios 1 3.1.2 Financial Ratios 2		1	1	2	4	Professional English in Use: p.36-39
Speaking: Describe the building blocks of analysis			1	1	2	
Listening: Ratio Analysis	1	1		2	4	English for Accounting: p. 18 (Audio 7)
3.4. Vocabulary Consolidation						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL /KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
– Exercises						
3.5 Language Focus: Relative Clause (1)	0.5	0.5		1	2	
MID-TERM TEST 1 & REVISION			2	2	4	
UNIT 4: MANAGEMENT ACCOUNTING	2.5	2.5	1	6	12	Students look up vocabulary in the dictionary and do exercises
4.1. Reading: 4.1.1 Management Accounting Basics 4.1.2 Comparing Management Accounting and Financial Accounting 4.1.3 Management Functions	1	1		2	4	Accounting Building Business Skills: p. 830-832
4.2. Speaking: Discuss “What are the differences between management accounting and financial accounting?”			1	1	2	
4.3. Listening: Future Direction of the Company	1	1		2	4	English for Accounting: p. 39 (Audio 18)
4.4. Vocabulary Consolidation – Exercises						
4.5 Language Focus: Relative clause (2)	0.5	0.5		1	2	
UNIT 5: COST ACCOUNTING	1	2	2	5	10	Students look up vocabulary in the dictionary and do exercises

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL /KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1. Reading: 5.1.1 Cost accounting 5.1.2 Pricing		1	1	2	4	Professional English in Use: p. 40-43
5.2. Speaking: Discuss “What is cost accounting and its systems”			1	1	2	
5.3. Vocabulary Consolidation – Exercises	0.5	0.5		1	2	
5.4 Language Focus: Gerund	0.5	0.5		1	2	
UNIT 6: TAX ACCOUNTING	0.5	2.5	3	6	12	Students look up vocabulary in the dictionary and do exercises
6.1. Reading: 6.1.1 Direct taxes 6.1.2 Indirect taxes 6.1.3 Non-payment of tax		1	1	2	4	Professional English in Use: p. 104-105
6.2. Speaking: Discuss “What is tax accounting and tax planning”			1	1	2	
6.3. Listening: Taxation expenses		1	1	2	4	English for Accounting: p. 24 (Audio 11)
6.4. Vocabulary Consolidation – Exercises						
6.5 Language Focus: To Infinitive	0.5	0.5		1	2	
UNIT 7: AUDITING	0.5	2	2.5	5	10	Students look up vocabulary in the

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL /KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						dictionary and do exercises
7.1. Reading: 7.1.1 Internal Auditing 7.1.2 External Auditing 7.1.3 Irregularities		1	0.5	1.5	3	Professional English in Use: p. 26-27
7.2. Speaking: Discuss “What does an auditor do?”			1	1	2	
7.3. Listening: The latest financial scandal		1	1	2	4	English for Accounting: p. 32 (Audio 15, 16)
7.4. Vocabulary Consolidation – Exercises						
7.5 Language Focus: Time Expressions	0.5			0.5	1	
MID-TERM TEST 2 & REVISION			2	2	4	
Tổng	8.5	16	20.5	45	90	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán quản trị 1**
 - Tiếng Anh: **Managerial Accounting 1**
- Mã học phần: KTKE2508
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được để ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí. Bên cạnh đó, sinh viên nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng, lợi nhuận để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp.
- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu và nắm vững toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.
- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích và kiểm soát chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- + *Kỹ năng làm việc nhóm*: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.
- *Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*:
 - + Yêu thích môn học kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng.
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các phương pháp thu thập, xử lý và cung cấp những thông tin về kinh tế - tài chính cho các cấp quản lý trong nội bộ doanh nghiệp, như: phân loại chi phí, lập báo cáo sản xuất. Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, lập dự toán. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí về khối lượng và lợi nhuận, lựa chọn thông tin thích hợp cho việc ra các quyết định đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Hoàng Đình Hương (2018), *Giáo trình Kế toán quản trị*, NXB Xây dựng
2. Nguyễn Ngọc Quang (2014), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
3. Phạm Văn Dược (2011), *Bài tập Kế toán quản trị*, NXB Đại học kinh tế TP HCM

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kế toán quản trị 1 (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Kế toán quản trị: Lý thuyết cơ bản và nâng cao – Bài tập thực hành và một số lời giải mẫu*, Nhà xuất bản Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình Phát vấn Đàm thoại

Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;

Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP	6			6	12	
1.1. Khái niệm và bản chất kế toán quản trị trong doanh nghiệp <i>1.1.1. Khái niệm về kế toán quản trị</i> <i>1.1.2. Bản chất kế toán quản trị</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), Đọc TLĐT (3) (4)
1.2. Chức năng thông tin kế toán quản trị trong doanh nghiệp	1			1	2	
1.3. Đối tượng và phương pháp	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nghiên cứu kế toán quản trị trong doanh nghiệp <i>1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của kế toán quản trị</i> <i>1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của kế toán quản trị</i>						
1.4. So sánh kế toán quản trị và kế toán tài chính <i>1.4.1. Những điểm giống nhau</i> <i>1.4.2. Những điểm khác nhau</i>	1			1	2	
1.5. Sự cần thiết, yêu cầu và nhiệm vụ tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp <i>1.5.1. Sự cần thiết tổ chức kế toán quản trị trong nền kinh tế thị trường</i> <i>1.5.2. Yêu cầu và nhiệm vụ tổ chức kế toán quản trị</i>	1			1	2	
1.6. Tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp <i>1.6.1. Tổ chức kế toán quản trị theo chức năng thông tin kế toán</i> <i>1.6.2. Tổ chức kế toán quản trị theo chu trình thông tin kế toán</i> <i>1.6.3. Mô hình tổ chức kế toán quản trị</i>	1			1	2	
CHƯƠNG 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN LOẠI CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP	5		2	7	14	
2.1. Khái niệm chi phí kinh doanh <i>2.1.1. Bản chất kinh tế của chi phí</i> <i>2.1.2. Khái niệm về chi phí dưới</i>	1			1	2	Đọc TLC (1),

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>góc độ kế toán tài chính</i> 2.1.3. <i>Khái niệm về chi phí dưới góc độ kế toán quản trị</i>						Đọc TLĐT (3) (4)
2.2. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động 2.2.1. <i>Ý nghĩa phân loại</i> 2.2.2. <i>Nội dung phân loại</i>	1			1	2	
2.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động 2.3.1. <i>Ý nghĩa phân loại</i> 2.3.2. <i>Nội dung phân loại</i> 2.3.3. <i>Các phương pháp tách chi phí hỗn hợp</i>	2			2	4	
2.4. Phân loại chi phí để đánh giá hàng tồn kho và xác định lợi nhuận của doanh nghiệp 2.4.1. <i>Các tiêu thức phân loại chi phí</i> 2.4.2. <i>Đánh giá hàng tồn kho</i> 2.4.3. <i>Xác định lợi nhuận của doanh nghiệp</i>	1			1	2	
2.5. Các tiêu thức phân loại chi phí khác 2.5.1. <i>Căn cứ vào mối quan hệ của chi phí với đối tượng chịu chi phí</i> 2.5.2. <i>Căn cứ vào mối quan hệ của chi phí với mức độ kiểm soát của các nhà quản trị</i> 2.5.3. <i>Căn cứ vào mối quan hệ của chi phí với các quyết định kinh doanh</i>						
Làm việc nhóm			2	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ SẢN XUẤT SẢN PHẨM DỊCH VỤ	5	2		7	14	
3.1. Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo công việc <i>3.1.1. Đối tượng vận dụng phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo công việc</i> <i>3.1.2. Nội dung và quá trình tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo công việc</i> <i>3.1.3. Quá trình phản ánh chi phí vào sổ kế toán</i>	1	1		2	4	Đọc TLC (1), Đọc TLĐT (3) (4)
3.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo quá trình sản xuất <i>3.2.1. Đối tượng sử dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo quá trình sản xuất</i> <i>3.2.2. Quá trình tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm và phản ánh vào tài khoản</i>	2			2	4	
3.3. Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm hiện đại <i>3.3.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo mô hình chi phí mục tiêu (Target – Costing)</i> <i>3.3.2. Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm dựa trên hoạt động (Activity – Based Costing – ABC)</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4. Báo cáo sản xuất <i>3.4.1. Khái niệm và ý nghĩa báo cáo sản xuất</i> <i>3.4.2. Nội dung của báo cáo sản xuất</i>	1	1		2	4	
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ GIỮA CHI PHÍ, SẢN LƯỢNG VÀ LỢI NHUẬN	7	4	1	12	24	
4.1. Ý nghĩa phân tích mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận	1			1	2	Đọc TLC (1), Đọc TLĐT (3) (4)
4.2. Các khái niệm phục vụ cho phân tích mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận <i>4.2.1. Lợi nhuận gộp (Số dư đảm phí)</i> <i>4.2.2. Tỷ lệ lợi nhuận gộp (Tỷ lệ số dư đảm phí)</i> <i>4.2.3. Cơ cấu sản phẩm tiêu thụ</i>	2	2		4	8	
4.3. Phân tích điểm hòa vốn <i>4.3.1. Khái niệm và ý nghĩa phân tích điểm hòa vốn</i> <i>4.3.2. Nội dung phân tích điểm hòa vốn</i> <i>4.3.3. Lập kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận mong muốn</i>	2	1		3	6	
4.4. Cơ cấu chi phí và độ lớn đòn bẩy kinh doanh <i>4.4.1. Cơ cấu chi phí</i> <i>4.4.2. Độ lớn đòn bẩy kinh doanh</i>	1			1	2	
4.5. Ứng dụng của phân tích chi phí, sản lượng và lợi nhuận vào việc ra	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quyết định kinh doanh 4.5.1. Thay đổi chi phí cố định và doanh thu 4.5.2. Thay đổi chi phí biến đổi và doanh thu 4.5.3. Thay đổi giá bán, chi phí cố định và doanh thu 4.5.4. Thay đổi chi phí cố định, chi phí biến đổi và doanh thu 4.5.5. Thay đổi cơ cấu sản phẩm tiêu thụ và doanh thu						
Làm việc nhóm			1	1	2	
CHƯƠNG 5. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH DOANH NGHIỆP	7	5	1	13	26	
5.1. Tổng quan về dự toán 5.1.1. Khái niệm và ý nghĩa về dự toán 5.1.2. Phân loại dự toán 5.1.3. Cơ sở khoa học xây dựng dự toán 5.1.4. Trình tự xây dựng dự toán	1			1	2	Đọc TLC (1), Đọc TLĐT (3) (4)
5.2. Hệ thống định mức chi phí 5.2.1. Khái niệm và ý nghĩa định mức chi phí 5.2.2. Nguyên tắc và phương pháp xây dựng định mức chi phí 5.2.3. Các định mức chi phí	2	1		3	6	
5.3. Hệ thống dự toán ngân sách doanh nghiệp 5.3.1. Dự toán tiêu thụ sản phẩm 5.3.2. Dự toán sản lượng sản xuất 5.3.3. Dự toán hàng tồn kho	4	4		8	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.4. Dự toán giá vốn hàng bán 5.3.5. Dự toán chi phí 5.3.6. Dự toán báo cáo tài chính						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	11	4	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán quản trị 2**
 - Tiếng Anh: **Managerial Accounting 2**
- Mã học phần: KTKE2509
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kế toán quản trị 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng để ghi chép, tổng hợp, phân tích biến động chi phí, doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh, định giá sản phẩm nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị để đưa ra quyết định ngắn hạn, dài hạn.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích, tổng hợp và đưa ra quyết định kinh doanh.
- + *Kỹ năng làm việc nhóm*: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.
- *Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*:
 - + Yêu thích môn học kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng.
 - + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.
 - + Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm: Các phương pháp thu thập, xử lý và cung cấp những thông tin về kinh tế - tài chính cho các cấp quản lý trong nội bộ doanh nghiệp, như Phân tích biến động chi phí, kế toán trách nhiệm, định giá bán sản phẩm...nhằm phục vụ cho việc điều hành, kiểm tra và ra các quyết định kinh tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Hoàng Đình Hương (2018), *Giáo trình Kế toán quản trị*, NXB Xây dựng
2. Nguyễn Ngọc Quang (2014), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
3. Phạm Văn Dực (2011), *Bài tập Kế toán quản trị*, NXB Đại học kinh tế TP HCM

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kế toán quản trị 2 (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Phan Đức Dũng (2009), *Kế toán quản trị: Lý thuyết, Bài tập và Bài giải*, Nhà xuất bản Thống kê.
3. Huỳnh Lợi (2007), *Hệ thống bài tập và bài giải kế toán quản trị*, Nhà xuất bản Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;

Nghe giảng và hướng dẫn học tập, vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập.

Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và chữa trên lớp.

Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. DỰ TOÁN LINH HOẠT VÀ PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ	5	2		7	14	
1.1. Dự toán linh hoạt <i>1.1.1. Khái niệm và đặc điểm dự toán linh hoạt</i> <i>1.1.2. Ý nghĩa của dự toán linh hoạt</i>	2			2	4	Đọc TLC (1) - Chương 6
1.2. Phân tích biến động chi phí <i>1.2.1. Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i> <i>1.2.2. Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp</i> <i>1.2.3. Phân tích biến động chi</i>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phí sản xuất chung</i>						
1.3. Phân tích biến động kết quả kinh doanh <i>1.3.1. Phân tích biến động doanh thu</i> <i>1.3.2. Báo cáo hoạt động</i>	1	1		2	4	
CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM	6	2		8	16	
2.1. Khái niệm và phân loại trung tâm kế toán trách nhiệm <i>2.1.1. Khái niệm trung tâm trách nhiệm</i> <i>2.1.2. Phân loại trung tâm trách nhiệm và nội dung kế toán</i> <i>2.1.3. Hệ thống báo cáo kế toán trách nhiệm</i>	2			2	4	Đọc TLC (1) – Chương 7
2.2. Báo cáo bộ phận và phân tích báo cáo bộ phận <i>2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của báo cáo bộ phận</i> <i>2.2.2. Phân tích báo cáo bộ phận</i>	1	1		2	4	
2.3. Phân bổ chi phí gián tiếp cho các bộ phận <i>2.3.1. Sự cần thiết phải phân bổ chi phí gián tiếp cho các bộ phận</i> <i>2.3.2. Nguyên tắc và hình thức phân bổ chi phí gián tiếp</i>	2			2	4	
2.4. Phương pháp xác định chi phí và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh <i>2.4.1. Các phương pháp xác định chi phí</i>	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.2. Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo các phương pháp xác định chi phí						
CHƯƠNG 3. ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	6	2	2	10	20	
3.1. Lý thuyết cơ bản và ý nghĩa của định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp 3.1.1. Lý thuyết cơ bản định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp của nền kinh tế thị trường 3.1.2. Ý nghĩa của định giá bán sản phẩm trong quản trị doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC (1) – Chương 8
3.2. Nội dung định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp 3.2.1. Định giá bán sản phẩm hàng loạt 3.2.2. Định giá bán sản phẩm theo chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công 3.2.3. Định giá bán sản phẩm mới 3.2.4. Định giá bán sản phẩm trong một số trường hợp đặc biệt 3.2.5. Định giá bán sản phẩm tiêu thụ nội bộ	4	2		6	12	
Làm việc nhóm			2	2	4	
CHƯƠNG 4. THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN	6	3		9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.1. Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn thích hợp để chọn quyết định ngắn hạn</p> <p><i>4.1.1. Khái niệm quyết định ngắn hạn</i></p> <p><i>4.1.2. Đặc điểm của quyết định ngắn hạn</i></p> <p><i>4.1.3. Tiêu chuẩn thích hợp để chọn quyết định ngắn hạn</i></p>	1			1	2	Đọc TLC (1) – Chương 9
<p>4.2. Phân tích thông tin thích hợp và không thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn</p> <p><i>4.2.1. Phân tích thông tin thích hợp</i></p> <p><i>4.2.2. Phân tích thông tin không thích hợp</i></p>	1	1		2	4	
<p>4.3. Nội dung các quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp</p> <p><i>4.3.1. Quyết định có nên chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng đặc biệt</i></p> <p><i>4.3.2. Quyết định loại bỏ hay tiếp tục kinh doanh một bộ phận trong doanh nghiệp</i></p> <p><i>4.3.3. Quyết định tự sản xuất hay mua các chi tiết sản phẩm</i></p> <p><i>4.3.4. Quyết định nên tiếp tục chế biến hay bán ngay bán thành phẩm</i></p> <p><i>4.3.5. Quyết định trong trường hợp năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị giới hạn</i></p>	4	2		6	12	
CHƯƠNG 5. THÔNG TIN KẾ TOÁN VỚI VIỆC RA	7	2	2	11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN						
5.1. Những vấn đề chung của các quyết định đầu tư dài hạn 5.1.1. Khái niệm quyết định dài hạn 5.1.2. Vai trò quyết định dài hạn 5.1.3. Đặc điểm quyết định dài hạn 5.1.4. Phân loại quyết định dài hạn	3	1		4	8	Đọc TLC (1) – Chương 10
5.2. Các phương pháp đánh giá dự án đầu tư 5.2.1. Các phương pháp chiết khấu dòng tiền 5.2.2. Các phương pháp không chiết khấu dòng tiền	4	1		5	12	
Làm việc nhóm			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	11	4	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán tài chính 1**
 - Tiếng Anh: **Financial Accounting 1**
- Mã học phần: KTKE2510
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 24 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,.. trong doanh nghiệp sản xuất.
- *Về kỹ năng:* Nắm vững toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể và vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có thể đưa ra những biện

pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có năng lực thực hiện công tác kế toán độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm với kết quả công việc đã được giao. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ, định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cung cấp nội dung và phương pháp kế toán, sổ sách kế toán tổng hợp và lập hệ thống báo cáo tài chính. Ngoài ra, học phần còn bao gồm những kiến thức về kế toán tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, chi phí sản xuất và phương pháp tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kế toán tài chính 1 (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập & Bài giải kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm

Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 và 01 điểm thi giữa kỳ, hệ số 2

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN	8	5		13	26	
1.1. Kế toán tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình <i>1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định</i> <i>1.1.2. Phân loại tài sản cố định</i> <i>1.1.3. Đánh giá tài sản cố định</i> <i>1.1.4. Kế toán tổng hợp tài sản cố định</i> <i>1.1.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định</i> <i>1.1.6. Kế toán sửa chữa tài sản</i>	5	3		8	16	Đọc TLC (1), (2); Đọc TLĐT (1)

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>cố định</i>						
1.2. Kế toán tài sản cố định thuê tài chính <i>1.2.1. Khái niệm tài sản cố định thuê tài chính</i> <i>1.2.2. Kế toán tài sản cố định thuê tài chính</i>	1	1		2	4	
1.3. Kế toán bất động sản đầu tư <i>1.3.1. Khái niệm bất động sản đầu tư</i> <i>1.3.2. Kế toán bất động sản đầu tư</i>	1			1	2	
1.4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính dài hạn <i>1.4.1. Khái niệm và phân loại các khoản đầu tư tài chính</i> <i>1.4.2. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con</i> <i>1.4.3. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i> <i>1.4.4. Kế toán các khoản đầu tư khác</i> <i>1.4.5. Kế toán dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác</i>	1	1		2	4	
CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ	6	5		11	22	
2.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán <i>2.1.1. Khái niệm</i> <i>2.1.2. Nhiệm vụ kế toán</i>	1			1	2	Đọc TLC (1), (3); Đọc TLĐT (1)
2.2. Phân loại nguyên vật liệu,						

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
công cụ dụng cụ <i>2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu</i> <i>2.2.2. Phân loại công cụ dụng cụ</i>						
2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ <i>2.3.1. Tính giá vật tư nhập kho</i> <i>2.3.2. Tính giá vật tư xuất kho</i>	1	1		2	4	
2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1	1		2	4	
2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ <i>2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên</i> <i>2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ</i>	2	2		4	8	
2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho <i>2.6.1. Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i> <i>2.6.2. Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	
CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	5	4		9	18	
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán	2			2	4	Đọc TLC (1), (2); Đọc TLĐT (1)
3.2. Các hình thức tiền lương						
3.3. Phân loại tiền lương						

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4. Phân loại lao động						
3.5. Kế toán tổng hợp tiền lương 3.5.1. Chứng từ kế toán 3.5.2. Tài khoản sử dụng 3.5.3. Phương pháp kế toán	2	3		5	10	
3.6. Kế toán Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp 3.6.1. Chứng từ kế toán 3.6.2. Tài khoản sử dụng 3.6.3. Phương pháp kế toán	1	1		2	4	
CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	10	6	1	17	34	
4.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ và nhiệm vụ kế toán 4.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ 4.1.2. Nhiệm vụ kế toán	1			1	2	
4.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất - đối tượng tính giá thành 4.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất 4.2.2. Đối tượng tính giá thành						Đọc TLC (1), (3); Đọc TLĐT (1)
4.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất	1	2		3	6	
4.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong xí nghiệp sản xuất công nghiệp	1	1		2	4	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.5. Phương pháp tính giá thành	1	1		2	4	
4.6. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành bộ phận sản xuất phụ <i>4.6.1. Đặc điểm của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành bộ phận sản xuất phụ</i> <i>4.6.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>4.6.3. Phương pháp kế toán</i>	4	1		5	10	
4.7. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản xuất chính trong sản xuất công nghiệp <i>4.7.1. Khái quát về hoạt động sản xuất công nghiệp</i> <i>4.7.2. Xác định nội dung kinh tế và kết cấu giá thành sản phẩm công nghiệp</i> <i>4.7.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp</i>	1			1	2	
4.8. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành ngành sản xuất nông nghiệp <i>4.8.1. Đặc điểm sản xuất và quản lý của doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp</i> <i>4.8.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp</i>	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. KẾ TOÁN TIÊU	6	3	1	10	20	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
THỰC HÀNH PHÂN, XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH						
5.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chính <i>5.1.1. Kế toán doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh</i> <i>5.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán</i> <i>5.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	2	1		3	6	Đọc TLC (1), (2); Đọc TLĐT (1)
5.2. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động tài chính <i>5.2.1. Nội dung chi phí và doanh thu hoạt động tài chính</i> <i>5.2.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>5.2.3. Phương pháp kế toán</i>	2	1		3	6	
5.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác <i>5.3.1. Nội dung chi phí và thu nhập khác</i> <i>5.3.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>5.3.3. Phương pháp kế toán</i>	1	0.5		2	3.5	
5.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						
5.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh						
5.6. Kế toán phân phối kết quả kinh doanh <i>5.6.1. Nội dung, nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế</i> <i>5.6.2. Phương pháp kế toán</i>	1	0.5		2	3.5	

NỘI DUNG	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1			
Tổng cộng	35	23	2	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán tài chính 2**
 - Tiếng Anh: **Financial Accounting 2**
- Mã học phần: KTKE2511
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kế toán tài chính 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và nắm vững các nguyên tắc và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ liên quan các khoản phải thu, phải trả, hoạt động thương mại trong nước, xuất – nhập khẩu... và vận dụng các kiến thức đã học vào thực hành công tác kế toán, đảm nhận nhiệm vụ kế toán trong phòng kế toán của các doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng về nhận thức: Đạt được kiến thức chuẩn bị đi vào thực tiễn để tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp ; biết cách lập, đọc các báo cáo tài chính, cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc quản lý tình hình tài chính doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

+ Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học để thực hành công việc kế toán trong các doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua các chuyên đề, thảo luận và bài tập thực hành để rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm.

+ Kỹ năng tư duy: Nắm rõ các nguyên tắc, phương pháp hạch toán các nghiệp vụ vốn bằng tiền, phải thu, phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, lập và đọc các Báo cáo tài chính... để vận dụng trong thực tế đề xuất ra các biện pháp giúp các nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt các khoản phải thu, phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu... sao cho hiệu quả và hợp lý.

- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học Kế toán tài chính 2 cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả, các nghiệp vụ lưu chuyển hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại trong nước, hoạt động xuất nhập khẩu, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, phương pháp lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kế toán tài chính 2 (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập & Bài giải kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm

Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%,

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	3	2		5	10	
1.1. Tổng quan về kế toán vốn bằng tiền						Đọc TLC (1) Chương 6, Chương 7; Đọc TLĐT (1) Chương 1, Chương 20
1.2. Kế toán tiền tại quỹ <i>1.2.1. Tài khoản, chứng từ sử dụng</i> <i>1.2.2. Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	
1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng <i>1.3.1. Tài khoản, chứng từ sử dụng</i> <i>1.3.2. Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	
1.4. Kế toán tiền đang chuyển <i>1.4.1. Tài khoản, chứng từ sử dụng</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>1.4.2 Phương pháp kế toán</i>						
1.5. Kế toán đầu tư tài chính ngắn hạn <i>1.5.1. Kế toán đầu tư chứng khoán kinh doanh</i> <i>1.5.2. Kế toán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i> <i>1.5.3. Kế toán dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	1			1	2	
1.6. Nội dung tóm tắt chương và bài tập thực hành Thảo luận nhóm						
CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC VÀ TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI.	3	2		5	10	
2.1. Tổng quan về các khoản ứng trước						Đọc TLC(1), (2) ; Đọc TLĐT (1)Chương 2, Chương 16
2.2. Kế toán các khoản tạm ứng cho nhân viên <i>2.2.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>2.2.2. Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	
2.3. Kế toán các khoản chi phí trả trước <i>2.3.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>2.3.2. Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	
2.4. Kế toán các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược <i>2.4.1. Nội dung, nguyên tắc kế</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>toán và tài khoản sử dụng</i> 2.4.2. <i>Phương pháp kế toán</i>						
2.5. Kế toán tài sản thuê thu nhập hoãn lại 2.5.1. <i>Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> 2.5.2. <i>Phương pháp kế toán</i>	1			1	2	
2.6. Nội dung tóm tắt chương và bài tập thực hành Thảo luận nhóm						
CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU	4	3		7	14	
3.1. Tổng quan về kế toán các khoản phải thu						Đọc TLC (1) Chương 5; Đọc TLĐT (1) Chương 11
3.2. Kế toán phải thu khách hàng 3.2.1. <i>Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> 3.2.2. <i>Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	
3.3. Kế toán phải thu nội bộ 3.3.1. <i>Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> 3.3.2. <i>Phương pháp kế toán</i>	1			1	2	
3.4. Kế toán phải thu khác 3.4.1. <i>Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> 3.4.2. <i>Phương pháp kế toán</i>						
3.5. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi 3.5.1. <i>Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> 3.5.2. <i>Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.6. Nội dung tóm tắt chương và bài tập thực hành Thảo luận nhóm	1	1		2	4	
CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ	7	2		9	18	
4.1. Tổng quan về kế toán các khoản phải trả						Đọc TLC (1) Chương 6; Đọc TLĐT (1) chương 12
4.2. Kế toán phải trả người bán 4.2.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.2.2. Phương pháp kế toán	1	1		2	4	
4.3. Kế toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước 4.3.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.3.2. Phương pháp kế toán						
4.4. Kế toán phải trả người lao động 4.4.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.4.2. Phương pháp kế toán						
4.5. Kế toán chi phí phải trả 4.5.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.5.2. Phương pháp kế toán	1	1		2	4	
4.6. Kế toán phải trả nội bộ 4.6.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.6.2. Phương pháp kế toán						
4.7. Kế toán thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng 4.7.1. Nội dung, nguyên tắc kế	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>toán và tài khoản sử dụng</i> 4.7.2. Phương pháp kế toán						
4.8. Kế toán phải trả, phải nộp khác 4.8.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.8.2. Phương pháp kế toán						
4.9. Kế toán vay và nợ thuê tài chính 4.9.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.9.2. Phương pháp kế toán						
4.10. Kế toán trái phiếu phát hành 4.10.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.10.2. Phương pháp kế toán						
4.11. Kế toán nhận ký quỹ, ký cược 4.11.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.11.2. Phương pháp kế toán	1			1	2	
4.12. Kế toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả 4.12.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.12.2. Phương pháp kế toán						
4.13. Kế toán dự phòng phải trả 4.13.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng 4.13.2. Phương pháp kế toán	1			1	2	
4.14. Kế toán quỹ khen thưởng,						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phúc lợi <i>4.14.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>4.14.2. Phương pháp kế toán</i>						
4.15. Kế toán quỹ phát triển khoa học và công nghệ <i>4.15.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>4.15.2. Phương pháp kế toán</i>	1			1	2	
4.16. Kế toán quỹ bình ổn giá <i>4.16.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>4.16.2. Phương pháp kế toán</i>						
4.17. Nội dung tóm tắt chương và bài tập thực hành Thảo luận nhóm	1			1	2	
CHƯƠNG 5. KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA	4	2		6	12	
5.1. Tổng quan về kế toán lưu chuyển hàng hóa	1			1	2	Đọc TLC (1) Chương 5; Đọc TLĐT (1) Chương 15, chương 17
5.2. Kế toán mua, bán hàng hóa trong nước <i>5.2.1. Kế toán quá trình mua hàng trong nước</i> <i>5.2.2. Kế toán quá trình bán hàng trong nước</i>	1	1		2	4	
5.3. Kế toán nhập, xuất khẩu hàng hóa <i>5.3.1. Kế toán nhập khẩu hàng hóa</i> <i>5.3.2. Kế toán xuất khẩu hàng hóa</i>	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4 Nội dung tóm tắt chương và bài tập thực hành Thảo luận nhóm	1			1	2	
CHƯƠNG 6. KẾ TOÁN NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	5	2		7	14	
6.1. Tổng quan về nguồn vốn chủ sở hữu						Đọc TLC (1) Chương 9; Đọc TLĐT (1) Chương 24, Chương 25
6.2. Kế toán vốn đầu tư chủ sở hữu <i>6.2.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>6.2.2. Phương pháp kế toán</i>	2	1		3	6	
6.3. Kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản <i>6.3.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>6.3.2. Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	
6.4. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái <i>6.4.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>6.4.2. Phương pháp kế toán</i>						
6.5. Kế toán lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <i>6.5.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>6.5.2. Phương pháp kế toán</i>	1			1	2	
6.6. Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản <i>6.6.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>6.6.2. Phương pháp kế toán</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.7. Kế toán cổ phiếu quỹ						
6.8. Kế toán các quỹ của doanh nghiệp <i>6.8.1. Nội dung, nguyên tắc kế toán và tài khoản sử dụng</i> <i>6.8.2. Phương pháp kế toán</i>	1			1	2	
6.9. Nội dung tóm tắt chương và ví dụ minh họa Thảo luận nhóm						
CHƯƠNG 7. LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4	1	1	6	12	
7.1. Tổng quan về hệ thống Báo cáo tài chính	1			1	2	Đọc TLC (1) Chương 10; Đọc TLĐT (1) chương 22, chương 23, chương 17
7.2. Hệ thống báo cáo tài chính <i>7.2.1. Bảng cân đối kế toán</i> <i>7.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> <i>7.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i> <i>7.2.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	2			2	4	
7.3. Nội dung tóm tắt chương và ví dụ minh họa	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	14	1	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phân tích Báo cáo tài chính**
 - Tiếng Anh: **Financial Reporting Analysis**
- Mã học phần: KTKE2512
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kế toán tài chính 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được và đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp người học có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng về nhận thức:* Vận dụng các kiến thức đã học để lập, đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính từ đó cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá về tình hình tài chính

của một doanh nghiệp, đồng thời đề xuất cho nhà quản lý để đưa ra các quyết định đúng đắn về tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả cao nhất.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Thực hành công việc phân tích tình hình tài chính thông qua các Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Nắm rõ các phương pháp phân tích, nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu, từ đó đánh giá và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định đúng đắn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Kiến thức để lập và phân tích các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp như: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Kiến thức và cơ sở lý luận để phân tích các hoạt động trong doanh nghiệp như: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu đánh giá và phân tích cụ thể như: Phân tích hoạt động đầu tư tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, khả năng sinh lời, tình hình tín dụng,...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Ngọc Quang (2016), *Phân tích Báo cáo tài chính*, NXB Tài chính
2. Đặng Thái Hùng (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2: Báo cáo tài chính doanh nghiệp độc lập báo cáo tài chính hợp nhất, chứng từ và sổ kế toán ví dụ thực hành*, NXB Tài chính
3. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Phân tích báo cáo tài chính (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Nguyễn Văn Công (2017), *Phân tích báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>

Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm

Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3	1		4	8	Đọc TLC (1) chương 1; Đọc TLC (2), (3)
1.1. Khái niệm và mục tiêu của phân tích báo cáo tài chính	1			1	2	
1.2. Đối tượng sử dụng thông tin phân tích báo cáo tài chính						
1.3. Các báo cáo tài chính và các thông tin kèm theo các báo cáo tài chính	1	1		2	4	
1.4. Các phương pháp phân tích 1.4.1. Phương pháp so sánh 1.4.2. Phương pháp loại trừ						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4.3. Phương pháp liên hệ cân đối 1.4.4. Phương pháp mô hình tài chính Dupont						
1.5. Tổ chức phân tích báo cáo tài chính tài chính trong doanh nghiệp Thảo luận nhóm	1			1	2	
CHƯƠNG 2. GIỚI THIỆU CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3	1		4	8	Đọc TLC (1) chương 1, Đọc TLC (2), (3); Đọc TLĐT (1) chương 2
2.1. Khái niệm và yêu cầu của báo cáo tài chính	1	1		2	4	
2.2. Bảng cân đối kế toán 2.2.1. Nội dung và kết cấu 2.2.2. Đọc và kiểm tra bảng cân đối kế toán						
2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2.3.1. Nội dung và kết cấu 2.3.2. Đọc và kiểm tra báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1			1	2	
2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2.4.1. Nội dung và kết cấu 2.4.2. Đọc và kiểm tra báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1			1	2	
2.5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính 2.5.1. Nội dung và kết cấu 2.5.2. Đọc và kiểm tra bản thuyết minh báo cáo tài chính						
2.6. Các báo cáo tài chính khác						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
có liên quan						
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	3	2		5	10	Đọc TLC (1) chương 3; Đọc TLC (2), (3); Đọc TLĐT (1) chương 3
3.1. Nội dung và ý nghĩa của phân tích hoạt động đầu tư	1			1	2	
3.2. Phân tích hoạt động đầu tư tài sản ngắn hạn <i>3.2.1. Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn</i> <i>3.2.2. Các khoản phải thu</i> <i>3.2.3. Hàng tồn kho</i>	1	1		2	4	
3.3. Phân tích hoạt động đầu tư tài sản dài hạn <i>3.3.1. Phân tích hoạt động đầu tư tài sản cố định</i> <i>3.3.2. Phân tích hoạt động đầu tư tài chính dài hạn</i> <i>3.3.3. Phân tích hoạt động đầu tư bất động sản</i>	1	1		2	4	
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ	3	1		4	8	Đọc TLC (1) chương 4; Đọc TLC (2), (3); Đọc TLĐT (3) chương 4
4.1. Nội dung và ý nghĩa của hoạt động tài trợ	1			1	2	
4.2. Phân tích hoạt động tài trợ bằng Nợ	1	1		2	4	
4.3. Tài trợ bằng vốn chủ sở hữu <i>4.3.1. Các chứng khoán vốn</i> <i>4.3.2. Lợi nhuận để lại</i>	1			1	2	
CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	3	2		5	10	Đọc TLC (1) chương 6; Đọc TLC (2), (3);
5.1. Xác định doanh thu	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2. Ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập <i>5.2.1. Ghi nhận doanh thu</i> <i>5.2.2. Ghi nhận chi phí</i> <i>5.2.3. Ghi nhận thu nhập</i>	1	1		2	4	Đọc TLĐT (3) chương 5
5.3. Phân tích hiệu quả sử dụng chi phí	1	1		2	4	
5.4. Phân tích thu nhập (lợi nhuận)						
CHƯƠNG 6. PHÂN TÍCH BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	2	1		3	6	Đọc TLC (1) chương 3; Đọc TLC (2), (3); Đọc TLĐT (1) chương 1
6.1. Tầm quan trọng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1			1	2	
6.2. Lập và phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ <i>6.2.1. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i> <i>6.2.2. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư</i> <i>6.2.3. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính</i>	1	1		2	4	
6.3. Phân tích các trường hợp của báo cáo lưu chuyển tiền tệ						
CHƯƠNG 7. PHÂN TÍCH CÁC TỶ SỐ TÀI CHÍNH	3	1	1	5	10	Đọc TLC (1) chương 5, Chương 6; Đọc TLC (2), (3); Đọc TLĐT (1) chương 4, chương 6
7.1. Nhóm tỷ số thanh toán	1	1		2	4	
7.2. Nhóm tỷ số cơ cấu tài chính						
7.3. Nhóm tỷ số hoạt động	1			1	2	
7.4. Nhóm tỷ số doanh lợi						
7.5. Phân tích tài chính Dupont	1			1	2	
7.6. Nhóm tỷ số chứng khoán						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận nhóm						
Cộng	20	9	1	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kiểm toán tài chính**
 - Tiếng Anh: **Financial Auditing**
- Mã học phần: KTKN2502
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kiểm toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được những kiến thức tổng quan về kiểm toán như: khái niệm, đối tượng và mục tiêu kiểm toán, làm quen với các phương pháp kiểm toán, thực hiện quy trình kiểm toán một số các khoản mục cơ bản của doanh nghiệp: kiểm toán tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán doanh thu, kiểm toán giá vốn hàng bán và chi phí.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Giải thích được đặc điểm và quy trình kiểm toán các khoản mục, các thủ tục thực hiện thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng những kiến thức đã học để phát hiện ra các sai phạm thường gặp trên các khoản mục và trên báo cáo tài chính.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thực hành bài tập trên lớp.

+ *Kỹ năng tư duy*: Tổng hợp đánh giá tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Đánh giá mức độ sai sót trọng yếu của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, từ đó đưa ra những ý kiến trên báo cáo kiểm toán.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan kiểm toán tài chính như đặc điểm, đối tượng, mục tiêu kiểm toán tài chính.
- Phương pháp kiểm toán khoản mục tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán tài sản cố định, kiểm toán lương và các khoản trích theo lương, kiểm toán một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. GS.TS.Nguyễn Quang Quỳnh (2014), *Kiểm toán tài chính*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. Khoa kế toán, kiểm toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Kiểm toán tập 2*, NXB Kinh Tế TP.HCM.

3. TS.Lưu Đức Tuyên, Ths Đậu Ngọc Châu (2010), *Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Đình Hữu (2011), *Nghiệp vụ kiểm toán*, NXB Chính trị Quốc gia;

2. Thông tư 214/2012/TT-BTC ban hành ngày 06/12/2012 về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

3. Luật số 67/2011/QH12: Luật kiểm toán độc lập do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/03/2011

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

Bài tập: Làm bài tập và thực hành nhóm

Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70% và tham dự đầy đủ các bài thực hành

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH TRONG HỆ THỐNG KIỂM TOÁN	4			4	8	
1.1. Khái niệm và đặc điểm của kiểm toán tài chính <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Đặc điểm</i>	1			1	2	Đọc TLC (1) Chương 1; Đọc TLC (3) Chương 1
1.2. Đối tượng kiểm toán tài chính và mối quan hệ chủ thể - khách thể kiểm toán tài chính <i>1.2.1. Đối tượng kiểm toán tài chính</i> <i>1.2.2. Mối quan hệ giữa chủ thể - khách thể kiểm toán</i>	1			1	2	Đọc TLC (1) Chương 1
1.3 Mục tiêu kiểm toán tài chính	2			2	4	Đọc TLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.3.1. Cơ sở dẫn liệu</p> <p>1.3.2. Mục tiêu kiểm toán chung và mục tiêu kiểm toán đặc thù</p>						Chương 1; Đọc TLC (3) Chương 1
Chương 2. KIỂM TOÁN TIỀN	5	2		7	14	
<p>2.1. Tiền với vấn đề kiểm toán</p> <p>2.1.1. Đặc điểm của tiền ảnh hưởng đến kiểm toán</p> <p>2.1.2. Mục tiêu kiểm toán tiền</p>	2			2	4	Đọc TLC (2) Chương 1
<p>2.2. Quy trình kiểm toán khoản mục tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính</p> <p>2.2.1. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát</p> <p>2.2.2. Thực hiện thử nghiệm cơ bản</p>	3	2		5	10	Đọc TLC (2) Chương 1
Chương 3. KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO VÀ CHI PHÍ SẢN XUẤT	6	3		9	18	
<p>3.1. Hàng tồn kho với vấn đề kiểm toán</p> <p>3.1.1. Đặc điểm của hàng tồn kho ảnh hưởng đến kiểm toán</p> <p>3.1.2. Mục tiêu kiểm toán hàng tồn kho</p>	2			2	4	Đọc TLC (1) Chương 10; Đọc TLC (2) Chương 3 Đọc TLC (3) Chương 4.
<p>3.2. Quy trình kiểm toán khoản hàng tồn kho và chi phí sản xuất trong kiểm toán báo cáo tài chính</p> <p>3.2.1. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát</p> <p>3.2.2. Thực hiện thử nghiệm cơ bản</p>	4	3		7	14	Đọc TLC (1) Chương 10; Đọc TLC (2) chương 3; Đọc TLC (3) chương 4
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	5	2		7	14	
4.1. Tài sản cố định với vấn đề kiểm toán <i>4.1.1 Đặc điểm của tài sản cố định ảnh hưởng đến kiểm toán</i> <i>4.1.2 Mục tiêu kiểm toán tài sản cố định</i>	2			2	4	Đọc TLC (1) chương 13; Đọc TLC (2) chương 4
4.2. Quy trình kiểm toán tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính <i>4.2.1. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát</i> <i>4.2.2. Thực hiện thử nghiệm cơ bản</i>	3	2		5	10	Đọc TLC (1) chương 13; Đọc TLC (2) chương 4
Chương 5. KIỂM TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	5	2		7	14	
5.1. Tiền lương và các khoản trích theo lương với vấn đề kiểm toán <i>5.1.1. Đặc điểm của tiền lương và các khoản trích theo lương ảnh hưởng đến kiểm toán</i> <i>5.1.2 Mục tiêu kiểm toán tiền lương và các khoản trích theo lương</i>	2			2	4	Đọc TLC (1) chương 14
5.2. Quy trình kiểm toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong kiểm toán báo cáo tài chính <i>5.2.1. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát</i> <i>5.2.2. Thực hiện thử nghiệm cơ bản</i>	3	2		5	10	Đọc TLC (1) chương 14

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 6. KIỂM TOÁN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5	4		9	18	
6.1 Nội dung và đặc điểm các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1			1	2	Đọc TLC (1) chương 15 Đọc TLC (2) chương 6
6.2 Kiểm toán doanh thu và thu nhập khác <i>6.2.1 Kiểm toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> <i>6.2.2 Kiểm toán doanh thu tài chính</i> <i>6.2.3 Kiểm toán thu nhập khác</i>	2	2		4	8	Đọc TLC (1) chương 15; Đọc TLC (2) chương 6; Đọc TLC (3) chương 5
6.3 Kiểm toán chi phí <i>6.3.1 Kiểm toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i> <i>6.3.2 Kiểm toán chi phí tài chính</i> <i>6.3.3 Kiểm toán chi phí khác</i>	2	2		4	8	Đọc TLC (1) chương 15; Đọc TLC (2), chương 6; Đọc TLC (3) chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng phát triển nghề nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Career development skills**
- Mã học phần: KTKE2522
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nâng cao năng lực phát triển nghề nghiệp kế toán kiểm toán, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc. Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định, áp dụng kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp vào công việc.

- *Về kỹ năng:*

Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học để có thể quản lý thời gian, sắp xếp và quản lý công việc một cách hiệu quả, nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Kiến thức và kỹ năng cần thiết để tìm kiếm giải pháp, khai mở trí sáng tạo và tự tin đưa ra quyết định đúng đắn.

Kỹ năng về nghề nghiệp: Có thể xử lý được các tình huống phát sinh trong công việc với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp.

Kỹ năng làm việc nhóm: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

Kỹ năng tư duy: củng cố khả năng tư duy logic của bản thân trong giải quyết công việc sau này.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp. Cách thức để sắp xếp và quản lý thời gian làm việc đạt hiệu quả. Khả năng tư duy logic tốt và áp dụng vào công việc một cách hiệu quả.

- Kỹ năng lập kế hoạch và ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Giải quyết các tình huống phát sinh trong công việc với tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Brian Tracy, (2018), *Nghệ thuật quản lý thời gian*, NXB Lao động
2. Shibamoto Hidenori, (2019), *Kỹ năng tư duy logic*, NXB lao động.
3. Jonh Adair, (2018), *Ra quyết định và giải quyết vấn đề*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kỹ năng phát triển nghề nghiệp (2020), Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
2. Phương Dung (2018), *Giáo dục kỹ năng sống dành cho thanh niên - sinh viên trong các tình huống thường gặp hàng ngày*, Thanh niên

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm

Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP	3			3	6	Đọc TLĐT (1)
1.1. Khái niệm kỹ năng nghề nghiệp	1			1	2	
1.2. Phân loại kỹ năng nghề nghiệp	1			1	2	
1.3. Tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp	1			1	2	
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG SẮP XẾP VÀ QUẢN LÝ CÔNG VIỆC	3	1		4	8	Đọc TLC (1)
2.1. Khái niệm, chức năng nhiệm vụ sắp xếp và quản lý công việc	1					
2.1.1 Khái niệm sắp xếp						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>và quản lý công việc</i>						
2.2 Quy trình sắp xếp quản lý công việc 2.2.1 Xác định mục tiêu, yêu cầu công việc 2.2.2 Xác định nội dung công việc 2.2.3 Xác định cách thức thực hiện 2.2.4 Xác định cách thức kiểm soát 2.2.5 Xác định nguồn lực thực hiện	1			1	2	
2.3 Phương pháp sắp xếp quản lý công việc 2.3.1 Định biên công việc 2.3.2 Mô tả công việc 2.3.3 Sắp xếp công việc cho nhân viên	1	1		2	4	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG TƯ DUY LOGIC	4	2	1	7	14	Đọc TLC (2)
3.1 Những điều bản khoản	1	1		1	2	
3.2 Quy trình giải quyết vấn đề và 5 kỹ năng tư duy				2	4	
3.3 Kỹ năng biểu đạt bằng ngôn ngữ	1	1		4	8	
3.4 Kỹ năng liên kết mối quan hệ						
3.5 Kỹ năng cấu trúc hóa	2					
3.6 Kỹ năng trích lọc yếu tố cốt lõi						
3.7 Kỹ năng tăng giảm bậc thang trừu tượng						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH	5	3		8	16	Đọc TLC (3) Đọc TLĐT (2)
4.1 Kỹ năng lập kế hoạch 4.1.1 Khái niệm kế hoạch, mục đích, vai trò và phân loại kế hoạch. 4.1.2 Các bước trong qui trình xây dựng kế hoạch 4.1.3 Phương pháp lập kế hoạch. 4.1.4 Các nguyên tắc, phương pháp quản lí thời gian toàn diện và cách xác định thứ tự ưu tiên của công việc 4.1.5 Thiết kế và thực hiện được các bản kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn cho bản thân và cho công việc theo đúng yêu cầu. 4.1.6 Nhận xét và đánh giá được một số kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch.	3	1		4	8	
4.2 Kỹ năng ra quyết định 4.2.1 Kỹ năng ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp 4.2.2 Kỹ năng ra quyết định dài hạn trong doanh nghiệp	2	2		4	8	
CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG XỬ LÝ TÌNH HUỐNG TRONG	5	2	1	8	16	Đọc TLĐT (3)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
QUAN HỆ CÔNG VIỆC						
5.1 Kỹ năng xử lý trong công việc nội bộ doanh nghiệp <i>5.1.1 Mối quan hệ với nhà quản trị doanh nghiệp</i> <i>5.1.2 Mối quan hệ với đồng nghiệp</i>	2	1		3	6	
5.2 Kỹ năng xử lý trong công việc bên ngoài Doanh nghiệp <i>5.2.1 Mối quan hệ với cơ quan nhà nước</i> <i>5.2.2 Mối quan hệ với các đối tượng liên quan</i>	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
THỰC HÀNH, THỰC TẬP**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kiến tập nghề nghiệp**
 - Tiếng Anh:
- Mã học phần: KTKE2525
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 6 tuần (30 ngày)
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Nắm được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở đơn vị kiến tập.
 - + *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác tại đơn vị thực tập
 - + *Kỹ năng tư duy:* Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tế, có thể biết được các

chứng từ sử dụng, đến hệ thống sổ sách, lập các báo cáo kế toán và bước đầu tiếp cận phần mềm kế toán.... trong đơn vị.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và kinh doanh;
- Thực tập các nghiệp vụ về kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội
2. Khoa kế toán, kiểm toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Kiểm toán (tập 2)*, NXB Kinh Tế TP.HCM.
3. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
4. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính
2. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập & Bài giải kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tuân thủ quy định với giảng viên hướng dẫn: Sinh viên gặp giảng viên hướng dẫn hàng tuần theo lịch sắp xếp của giảng viên hướng dẫn để báo cáo tiến độ và nội dung thực hiện theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.

- Tham dự đầy đủ các buổi kiến tập nghề nghiệp.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
1. TÌM HIỂU TỔNG QUAN ĐƠN VỊ KIẾN TẬP	7	14	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị	3	6	Tìm hiểu thông tin sơ lược về đơn vị, quá trình hình thành và phát triển, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các thành tựu cơ bản của đơn vị
1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất – kinh doanh của đơn vị	2	4	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị
1.3 Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh của đơn vị	2	4	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận trong đơn vị
2. TÌM HIỂU BỘ MÁY KẾ TOÁN VÀ KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ	17	34	

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
YẾU TẠI ĐƠN VỊ KIẾN TẬP			
2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị	2	4	Xác định cơ cấu tổ chức của bộ phận kế toán Xác định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận kế toán tại đơn vị
2.2. Tìm hiểu các quá trình kinh doanh chủ yếu tại đơn vị - Đối với đơn vị sản xuất: Tìm hiểu quá trình mua hàng, sản xuất và bán hàng - Đối với đơn vị thương mại, dịch vụ: Tìm hiểu quá trình mua hàng, bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	11	22	- Mô tả quy trình kế toán, thu thập chứng từ, liệt kê các TK sử dụng liên quan, tìm hiểu các loại sổ liên quan, trích dẫn số liệu. - Tiếp cận phần mềm kế toán.
2.3 So sánh thực tế tại đơn vị kiến tập với kiến thức đã đã được học trong nhà trường	4	8	So sánh về hệ thống chứng từ sử dụng, TK sử dụng, phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.
3. BÁO CÁO KIẾN TẬP			
Viết báo cáo kiến tập	6	12	Trình bày các nội dung đã nghiên cứu tìm hiểu trong thời gian kiến tập tại đơn vị theo mẫu quy định.
Cộng	30	60	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tài chính doanh nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Corporate Finance**
- Mã học phần: KTTC2503
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài chính - Tiền tệ (KTTC2301)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 12 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tài chính doanh nghiệp, mục tiêu và các quyết định tài chính doanh nghiệp, vốn kinh doanh của doanh nghiệp, các phương pháp tính khấu hao tài sản cố định, phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động, cách quản lý vốn lưu động; các vấn đề về đầu tư dài hạn của doanh nghiệp cùng với các chỉ tiêu đánh giá dự án đầu

tư, xem xét rủi ro và tỷ suất sinh lời của các dự án; nguồn tài trợ cho doanh nghiệp với chi phí sử dụng vốn là bao nhiêu.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích lựa chọn được phương pháp tính khấu hao phù hợp với từng doanh nghiệp cụ thể, chọn phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, có thể đưa ra cách quản lý vốn kinh doanh sao cho hiệu quả nhất; đánh giá được rủi ro và tỷ suất sinh lời của dự án và cơ sở để lựa chọn quyết định đầu tư dài hạn, phân tích các nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp và chi phí sử dụng vốn để lựa chọn phương thức huy động vốn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp, tính được khấu hao tài sản cố định, xác định nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, tính hiệu suất sử dụng vốn cố định và tốc độ luân chuyển vốn lưu động; Phân tích, đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời và xác định dòng tiền của các dự án để lựa chọn dự án đầu tư dài hạn; Phân tích, so sánh các điểm lợi và bất lợi của các nguồn tài trợ để lựa chọn phương thức huy động vốn có lợi nhất.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích, đánh giá về tình hình doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, các phương pháp đã học có thể đưa ra các biện pháp quản lý vốn kinh doanh sao cho nâng cao hiệu suất sử dụng vốn và đề ra mục tiêu tài chính doanh nghiệp phù hợp để có thể lựa chọn hình thức huy động vốn, đánh giá lựa chọn và đưa ra các quyết định đầu tư dự án, để đạt được mục tiêu đã đề ra.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ đúng đắn với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc (như: Trung thực, thẳng thắn, cẩn trọng, không vụ lợi, độc lập, khách quan,...) và trau dồi kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như bản chất và chức năng của Tài chính doanh nghiệp, các hoạt động của Tài chính doanh nghiệp, các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới hoạt động tài chính của doanh nghiệp, vốn kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm vốn cố định, vốn lưu động, các vấn đề về đầu tư dài hạn của doanh nghiệp cùng với các chỉ tiêu đánh giá dự án đầu tư; nguồn tài trợ cho doanh nghiệp với chi phí huy động vốn của từng loại.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động.

2. Vũ Văn Ninh, Bùi Văn Vân (2015), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

3. Phạm Quang Trung (2011), *Giáo trình Quản trị Tài chính doanh nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Hà, Phạm Thị Thanh Hoà (2015), *Corporate Finance*, NXB Tài chính.

2. Nguyễn Minh Kiều (2012), *Tài chính doanh nghiệp căn bản*, NXB Lao động xã hội.

3. Nguyễn Thu Thuỷ (2011), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động

4. Nguyễn Trung Trực (2013), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp Phần 1*, NXB Kinh tế TP HCM

5. Luật doanh nghiệp, *Luật số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp;

Thảo luận, rèn kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	4			4	8	
1.1. Doanh nghiệp và mục tiêu của doanh nghiệp <i>1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp</i> <i>1.1.2. Mục tiêu của doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Tài chính doanh nghiệp <i>1.2.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp</i> <i>1.2.2. Nội dung cơ bản về hoạt động tài chính doanh nghiệp</i> <i>1.2.3. Vai trò của tài chính doanh nghiệp</i> <i>1.2.4. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới hoạt động tài chính doanh nghiệp</i> <i>1.2.5. Bộ máy quản lý tài chính doanh nghiệp</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;
CHƯƠNG 2. VỐN KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	4	4		8	16	
2.1. Khái quát về vốn kinh doanh của doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;
2.2. Vốn cố định <i>2.2.1. Tài sản cố định và vốn cố định</i> <i>2.2.2. Khấu hao tài sản cố định</i> <i>2.2.3. Hiệu suất sử dụng vốn cố định</i>	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.3. Vốn lưu động</p> <p><i>2.3.1. Tài sản lưu động và vốn lưu động</i></p> <p><i>2.3.2. Nhu cầu vốn lưu động và phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động</i></p> <p><i>2.3.3. Hiệu suất sử dụng vốn lưu động</i></p> <p><i>2.3.4. Quản lý vốn lưu động</i></p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2;
<p>2.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh</p> <p><i>2.4.1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh</i></p> <p><i>2.4.2. Các biện pháp quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh</i></p>	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 16;
CHƯƠNG 3. NGUỒN TÀI TRỢ CỦA DOANH NGHIỆP	6		2	8	16	
<p>3.1. Khái quát chung về nguồn tài trợ của doanh nghiệp</p> <p><i>3.1.1. Khái niệm nguồn tài trợ của doanh nghiệp</i></p> <p><i>3.1.2. Phân loại nguồn tài trợ của doanh nghiệp</i></p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 10;
<p>3.2. Nguồn tài trợ ngắn hạn của doanh nghiệp</p> <p><i>3.2.1. Tín dụng thương mại</i></p> <p><i>3.2.2. Tín dụng ngân hàng</i></p> <p><i>3.2.3. Chiết khấu giấy tờ có giá</i></p>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 10;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.4. <i>Nợ phải trả có tính chất chu kỳ</i> 3.2.5. <i>Các nguồn tài trợ ngắn hạn khác</i>						
3.3 Nguồn tài trợ dài hạn của doanh nghiệp 3.3.1 <i>Nguồn tài trợ bên trong của doanh nghiệp</i> 3.3.2 <i>Cổ phiếu thường</i> 3.3.3 <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> 3.3.4 <i>Trái phiếu doanh nghiệp</i> 3.3.5 <i>Thuê tài chính</i> 3.3.6 <i>Vay dài hạn các tổ chức tín dụng</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 11;
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. GIÁ TRỊ THỜI GIAN CỦA TIỀN VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP	5	5		10	20	
4.1. Giá trị thời gian của tiền 4.1.1. <i>Giá trị thời gian của một khoản tiền</i> 4.1.2. <i>Giá trị thời gian của một chuỗi tiền tệ</i> 4.1.3. <i>Xác định lãi suất</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 2;
4.2. Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp 4.2.1. <i>Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và các loại dự án đầu tư</i>	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 6, chương 7, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>dài hạn</i> 4.2.2. <i>Xác định dòng tiền của dự án đầu tư dài hạn</i> 4.2.3. <i>Các tiêu chuẩn quyết định lựa chọn dự án đầu tư dài hạn</i>						
CHƯƠNG 5. RỦI RO VÀ TỶ SUẤT SINH LỜI	4	2		6	12	
5.1. Khái niệm về rủi ro và tỷ suất sinh lời <i>5.1.1. Khái niệm về rủi ro</i> <i>5.1.2. Khái niệm tỷ suất sinh lời</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 3;
5.2. Đo lường rủi ro <i>5.2.1. Đo lường rủi ro của từng khoản đầu tư cá biệt</i> <i>5.2.2. Đo lường rủi ro của danh mục đầu tư</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 3;
5.3. Quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời <i>5.3.1. Hệ số beta</i> <i>5.3.2. Mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời (Mô hình CAPM)</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5;
CHƯƠNG 6. CHI PHÍ, DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP	4		1	5	10	
6.1. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp <i>6.1.1. Khái niệm và nội dung chi phí kinh doanh của doanh nghiệp</i> <i>6.1.2. Giá thành sản phẩm của doanh nghiệp</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</p> <p>6.1.4. Các biện pháp để tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm</p>						
<p>6.2. Doanh thu của doanh nghiệp</p> <p>6.2.1. Khái niệm doanh thu</p> <p>6.2.2. Các loại doanh thu của doanh nghiệp</p> <p>6.2.3. Các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
<p>6.3. Lợi nhuận của doanh nghiệp</p> <p>6.3.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp</p> <p>6.3.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 14;
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 7. CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN	3	1		4	8	
7.1. Khái niệm chi phí sử dụng vốn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;
<p>7.2. Chi phí sử dụng vốn của các nguồn tài trợ</p> <p>7.2.1. Chi phí sử dụng vốn vay</p> <p>7.2.2. Chi phí sử dụng cổ phiếu ưu đãi</p> <p>7.2.3. Chi phí sử dụng lợi nhuận để lại tái đầu tư</p> <p>7.2.4. Chi phí sử dụng cổ phiếu thường mới</p>	1			2	4	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 12;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3. Chi phí sử dụng vốn bình quân và chi phí cận biên sử dụng vốn 7.3.1. Chi phí sử dụng vốn bình quân 7.3.2. Chi phí cận biên sử dụng vốn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 12;
Cộng	30	12	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán quốc tế**
 - Tiếng Anh: **Internation Accounting**
- Mã học phần: KTKE2521
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 8 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu về kế toán quốc tế nói chung mà nội dung chính là kế toán Mỹ; Biết một mô hình kế toán có cách tổ chức tương đối khác với kế toán Việt Nam; Vận dụng thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh vào thực tế; Làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập sau đại học.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng và phân tích thông tin, số liệu kế toán của các tổ chức trên thế giới sau khi nắm vững các kiến thức cơ bản của môn kế toán quốc tế. Qua việc phân tích có thể cung cấp các thông tin cơ bản cho các nhà quản lý ra quyết định.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát những vấn đề cơ bản của Kế toán quốc tế, Kế toán Mỹ, Kế toán tài sản ngắn hạn, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán TSCĐ, Kế toán nợ phải trả, Kế toán vốn chủ sở hữu, Kế toán các hoạt động mua bán trong thương mại.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Đông (2014), *Giáo trình kế toán quốc tế*, NXB thống kê

2. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán Mỹ*, NXB Lao động xã hội

3. Phan Đức Dũng (2014), *Kế toán Mỹ*, NXB Lao động xã hội

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kế toán quốc tế (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.

2. Đặng Kim Cương (2010), *Nguyên lý kế toán Mỹ*, Nhà xuất bản Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;

Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lời mở đầu: CÁC MÔ HÌNH KẾ TOÁN TRÊN THẾ GIỚI	2			2	4	Đọc TLC (1) Chương 1 Đọc TLĐT (2). Chương 1
1. Sự phát triển của kế toán trên thế giới	1			1	2	
2. Một số mô hình kế toán trên thế giới						
3. Phân loại hệ thống kế toán trên thế giới	1			1	2	
4. Các nguyên tắc kế toán						
CHƯƠNG 1. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN MỸ	2	1		3	6	Đọc TLC (1) Chương 1 Đọc TLĐT (2) Chương 2
1.1. Đối tượng kế toán và phương pháp kế toán <i>1.1.1. Đối tượng kế toán</i> <i>1.1.2. Phương trình kế toán</i>	0,5			0,5	1	
1.2. Chu trình kế toán Mỹ <i>1.2.1. Hệ thống tài khoản trong kế toán Mỹ</i> <i>1.2.2. Phân tích các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ các chứng từ gốc</i> <i>1.2.3. Ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung</i> <i>1.2.4. Ghi vào Sổ cái của các tài khoản có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh</i>	1,5	1		2,5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.5. Lập bảng cân đối thử 1.2.6. Lập bút toán điều chỉnh cuối kỳ 1.2.7. Khóa sổ kế toán 1.2.8. Lập bảng kế toán nhập 1.2.9. Lập các báo cáo kế toán						
CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN TÀI SẢN NGẮN HẠN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 2 Đọc TLĐT (2) Chương 3
2.1. Kế toán tiền 2.2.1. Kiểm soát nội bộ đối với tiền 2.2.2. Quỹ lặt vặt	1			1	4	
2.2. Kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn	1			1	2	
2.3. Kế toán khoản phải thu						
2.4. Kế toán thương phiếu phải thu	1			1	2	
CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO	3	2	0	5	10	Đọc TLC (1) Chương 3 Đọc TLĐT (2) Chương 4
3.1. Khái niệm và phân loại hàng tồn kho 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Phân loại hàng tồn kho	0,5			0,5	1	
3.2. Các phương pháp quản lý hàng tồn kho 3.2.1. Phương pháp kê khai thường xuyên 3.2.2. Phương pháp kiểm kê định kỳ	0,5			0,5	1	
3.3. Đánh giá hàng tồn kho 3.3.1. Đánh giá hàng tồn kho theo giá vốn	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.3.2. Đánh giá hàng tồn kho theo mức giá thấp hơn giá thực tế hoặc giá thị trường</p> <p>3.3.3. Đánh giá hàng tồn kho theo phương pháp ước tính</p>						
<p>3.4. Phương pháp kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại</p> <p>3.4.1. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên</p> <p>3.4.2. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ</p>	0,5			0,5	1	
<p>3.5. Phương pháp kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp sản xuất</p> <p>3.5.1. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên</p> <p>3.5.2. Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ</p>	1	2		3	6	
CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	3	1	1	5	10	
4.1. Đặc điểm của tài sản dài hạn	0,5			0,5	1	Đọc TLC (1) Chương 4 Đọc TLĐT (2) Chương 5
4.2. Kế toán tài sản cố định	2,5	1		3,5	7	
<p>4.2.1. Khái niệm tài sản cố định</p> <p>4.2.2. Phân loại tài sản cố định</p> <p>4.2.3. Nguyên giá tài sản cố định</p>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.4. Nguyên giá tài sản cố định 4.2.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định 4.2.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định 4.2.7. Kế toán nguồn tài nguyên thiên nhiên						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 4 Đọc TLĐT (2) Chương 5
5.1. Định nghĩa và phân loại nợ phải trả 5.1.1. Định nghĩa 5.1.2. Phân loại	0,5			0,5	1	
5.2. Kế toán khoản phải trả	0,5			0,5	1	
5.3. Kế toán thương phiếu phải trả ngắn hạn	1			1	2	
5.4. Kế toán tiền lương phải trả 5.4.1. Tiền lương của công nhân 5.4.2. Nợ thuế trích từ lương 5.4.3. Hạch toán thanh toán lương	0,5	1		1,5	3	
5.5. Kế toán trái phiếu phải trả	0,5			0,5	1	
CHƯƠNG 6. KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU	2	1		3	6	Đọc TLC (1) Chương 5 Đọc TLĐT (2) Chương 6
6.1. Kế toán trong công ty hợp danh 6.1.1. Đặc điểm của công ty hợp danh 6.1.2. Phương pháp kế toán	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2. Kế toán trong công ty cổ phần <i>6.2.1. Đặc điểm của công ty cổ phần</i> <i>6.2.2. Phương pháp kế toán</i>	1	1		2	4	
CHƯƠNG 7. KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG MUA BÁN TRONG CÔNG TY THƯƠNG MẠI	2	1	1	4	8	Đọc TLC (1) Chương 5 Đọc TLĐT (2) Chương 6
7.1. Tổng quan	0,5			0,5	1	
7.2. Kế toán doanh thu bán hàng <i>7.2.1. Doanh thu gộp</i> <i>7.2.2. Hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán</i> <i>7.2.3. Chiết khấu bán hàng</i> <i>7.2.4. Thuế doanh thu</i>	0,5			0,5	1	
7.3. Kế toán giá vốn hàng bán	0,5			0,5	1	
7.4. Chi phí hoạt động	0,5	1		1,5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	08	02	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thương mại điện tử**
 - Tiếng Anh: **Electronic commerce**
- Mã học phần: KTQU2590
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa học vừa làm
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và Khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27.5 tiết
 - Bài tập: 15.5 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử.

- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C, C2C, G2G, G2B, G2C.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thương mại điện tử cung cấp cho người học các nội dung cơ bản của thương mại điện tử như: tổng quan về thương mại điện tử; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử; các mô hình thương mại điện tử; vấn đề an ninh và bảo mật trong thương mại internet, và quản trị chiến lược thương mại điện tử.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Văn Hòe (2015), *Thương mại điện tử căn bản*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Văn Hồng (2012), *Thương mại điện tử căn bản*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Thương mại – trung tâm Thông tin Thương mại (2006), *Thương mại điện tử giành cho doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

2. Minh Quang (2009), *Những kiến thức cơ bản về thương mại điện tử*, NXB Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp.
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ.
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	6	1		7	14	
1.1. Khái niệm về thương mại điện tử <i>1.1.1. Định nghĩa thương mại điện tử</i> <i>1.1.2. Đặc trưng của thương mại điện tử</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của thương mại điện tử <i>1.2.1. Giai đoạn sơ khai của thương mại điện tử</i> <i>1.2.2. Giai đoạn thương mại thông tin</i> <i>1.2.3. Giai đoạn thương mại giao dịch</i> <i>1.2.4. Giai đoạn thương mại tích hợp</i>	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;
1.3. Lợi ích của thương mại điện tử <i>1.3.1. Lợi ích đối với các tổ chức</i>	1.5	0.5		1.5	3	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.3.2. Lợi ích đối với người tiêu dùng</p> <p>1.3.3. Lợi ích đối với xã hội</p>						
<p>1.4. Hạn chế của thương mại điện tử</p> <p>1.4.1. Hạn chế về kỹ thuật</p> <p>1.4.2. Hạn chế về thương mại</p>	0.5	0.5		1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 1;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1;</p>
<p>1.5 Những lĩnh vực ứng dụng của thương mại điện tử</p> <p>1.5.1. Thương mại hàng hóa dịch vụ điện tử</p> <p>1.5.2. Ngân hàng, tài chính điện tử</p> <p>1.5.3. Đào tạo trực tuyến</p> <p>1.5.4. Xuất bản trực tuyến</p> <p>1.5.5. Giải trí trực tuyến</p> <p>1.5.6. Dịch vụ việc làm trực tuyến</p> <p>1.5.7 Dịch vụ công trực tuyến</p>	1.5			1.5	3	<p>Đọc TLC 1, chương 1;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1;</p>
<p>1.6 Một số vấn đề pháp lý trong thương mại điện tử</p> <p>1.6.1. Vấn đề riêng tư</p> <p>1.6.2. Quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1.6.3. Quảng cáo điện tử không mong đợi</p> <p>1.6.4. Đánh thuế kinh doanh trên internet</p>	1			1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 1;</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1;</p>
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CÔNG NGHỆ CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	4	3		7	14	
2.1. Thị trường thương mại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
điện tử 2.1.1. <i>Khái niệm thị trường thương mại điện tử</i> 2.1.2. <i>Bản chất của thị trường thương mại điện tử</i> 2.1.3 <i>Phân loại thị trường thương mại điện tử</i> 2.1.4 <i>Tương lai phát triển của thị trường thương mại điện tử</i>						Đọc TLC 2, chương 3;
2.2. Trao đổi dữ liệu điện tử 2.2.1. <i>Định nghĩa về trao đổi dữ liệu điện tử</i> 2.2.2 <i>Lợi ích của EDI</i> 2.2.3 <i>Tương lai phát triển của EDI</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
2.3. Thương mại internet 2.3.1. <i>Khái niệm về thương mại internet</i> 2.3.2 <i>Chuỗi giá trị trong thương mại internet</i> 2.3.3 <i>Hệ thống thanh toán trong thương mại internet</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ AN NINH, BẢO MẬT TRONG THƯƠNG MẠI INTERNET	4.5	3.5		8	16	
3.1. An ninh trong thương mại internet 3.1.1. <i>Các nguy cơ và hình thức tấn công đe dọa an toàn thương mại điện tử</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Các yếu tố đảm bảo an toàn trong thương mại điện tử						
3.2. Kỹ thuật mã hóa thông tin 3.2.1. Mã hóa khoá bí mật 3.2.2. Mã hóa khoá công cộng 3.2.3. Chữ ký điện tử	1.5	1.5		3	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7
3.3. Chứng thực điện tử						Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7
3.4. Các giao thức an toàn 3.4.1. Cơ chế bảo mật SSL 3.4.2. Cơ chế bảo mật SET	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7
3.5. Công nghệ an toàn mạng 3.5.1. Các kiểm soát của hệ điều hành 3.5.2. Phần mềm chống virus						Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 7
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. CÁC MÔ HÌNH GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	6	5		11	22	
4.1. Tổng quan về mô hình giao dịch điện tử 4.1.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử 4.1.2. Một số hệ thống giao dịch trong thương mại điện tử 4.1.3. Các chủ thể tham gia giao dịch trong thương mại điện tử	1.5			1.5	3	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.4 Các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử						
4.2. Mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.1. Khái niệm về mô hình giao dịch điện tử B2C 4.2.2. Các phương thức thương mại điện tử B2C 4.2.3. Các công cụ hỗ trợ khách hàng trong giao dịch điện tử B2C	1.5	1.5		3	6	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4
4.3. Mô hình giao dịch điện tử B2B 4.3.1. Khái niệm về giao dịch điện tử B2B 4.3.2. Các phương thức thương mại điện tử B2B	1.5	1.5		3	6	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4
4.4. Mô hình giao dịch chính phủ điện tử 4.4.1. Khái niệm về Chính phủ điện tử 4.4.2. Vai trò và chức năng của Chính phủ điện tử 4.4.3. Lợi ích của Chính phủ điện tử 4.4.4. Các mô hình giao dịch của Chính phủ điện tử	1.5	2		3.5	7	Đọc TLC 1, chương 7,8 Đọc TLC 2, chương 4
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	7	3		10	20	
5.1. Chiến lược thương mại	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 12

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
điện tử 5.1.1. <i>Khái niệm về chiến lược thương mại điện tử</i> 5.1.2. <i>Một số chiến lược thương mại điện tử</i>						Đọc TLC 2, chương 8,9,10
5.2. Quản trị chiến lược thương mại điện tử 5.2.1. <i>Khái niệm về quản trị chiến lược thương mại điện tử</i> 5.2.2. <i>Quy trình quản trị chiến lược thương mại điện tử</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10
5.3. Hoạch định chiến lược thương mại điện tử 5.3.1. <i>Nghiên cứu thị trường</i> 5.3.2. <i>Phân tích môi trường cạnh tranh</i> 5.3.3. <i>Xác định, lựa chọn chiến lược thích nghi</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10
5.4. Tổ chức, triển khai chiến lược thương mại điện tử 5.4.1. <i>Lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử</i> 5.4.2. <i>Xây dựng, duy trì và phát triển website</i> 5.4.3. <i>Đề ra chính sách marketing trực tuyến</i> 5.4.4. <i>Lựa chọn phương án thanh toán điện tử</i> 5.4.5. <i>Lựa chọn phương án an toàn và bảo mật trên mạng</i>	1.5	1		2.5	5	Đọc TLC 1, chương 12 Đọc TLC 2, chương 8,9,10
5.5. Kiểm tra, đánh giá và	1.5	1		2.5	5	Đọc TLC 1, chương 12

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử <i>5.5.1. Kiểm tra lại các nhân tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp</i> <i>5.5.2. Đo lường đánh giá các kết quả kinh doanh</i> <i>5.5.3. Điều chỉnh chiến lược thương mại điện tử</i>						Đọc TLC 2, chương 8,9,10
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	27.5	15.5	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kế toán chi phí**
 - Tiếng Anh: **Cost accounting**
- Mã học phần: KTKE2615
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu về bản chất chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí ở một doanh nghiệp. Qua đó, giúp sinh viên có khả năng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Phân loại các loại chi phí, các loại cách tính giá thành sản phẩm. Nắm được mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hiểu rõ ý

nghĩa của chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức. Biết cách xây dựng mô hình ABC để áp dụng vào việc tính giá thành.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các phương pháp xác định giá thành để áp dụng vào công việc kế toán giá thành tại các doanh nghiệp
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích, đánh giá về tình hình sản xuất thực tế của doanh nghiệp có thể đưa ra được phương pháp tính giá thành phù hợp để công tác kế toán giá thành được nhanh chóng, chính xác và cung cấp thông tin chi phí – giá thành cho nhà quản lý.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán chi phí, về các mô hình xác định chi phí chi phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các phương pháp : kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp chi phí ước tính và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo mô hình ABC.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Văn Dục, Trần Văn Tùng (2010), *Kế toán chi phí*, NXB Kinh tế TP HCM.
2. Phạm Văn Dục (2010), *Kế toán quản trị - Phần I: Kế toán chi phí (Lý thuyết, bài tập, bài giải)*, NXB ĐH Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.
3. Đoàn Ngọc Quế, Phạm Văn Dục, TS Huỳnh Lợi (2015), *Kế toán chi phí*, NXB kinh tế TP. Hồ Chí Minh

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Kế toán chi phí (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Huỳnh Lợi (2012), *Bài tập và bài giải Kế toán chi phí*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Đoàn Xuân Tiên (2009), *Kế toán quản trị chi phí và các quyết định tối đa hóa lợi nhuận doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Tham dự đầy đủ các buổi học; tham gia hoạt động nhóm theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ	2			2	4	
1.1. Hoạt động cơ bản và đặc điểm chi phí trong doanh nghiệp sản xuất <i>1.1.1. Hoạt động cơ bản trong doanh nghiệp sản xuất</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>1.1.2. Đặc điểm chi phí trong doanh nghiệp sản xuất</i>						
1.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp sản xuất <i>1.2.1. Mục tiêu kế toán chi phí trong doanh nghiệp sản xuất</i> <i>1.2.2. Kế toán chi phí trong hệ thống kế toán ở doanh nghiệp sản xuất</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1.
CHƯƠNG 2: CÁC MÔ HÌNH XÁC ĐỊNH CHI PHÍ	5	2		7	14	
2.1. Tổng quan về các mô hình xác định chi phí	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 2; Làm bài tập về nhà.
2.2. Các mô hình xác định chi phí truyền thống	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 2; Làm bài tập về nhà.
2.3. Các mô hình xác định chi phí hiện đại	3	2		5	10	
<i>2.3.1 Mô hình xác định chi phí mục tiêu (Target – Costing)</i>						
<i>2.3.2 Mô hình xác định chi phí theo hoạt động (Activity – Based Costing – ABC)</i>						
Chương 3. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH	5	2		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ THỰC TẾ						
3.1. Nội dung kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế <i>3.1.1. Mục tiêu</i> <i>3.1.2. Đặc điểm</i> <i>3.1.3 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành</i> <i>3.1.4. Quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 3; Làm bài tập về nhà.
3.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp <i>3.2.1. Đặc điểm quy trình sản xuất công nghiệp</i> <i>3.2.2. Kế toán chi phí sản xuất</i> <i>3.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 3; Làm bài tập về nhà.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN	5	2		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHÂN THEO CHI PHÍ THỰC TẾ KẾT HỢP CHI PHÍ ƯỚC TÍNH						
4.1. Mục tiêu, đặc điểm	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 4; Làm bài tập về nhà.
4.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng <i>4.2.1. Kế toán chi phí sản xuất</i> <i>4.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i> <i>4.2.3. Phương pháp xử lý chênh lệch chi phí sản xuất chung thực tế và chi phí sản xuất chung ước tính</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 4; Làm bài tập về nhà.
4.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo quá trình sản xuất <i>4.3.1. Kế toán chi phí sản xuất</i> <i>4.3.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</i> <i>4.3.3. Xác định sản lượng hoàn thành tương đương</i> <i>4.3.4. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm, tổng giá</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 4; Làm bài tập về nhà.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thành sản phẩm và chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ</i> 4.3.5. Lập Báo cáo sản xuất						
CHƯƠNG 5. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ ĐỊNH MỨC	3	2		5	10	
5.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí định mức	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 5; Làm bài tập về nhà.
5.2. Kế toán chênh lệch thực tế so với định mức Bài tập tình huống	1	1		2	4	
5.3. Kế toán xử lý các chênh lệch thực tế so với định mức	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	1	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thuế và kế toán thuế**
 - Tiếng Anh: **Tax and Tax Accouting**
- Mã học phần: KTKE2616
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế Toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng các kiến thức đã học về các nghiệp vụ kế toán của các loại thuế, kê khai, quyết toán và nộp các loại thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế bảo vệ môi trường, phí và lệ phí....
- *Về kỹ năng:*
- + *Kỹ năng nhận thức:* Vận dụng được toàn bộ kiến thức về thuế và kế toán thuế vào các công việc liên quan đến thuế và kế toán thuế tại một tổ chức.

- + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng kiến thức đã học để có thể thực hành công việc kế toán thuế ở một tổ chức cụ thể.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán thuế của tổ chức sau khi nắm vững toàn bộ công việc về thuế và kế toán thuế như cách thức hạch toán kế toán và kê khai tính thuế.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cùng với phần hành kế toán tài chính thì sau khi học xong môn học này, người học sẽ có một hệ thống các kiến thức chuyên ngành đầy đủ về các phân hành kế toán có liên quan đến các loại thuế trong các đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Thuế GTGT;
- Thuế xuất nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp,...;

Người học biết cách hạch toán và lập hệ thống các báo cáo kế toán thuế theo yêu cầu. Đồng thời nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong thực tiễn cuộc sống.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Đức Cường (2016), *Thuế và Kế toán thuế Việt Nam: Lý thuyết và thực hành*, NXB Tài Chính
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Thuế và kế toán thuế (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Hà Thị Ngọc Hà (2011), *Hướng dẫn thực hành thuế và kế toán thuế*, Nhà xuất bản Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó làm bài tập tại nhà và sửa chữa trên lớp.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ	3			3	6	
1.1 Sơ lược về hệ thống thuế ở Việt Nam 1.1.1. Sơ lược về hệ thống thuế 1.1.2. Khái niệm và phân						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>loại thuế</i> 1.1.3. Vai trò của hệ thống thuế trong						
<i>nền kinh tế</i> 1.1.4. Hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1.
1.2. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kế toán thuế 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Vai trò 1.2.3. Chức năng và nhiệm vụ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1.
Chương 2. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	5	3		8	16	
2.1. Tổng quan thuế Giá trị gia tăng 2.1.1. Thuế GTGT và vai trò của thuế GTGT 2.1.2. Phạm vi áp dụng 2.1.3. Căn cứ tính thuế 2.1.4. Thủ tục kê khai, nộp và quyết toán thuế giá trị gia tăng	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 1.
2.2. Kế toán thuế GTGT 2.2.1. Chứng từ sử dụng 2.2.2. Tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán thuế GTGT Bài tập tình huống	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU VÀ KẾ TOÁN XUẤT NHẬP KHẨU	4	3		7	14	
3.1. Tổng quan về thuế Xuất nhập khẩu 3.1.1. Thuế Xuất nhập khẩu và vai trò của thuế Xuất nhập khẩu 3.1.2. Đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế 3.1.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế	2			2	4	
3.1.4. Quy định về hoàn, miễn, giảm thuế 3.1.5. Thủ tục kê khai, nộp và quyết toán thuế xuất nhập khẩu						Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 3.
3.2. Kế toán thuế Xuất nhập khẩu 3.2.1. Chứng từ sử dụng 3.2.2. Tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán thuế Xuất nhập khẩu Bài tập tình huống	2	3		5	10	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 3.
Chương 4. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT VÀ KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT	4	3		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.1. Tổng quan thuế Tiêu thụ đặc biệt</p> <p><i>4.1.1. Thuế tiêu thụ đặc biệt và vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt</i></p> <p><i>4.1.2. Đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế</i></p> <p><i>4.1.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế</i></p> <p><i>4.1.4. Thủ tục kê khai, nộp và quyết toán thuế tiêu thụ đặc biệt</i></p>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 2.
<p>4.2. Kế toán thuế Tiêu thụ đặc biệt</p> <p><i>4.2.1. Chứng từ sử dụng</i></p> <p><i>4.2.2. Tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán thuế Tiêu thụ đặc biệt</i></p>	2	3		5	10	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 2.
Chương 5. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	5	3		8	16	
<p>5.1. Tổng quan thuế Thu nhập doanh nghiệp</p> <p><i>5.1.1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp và vai trò của thuế Thu nhập doanh nghiệp</i></p> <p><i>5.1.2. Người nộp thuế</i></p> <p><i>5.1.3. Thu nhập chịu thuế</i></p>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.1.4. Thu nhập được miễn thuế</p> <p>5.1.5. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế</p> <p>5.1.6. Thủ tục kê khai, nộp và quyết toán thuế tiêu thụ đặc biệt</p>						
<p>5.2. Kế toán Thuế Thu nhập doanh nghiệp</p> <p>5.2.1. Chứng từ sử dụng</p> <p>5.2.2. Kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp</p> <p>5.2.3. Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</p>	2	3		5	10	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 4.
Chương 6. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ KẾ TOÁN THU NHẬP CÁ NHÂN	5	2		7	14	
<p>6.1. Tổng quan thuế Thu nhập cá nhân</p> <p>6.1.1. Thuế thu nhập cá nhân và vai trò của thuế TNCN</p> <p>6.1.2 Đối tượng nộp thuế và đối tượng chịu thuế</p> <p>6.1.3 Căn cứ và phương pháp tính thuế</p>	2			2	4	
<p>6.1.4. Quy định về hoàn, miễn, giảm thuế</p> <p>6.1.5. Thủ tục kê khai, nộp và quyết toán thuế thu</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhập cá nhân</i>						
6.2. Kế toán thuế Thu nhập cá nhân 6.2.1. Chứng từ và phương pháp kế toán 6.2.2. Tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1, chương 5.
Chương 7. THUẾ KHÁC , PHÍ, LỆ PHÍ VÀ KẾ TOÁN CÁC LOẠI THUẾ KHÁC, PHÍ VÀ LỆ PHÍ	5			5	10	
7.1. Tổng quan các khoản thuế khác, phí, lệ phí 7.1.1 Thuế môn bài 7.1.2 Thuế tài nguyên 7.1.3 Thuế nhà đất 7.1.4 Thuế Nhà thầu 7.1.5 Các khoản thuế khác, phí và lệ phí	4			4	8	Đọc TLC 1; Đọc TLĐT 1; 2; 3; 4.
7.2 Kế toán các loại thuế khác, phí và lệ phí	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLĐT 1; 2; 3; 4.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	14	1	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
THỰC HÀNH, THỰC TẬP**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực hành nghề nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Internship**
- Mã học phần: KTKE2617
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kế toán tài chính 2; Kiểm toán tài chính
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 6 tuần (30 ngày)
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị để tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành.
- *Về kỹ năng:* Hiểu được và vận dụng các kiến thức lý luận đã được học tập vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến kế toán trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, trong các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Từ đó, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc ngay sau khi tốt nghiệp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay

đôi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Sinh viên đến thực hành nghề nghiệp tại các đơn vị (bao gồm: doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp,..). Trong quá trình thực hành nghề nghiệp tại các đơn vị sinh viên phải chấp hành các nội quy, quy định về giờ giấc, bảo mật của đơn vị đó, vận dụng kiến thức đã được học để thực hành thực tế chuyên ngành tại đơn vị. Đồng thời, sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn để thực hiện các nội dung giảng viên hướng dẫn yêu cầu.

Sinh viên cần tích cực và chủ động nghiên cứu, khiêm tốn học hỏi trong quá trình thực hành nghề nghiệp tại đơn vị. Tiến hành hoàn thiện báo cáo thực hành nghề nghiệp theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và nộp về Khoa theo đúng tiến độ.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội
2. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.
2. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập & Bài giải kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

5. Cách thức triển khai thực hiện, phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tuân thủ quy định với giảng viên hướng dẫn: Sinh viên gặp giáo viên hướng dẫn

hàng tuần theo lịch sắp xếp của giáo viên hướng dẫn để báo cáo tiến độ và nội dung thực hiện theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành nghề nghiệp.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát chung về đơn vị thực hành nghề nghiệp	5	15	
Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị	1	3	Tìm hiểu và thu thập thông tin từ phòng tổ chức, website công ty,..
Bài 2. Đặc điểm kinh tế kỹ thuật (đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh) của đơn vị	1	3	Tìm hiểu và thu thập thông tin từ phòng tổ chức, phòng kinh tế kế hoạch, website công ty,..
Bài 3. Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị	1	3	Tìm hiểu và thu thập thông tin từ phòng tổ chức, phòng kinh tế kế hoạch, website công ty,..
Bài 4. Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị	2	6	Tìm hiểu và thu thập thông tin từ phòng tổ chức, phòng tài chính kế toán, website công ty,..
Nội dung 2: Các chính sách kế toán và các phần hành kế toán trong đơn vị	20	60	

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Bài 5. Tìm hiểu về các chính sách kế toán chung tại doanh nghiệp	2	6	Tìm hiểu và thu thập thông tin từ phòng tài chính kế toán, các báo cáo tài chính của đơn vị
Bài 6. Khái quát các phần hành kế toán trong doanh nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp sản xuất: Phần hành kế toán vốn bằng tiền; Phần hành kế toán hàng tồn kho; Phần hành kế toán TSCĐ; Phần hành kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm - Đối với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ: Phần hành kế toán vốn bằng tiền; Phần hành kế toán hàng tồn kho; Phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 	18	54	Tìm hiểu và thu thập thông tin từ phòng tài chính kế toán (bộ phận kế toán tại các chi nhánh,..), các báo cáo kế toán của đơn vị
Nội dung 3. Đánh giá và nhận xét về tình hình tổ chức bộ máy kế toán nói chung và các phần hành kế toán tại đơn vị	5	15	Nêu được những mặt đã đạt được và những hạn chế về tổ chức bộ máy kế toán và hệ thống thông tin kế toán của đơn vị
Cộng	30	90	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kiểm toán hoạt động**
 - Tiếng Anh: **Operational Auditing**
- Mã học phần: KTKN2603
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kiểm toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được khái niệm kiểm toán hoạt động, chức năng và đặc điểm của kiểm toán hoạt động; mối quan hệ giữa kiểm toán hoạt động và kiểm toán tài chính; các chuẩn mực kiểm toán được áp dụng trong kiểm toán hoạt động. Hiểu được quy trình và các bước cần thực hiện khi kiểm toán hoạt động.

- *Về kỹ năng:*

+ *Về kỹ năng nhận thức*: Trình bày được các bước công việc cần thực hiện trong quy trình kiểm toán hoạt động nguồn nhân lực; kiểm toán hoạt động cung ứng; kiểm toán hoạt động sản xuất; kiểm toán hoạt động marketing; kiểm toán hoạt động hệ thống thông tin; kiểm toán hoạt động thu ngân sách nhà nước; kiểm toán hoạt động chi ngân sách nhà nước.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các thủ tục kiểm toán cơ bản để làm bài tập đánh giá tính kinh tế, tính hiệu quả và hiệu năng của hoạt động được kiểm toán. Từ đó đưa ra giải pháp khắc phục những hạn chế, ứu điểm.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động được kiểm toán.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thảo luận những điểm mạnh, điểm yếu và giải pháp sẽ được trình bày trên báo cáo kiểm toán hoạt động

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm kiểm toán hoạt động;
- Đặc điểm của chức năng kiểm toán và ứng dụng phương pháp kiểm toán trong kiểm toán hoạt động
- Đặc điểm và quy trình thực hiện kiểm toán những chu trình, hoạt động chủ yếu trong một tổ chức như kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực; kiểm toán hoạt động cung ứng; kiểm toán hoạt động sản xuất; kiểm toán hoạt động marketing; kiểm toán hệ thống thông tin; kiểm toán hoạt động thu ngân sách nhà nước; kiểm toán hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh (2014), *Giáo trình kiểm toán hoạt động*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

2. Khoa kế toán, kiểm toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Kiểm toán hoạt động*, NXB Phương Đông.

3. TS Nguyễn Việt Lợi, ThS Đậu Ngọc Châu (2013), *Giáo trình lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh (2001), *Giáo trình lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>

Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học

Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần**8.1. Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác **8.2. Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG TRONG HỆ THỐNG KIỂM TOÁN	2			2	4	
1.1. Khái niệm về kiểm toán hoạt động	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 1. Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Đặc điểm của chức năng kiểm toán và ứng dụng phương pháp kiểm toán trong kiểm toán hoạt động						
1.3. Mục tiêu của kiểm toán hoạt động	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 1.
1.4. Quan hệ kiểm toán hoạt động và kiểm toán tài chính						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 2. CHUẨN MỤC VÀ TIÊU CHUẨN TRONG KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG	2	1		3	6	
2.1. Tổng quan về chuẩn mục và tiêu chuẩn trong kiểm toán hoạt động	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 1. Đọc TLC 3, chương 1.
2.2. Chuẩn mục kiểm toán hoạt động <i>2.2.1. Nguyên tắc chung trong việc cụ thể hóa và áp dụng chuẩn mục chung</i> <i>2.2.2. Chuẩn mục chung về kiểm toán viên trong kiểm toán hoạt động</i> <i>2.2.3. Chuẩn mục thực hành</i> <i>2.2.4. Chuẩn mục báo cáo</i>						
2.3. Tiêu chuẩn đánh giá hoạt động được kiểm toán <i>2.3.1. Tiêu chuẩn để đánh giá hoạt động với việc hình thành hệ thống tiêu chí</i> <i>2.3.2. Yêu cầu của hệ thống tiêu chí cho kiểm toán hoạt động</i> <i>2.3.3. Kết cấu của hệ thống tiêu chí cho kiểm toán hoạt động</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2.
Chương 3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG	2	1		3	6	
3.1. Đặc điểm chung của tổ chức kiểm toán hoạt động	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3.
3.2. Đặc điểm chung của quy	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trình kiểm toán hoạt động 3.2.1. Đặc điểm chung của quy trình kiểm toán hoạt động 3.2.2. Đặc điểm giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán 3.2.3. Đặc điểm giai đoạn thực hiện kế hoạch kiểm toán 3.2.4. Đặc điểm của giai đoạn tổng hợp và báo cáo 3.2.5. Đặc điểm của giai đoạn theo dõi thực hiện kết luận và kiến nghị kiểm toán						Đọc TLC 2, chương 2, chương 3, chương 4, chương 5
Chương 4. KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÂN LỰC	4	2		6	12	
4.1. Hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực với kiểm toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4.
4.2. Tiêu chí đánh giá hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.
4.3. Các kỹ thuật thu thập và các phương pháp phân tích dữ liệu 4.3.1. Các kỹ thuật thu thập dữ liệu 4.3.2. Phân tích dữ liệu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.
4.4. Quy trình kiểm toán hoạt động quản lý và sử dụng nhân lực	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4.
4.5. Một số ví dụ minh họa về phát hiện và khuyến nghị kiểm toán quản lý và sử dụng nhân lực	0,5	1		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4.
Chương 5. KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG	3	2		5	10	
5.1. Đặc điểm chung của hoạt	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
động cung ứng với kiểm toán hoạt động						
5.2. Đánh giá quản trị nội bộ hoạt động cung ứng trong quan hệ với đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu năng quản lý <i>5.2.1. Đánh giá tổ chức hoạt động cung ứng</i> <i>5.2.2. Đánh giá quản trị tác nghiệp hoạt động cung ứng</i> <i>5.2.3. Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu lực quản trị nội bộ hoạt động cung ứng</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5.
5.3 Đánh giá hiệu quả và hiệu năng quản lý hoạt động cung ứng	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT	4	2		6	12	
6.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất ảnh hưởng tới kiểm toán <i>6.1.1. Bản chất và vai trò của sản xuất</i> <i>6.1.2. Chu kỳ kiểm soát với vấn đề kiểm soát</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6.
6.2. Nội dung kiểm toán hoạt động sản xuất <i>6.2.1. Đánh giá tổ chức hoạt động sản xuất</i> <i>6.2.2. Đánh giá hiệu quả và hiệu năng hoạt động sản xuất</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 6.
Chương 7. KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG MARKETING	3	2		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1. Đặc điểm marketing ảnh hưởng tới kiểm toán <i>7.1.1 Khái niệm, phạm vi và vai trò của hoạt động marketing</i> <i>7.1.2 Mục tiêu của kiểm toán hoạt động marketing</i> <i>7.1.3 Đặc điểm kiểm toán hoạt động marketing</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7.
7.2 Quy trình và nội dung kiểm toán hoạt động marketing <i>7.2.1 Quy trình kiểm toán hoạt động marketing</i> <i>7.2.2 Nội dung của một cuộc kiểm toán marketing</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 7.
Chương 8. KIỂM TOÁN HỆ THỐNG THÔNG TIN	4	2		6	12	
8.1 Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp ảnh hưởng tới vấn đề kiểm toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9.
8.2 Tiêu chí đánh giá hệ thống thông tin <i>8.2.1 Tiêu chí đánh giá phát triển hệ thống</i> <i>8.2.2 Tiêu chí đánh giá việc áp dụng hệ thống thông tin</i>						
8.3 Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9.
8.4 Quy trình kiểm toán hệ thống thông tin <i>8.4.1 Chuẩn bị kiểm toán thông tin</i>	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 9.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.4.2 Thực hiện kiểm toán 8.4.3 Kết thúc kiểm toán						
8.5 Một số ví dụ minh họa về phát hiện kiểm toán trong hệ thống thông tin	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9.
Chương 9. KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	3	1		4	8	
9.1. Đặc điểm hoạt động thu ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10. Đọc TLC 2, chương 7.
9.2. Đặc điểm quản lý hoạt động và tổ chức bộ máy thu với kiểm toán hoạt động <i>9.2.1. Đặc điểm quản lý hoạt động thu với kiểm toán hoạt động</i> <i>9.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy và qui trình quản lý thu với kiểm toán hoạt động</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10. Đọc TLC 2, chương 7.
9.3. Đặc điểm tổ chức kiểm toán hoạt động đối với hoạt động thu thuế <i>9.3.1. Đặc điểm về chủ thể, khách thể và phương pháp tổ chức kiểm toán thu thuế</i> <i>9.3.2. Đặc điểm về trình tự kiểm toán và những nội dung chủ yếu của kiểm toán hoạt động với thu thuế</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 10. Đọc TLC 2, chương 7.
Chương 10. KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG CHI THƯỜNG	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
10.1. Đặc điểm chung của tổ chức quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động <i>10.1.1. Đặc điểm chi thường xuyên ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động</i> <i>10.1.2. Đặc điểm quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước với kiểm toán hoạt động</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 11. Đọc TLC 2, chương 7.
10.2. Đặc điểm của qui trình kiểm toán hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước <i>10.2.1. Đặc điểm lập kế hoạch kiểm toán hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước</i> <i>10.2.2. Đặc điểm thực hiện kế hoạch kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước</i> <i>10.2.3. Đặc điểm kết thúc kiểm toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 11. Đọc TLC 2, chương 7.
10.3. Định hướng và trình tự xây dựng tiêu chuẩn đo lường và tiêu chí đánh giá hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước <i>10.3.1. Định hướng xây dựng tiêu chuẩn đo lường và tiêu</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 11. Đọc TLC 2, chương 7.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>chỉ đánh giá</i> <i>10.3.2. Trình tự xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đo lường và tiêu chí đánh giá hoạt động chi thường xuyên ngân sách nhà nước</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kiểm toán môi trường**
 - Tiếng Anh: **Environmental Auditing**
- Mã học phần: KTKN 2604
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kiểm toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường.
- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng về nhận thức*: Giải thích được bản chất của kiểm toán môi trường, mục tiêu, đối tượng ý nghĩa và các chuẩn mực áp dụng trong kiểm toán môi trường. Khái quát hóa được nội dung và quy trình kiểm toán môi trường.
- + *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Vận dụng các phương pháp, thủ tục kiểm toán vào tổ chức thực hiện kiểm toán qua các giai đoạn trên cơ sở các kiến thức đã học.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.
- + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề của kiểm toán môi trường.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như tự chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm và nội dung kiểm toán môi trường;
- Khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường;
- Khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường;
- Khái niệm, quy trình thực hiện kiểm toán chất thải.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Kiểm toán môi trường*, NXB Lao động và xã hội.
2. Nguyễn Việt Lợi, Đặng Ngọc Châu (2013), *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.
3. Quý Lâm, Kim Phượng (2014), *Hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn về môi trường*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Hồ Thị Lam Trà, Cao Trường Sơn (2009), *Kiểm toán môi trường*, Trường ĐH Nông Nghiệp Hà Nội.
2. TCVN ISO 14010: 1997 – ISO 14010: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Nguyên tắc chung*, Trang 185.
3. TCVN ISO 14011: 1997 – ISO 14011: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Thủ tục đánh giá. Đánh giá hệ thống quản lý môi trường*, Trang 193.
4. TCVN ISO 14012: 1997 – ISO 14012: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Chuẩn cứ trình độ đối với chuyên gia đánh giá môi trường*, Trang 203.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>

Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học

Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần**8.1. Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Vấn đáp

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. KHÁI QUÁT KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG	6			6	12	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán môi trường	1			1	2	- Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 1.
1.2. Khái niệm, phân loại của kiểm toán môi trường <i>1.2.1. Khái niệm kiểm toán môi trường</i> <i>1.2.2. Phân loại kiểm toán môi trường</i>						
1.3. Mục tiêu, đối tượng của kiểm toán môi trường <i>1.3.1. Bản chất của kiểm toán môi trường</i>	1			1	2	- Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)
1.3.2. Mục tiêu của kiểm toán môi trường 1.3.3. Đối tượng của kiểm toán môi trường						
1.4. Ý nghĩa của kiểm toán môi trường	1			1	2	- Đọc TLC 1, chương 2.
1.5. Các tổ chức quốc tế và hoạt động của các tổ chức liên quan tới kiểm toán môi trường	1			1	2	- Đọc TLC 1, chương 3.
1.6. Các chuẩn mực kiểm toán áp dụng trong kiểm toán môi trường	1			1	2	- Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 1. Đọc TLC 3, phần 3,4,5,6,7
1.7. Nội dung và quy trình kiểm toán môi trường 1.7.1. Nội dung kiểm toán môi trường 1.7.2. Quy trình kiểm toán môi trường	1			1	2	- Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. KIỂM TOÁN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	4	3		7	14	
2.1. Đánh giá tác động môi trường với vấn đề kiểm toán 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm đánh giá tác động môi trường 2.1.2. Đối tượng đánh giá tác động môi trường 2.1.3. Mối quan hệ giữa đánh giá tác động môi trường và kiểm toán 2.1.4. Các kỹ thuật thu thập	2	1		3	6	- Đọc TLC 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)
<i>bằng chứng kiểm toán</i> 2.1.5. Tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường						
2.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường 2.2.1. Chuẩn bị kiểm toán 2.2.2. Thực hiện kiểm toán 2.2.3. Kết thúc kiểm toán	2	2		4	8	- Đọc TLC 1, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. KIỂM TOÁN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	4	3		7	14	
3.1. Hệ thống quản lý môi trường với vấn đề kiểm toán 3.1.1. Khái niệm và đặc điểm hệ thống quản lý môi trường 3.1.2. Mối quan hệ giữa hệ thống quản lý môi trường với kiểm toán môi trường 3.1.3. Tiêu chuẩn đánh giá hệ thống quản lý môi trường 3.1.4. Nội dung của cuộc kiểm toán hệ thống quản lý môi trường 3.1.5. Đối tượng liên quan đến kiểm toán hệ thống quản lý môi trường	2	1		3	6	- Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, phần 1.
3.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường 3.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán 3.2.2. Thực hiện kiểm toán 3.2.3. Kết thúc kiểm toán	2	2		4	8	- Đọc TLC 1, chương 6;
Chương 4. KIỂM TOÁN	5	3		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)
CHẤT THẢI						
4.1. Chất thải và vấn đề kiểm toán <i>4.1.1. Khái niệm và đặc điểm chất thải</i> <i>4.1.2. Nguồn phát sinh, thành phần và tính chất của chất thải</i> <i>4.1.3. Nội dung của cuộc kiểm toán chất thải</i>	2	1		3	6	. - Đọc TLC 1, chương 6. Đọc TLC 3, phần 4 và phần 7.
4.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán chất thải <i>4.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán</i> <i>4.2.2. Thực hiện kiểm toán</i> <i>4.2.3. Kết thúc kiểm toán</i>	2	2		4	8	- Đọc TLC 1, chương 6.
4.3. Tình hình chất thải rắn và quá trình áp dụng kiểm toán chất thải trên thế giới và Việt Nam <i>4.3.1. Tình hình phát sinh chất thải rắn</i> <i>4.3.2. Áp dụng kiểm toán chất thải</i>	1			1	2	- Đọc TLC 1, chương 6.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	19	09	02	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH, THỰC TẬP**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực hành nghề nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Internship**
- Mã học phần: KTKN2605
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kiểm toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 6 tuần (30 ngày)
- Thời gian tự học: 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị trên lớp, từ đó giúp tăng cường và củng cố kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành.
- *Về kỹ năng:* Hiểu được và vận dụng các kiến thức lý luận đã được học tập vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu các vấn đề cụ thể về kiểm toán báo cáo tài chính tại các công ty kiểm toán độc lập, về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Từ đó, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc ngay sau khi tốt nghiệp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng

vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Sinh viên đến thực tập tại các đơn vị (bao gồm: doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp,...). Quá trình thực hành nghề nghiệp tại các đơn vị sinh viên phải chấp hành các nội quy, quy định về giờ giấc, bảo mật của đơn vị đó, vận dụng kiến thức đã được học để thực hành thực tế chuyên ngành tại đơn vị. Đồng thời, sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn để thực hiện các nội dung giảng viên hướng dẫn yêu cầu.

Sinh viên cần tích cực và chủ động nghiên cứu, khiếm tốn học hỏi trong quá trình thực hành nghề nghiệp tại đơn vị. Tiến hành hoàn thiện báo cáo thực hành nghề nghiệp theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và nộp về Khoa theo đúng tiến độ.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Quang Quỳnh, Ngô Trí Tuệ (2014), *Kiểm toán tài chính*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
2. Lưu Đức Tuyên, Đậu Ngọc Châu (2010), *Kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB Tài chính.
3. Thịnh Văn Vinh, Giang Thị Xuyên (2012), *Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 214/2012/TT-BTC về Thông tư ban hành Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ban hành ngày 6/12/2012*
2. Quốc hội 12 (2011), *Luật số 67/2011/QH12 về Luật kiểm toán độc lập ban hành ngày 29/03/2011*
3. Quốc hội 13 (2015), *Luật số 81/2015/QH13 về Luật kiểm toán Nhà nước ban hành ngày 24/06/2015*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tuân thủ quy định với giảng viên hướng dẫn: Sinh viên gặp giảng viên hướng dẫn hàng tuần theo lịch sắp xếp của giảng viên hướng dẫn để báo cáo tiến độ và nội dung thực hiện theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.

- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành nghề nghiệp.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1. Tìm hiểu về tình hình tại đơn vị kiến tập	5	20	Nghiêm túc thực hiện theo nội quy, quy định của đơn vị kiến tập, giảng viên hướng dẫn
Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị kiến tập	1	4	
Bài 2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị kiến tập			
Bài 3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị kiến tập	1	4	
Bài 4. Các chính sách kế toán chung của đơn vị kiến tập (Chế độ kế toán áp dụng, Phương pháp kế toán hàng tồn kho, Phương pháp tính khấu hao, Phương pháp tính thuế GTGT, phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho...)	1	4	

Bài 5. Đặc điểm hệ thống KSNB	1	4	
Bài 6. Đặc điểm KTNB (nếu có)	1	4	
Nội dung 2. Tìm hiểu hệ thống KSNB tại đơn vị kiến tập	20	80	Nghiêm túc thực hiện theo nội quy, quy định của đơn vị kiến tập, giáo viên hướng dẫn
Bài 7. Tìm hiểu về các bộ phận của KSNB	5	20	
Bài 8. Tìm hiểu hoạt động của hệ thống KSNB	5	20	
Bài 9. Số liệu và qui trình thực hiện KSNB của các phần hành kế toán tại đơn vị.	10	40	
Nội dung 3. Hoàn thiện báo cáo thực hành nghề nghiệp	5	20	Thực hiện theo mẫu báo cáo thực hành nghề nghiệp đã được ban hành
Bài 10. Đánh giá và kiến nghị về hệ thống KSNB tại đơn vị	2	8	
Bài 11. Hoàn thiện Báo cáo thực hành nghề nghiệp	3	12	
Cộng	30	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Internship For Graduation**
- Mã học phần: KTKE2717
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hệ thống thông tin kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 08 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được tình hình thực tế của công tác tổ chức kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao tay nghề chuyên môn.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng về nhận thức:* Nắm vững toàn bộ công việc kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán ở một đơn vị;
 - + *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán ở dạng đơn giản;

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua việc xuống đơn vị thực tập thực hành để hợp tác với người khác;

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và kinh doanh;
- Thực tập các nghiệp vụ về kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
2. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.
3. Đặng Thái Hùng (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2: Báo cáo tài chính doanh nghiệp độc lập báo cáo tài chính hợp nhất, chứng từ và sổ kế toán ví dụ thực hành*, NXB Tài chính
4. Nguyễn Quang Quỳnh, Ngô Trí Tuệ (2014), *Giáo trình kiểm toán tài chính*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính
2. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập & Bài giải kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>

- Dạy học theo dự án Dạy học thực hành Thu thập số liệu
 Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;
- Có tinh thần trách nhiệm khi nhận công việc được giao, làm đến nơi đến chốn, chính xác, kịp thời. Đảm bảo nguyên tắc bí mật của số liệu kinh tế tài chính;
- Chủ động chuẩn bị và tích lũy tài liệu, số liệu để viết báo cáo thực tập;
- Giữ mối quan hệ lành mạnh với tất cả cán bộ công nhân viên tại đơn vị thực tập;
- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và phong trào tại đơn vị thực tập;
- Hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp đúng thời hạn quy định;
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo quy định mục 5.2.5, Quyết định số 1415/QĐ-TĐHHN ngày 3/6/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy định việc quản lý, tổ chức thực tập tốt nghiệp

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Hình thức đánh giá:

- Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức đánh giá:

- Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

9. Nội dung chi tiết học phần

9.1. Chuyên ngành kế toán doanh nghiệp

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tổng quan về đơn vị thực tập	17	34	
Bài 1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị	3	6	Nêu các thông tin sơ lược về đơn vị, cơ sở hình thành và phát triển của công ty, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
			thành tựu cơ bản của đơn vị thực tập...
Bài 2. Đặc điểm hoạt động sản xuất – kinh doanh của đơn vị	5	10	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị thực tập
Bài 3. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh của đơn vị	5	10	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận trong đơn vị thực tập
Bài 4. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị	4	8	Thông tin cơ bản về doanh thu, chi phí, tài sản, nguồn vốn, các thông tin về cơ sở vật chất, lao động... của đơn vị thực tập trong ít nhất 03 năm gần năm thực tập nhất, đồng thời cần phân tích sơ lược ý nghĩa của các thông tin đó
Nội dung 2: Thực trạng về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị thực tập	14	28	
Bài 5. Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị	4	8	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng người, từng phần hành trong bộ máy kế toán của đơn vị thực tập
Bài 6. Các chính sách kế toán tại đơn vị	3	6	Trình bày về chế độ kế toán đang áp dụng tại đơn vị thực tập
Bài 7. Thực trạng các phân hành kế	7	14	Nêu quy trình hạch toán một số

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
toán tại đơn vị thực tập (Tối thiểu 5 phần hành): <ul style="list-style-type: none"> - Phần hành kế toán vốn bằng tiền - Phần hành kế toán thuế - Phần hành kế toán hàng tồn kho - Phần hành kế toán TSCĐ - Phần hành kế toán các khoản đầu tư - Phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương - Phần hành kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm - Phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh... 			phần hành kế toán tại đơn vị thực tập: Chứng từ, Tài khoản, Kế toán chi tiết và hạch toán tổng hợp
Nội dung 3: Nhận xét về tình hình tổ chức kế toán tại đơn vị thực tập	9	18	
Bài 8. Đánh giá về bộ máy kế toán và hệ thống thông tin kế toán	4	8	Nêu được những mặt được và hạn chế về bộ máy kế toán và hệ thống thông tin kế toán của đơn vị thực
Bài 9. Kiến nghị về công tác kế toán	5	10	Đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị thực tập
Cộng	40	80	

9.2 Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính.

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tổng quan về đơn vị thực tập	17	34	
Bài 1. Lịch sử hình thành và phát	3	6	Nêu các thông tin sơ lược về

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
triển của đơn vị			công ty, cơ sở hình thành và phát triển của đơn vị, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các thành tựu cơ bản của đơn vị thực tập...
Bài 2. Đặc điểm hoạt động sản xuất – kinh doanh của đơn vị	5	10	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của đơn vị thực tập
Bài 3. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh của đơn vị	5	10	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban, bộ phận trong đơn vị thực tập
Bài 4. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị	4	8	Thông tin cơ bản về doanh thu, chi phí, tài sản, nguồn vốn, các thông tin về cơ sở vật chất, lao động... của đơn vị thực tập trong ít nhất 03 năm gần năm thực tập nhất, đồng thời cần phân tích sơ lược ý nghĩa của các thông tin đó
Nội dung 2: Thực trạng kiểm soát nội bộ/ kiểm toán tại đơn vị thực tập	14	28	
Bài 5. Tổ chức bộ máy kế toán/ kiểm toán tại đơn vị	4	8	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy và nêu chức năng, nhiệm vụ của từng người, từng phần hành trong bộ máy kế toán/ kiểm toán của đơn vị thực tập
Bài 6. Quy trình (quy định) của kiểm toán (KSNB) tại đơn vị	3	6	Trình bày về quy định, quy trình của hệ thống KSNB/ kiểm toán tại đơn vị.

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 7. Thực trạng KSNB/ kiểm toán các phần hành tại đơn vị thực tập (Tối thiểu 5 phần hành): <ul style="list-style-type: none"> - Phần hành kế toán vốn bằng tiền - Phần hành kế toán hàng tồn kho - Phần hành kế toán TSCĐ - Phần hành kế toán các khoản đầu tư - Phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương - Phần hành kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm - Phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 	7	14	Nêu qui trình KSNB/ kiểm toán: Sơ đồ, nội dung thực hiện KSNB/Kiểm toán tại đơn vị.....
Nội dung 3: Nhận xét về tình hình tổ chức KSNB/kiểm toán tại đơn vị thực tập	9	18	
Bài 8. Đánh giá về hệ thống KSNB/ kiểm toán	4	8	Nêu được những mặt được và hạn chế về KSNB/ kiểm toán tại đơn vị thực tập
Bài 9. Kiến nghị về công tác KSNB/ kiểm toán <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện báo cáo thực tập tốt nghiệp 	5	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện về KSNB/ kiểm toán tại đơn vị thực tập - Thực hiện theo mẫu báo cáo thực tập nghề nghiệp đã được ban hành.
Cộng	40	80	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Disertation**
- Mã học phần: KTKE2818
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 08 tuần (40 ngày)
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn kế toán đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để phân tích các chính sách hoặc giải quyết các vấn đề về kế toán.
- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của người làm kế toán và người quản lý trong tương lai. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí

tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Tổng quan đề tài nghiên cứu
- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.
- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.
- Đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
2. Bộ Tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*, NXB Tài chính
3. Đặng Thái Hùng (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2: Báo cáo tài chính doanh nghiệp độc lập báo cáo tài chính hợp nhất, chứng từ và sổ kế toán ví dụ thực hành*, NXB Tài chính

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính
2. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập & Bài giải kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

Sinh viên xuống cơ sở thực tập để thu thập tài liệu sau đó viết thành báo cáo.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng chương trình thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường, chấp hành đầy đủ các quy định và kỷ luật lao động của cơ sở nơi thực tập.
- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết để viết khóa luận tốt nghiệp.
- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các giáo viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương hoàn chỉnh, tạo điều kiện khi viết khóa luận được thuận lợi.
- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến hành viết và hoàn thiện khóa luận.

- Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định....

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá khóa luận theo quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10 tháng 1 năm 2018 của trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học chính quy.

10. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
3 ngày	Đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên liên hệ với đơn vị thực tập, giáo viên hướng dẫn được khoa phân công để lựa chọn đề tài viết khóa luận - Gửi bản đăng ký đề tài khóa luận theo lớp và nộp về khoa theo đúng thời gian quy định
5 ngày	Duyệt đề cương chi tiết của khóa luận tốt nghiệp	- Viết đề cương chi tiết theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
5 ngày	Đi thực tế thu thập số liệu	- Liên hệ với đơn vị thực tập
5 ngày	Tổng hợp số liệu và viết tổng quan	
10 ngày	Xử lý số liệu, viết khóa luận sơ bộ thông qua giáo viên hướng dẫn	
3 ngày	Báo cáo tiến độ	Khi đã được giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa, sinh viên sẽ nộp một bản để báo cáo tiến độ
5 ngày	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	
2 ngày	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Kết thúc thực tập, sinh viên hoàn thiện Khóa luận, gửi về Khoa kèm theo xác nhận của cơ sở thực tập và Nhận xét của GVHD đồng ý cho bảo vệ

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
2 ngày	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị công tác để bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hệ thống chuẩn mực kế toán**
 - Tiếng Anh: **Accounting Standard System**
- Mã học phần: KTKE2819
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thực tập tốt nghiệp
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 0 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hệ thống hóa và củng cố các nội dung cơ bản về hoạt động kế toán được quy định trong hệ thống chuẩn mực kế toán Quốc tế và Việt Nam. Qua đó, người học có thể giải thích các chuẩn mực kế toán và vận dụng trong thực tế.
- *Về kỹ năng:* Hiểu được các nguyên tắc đạo đức, các quy định trách nhiệm chi phối quá trình hành nghề của kế toán và khả năng vận dụng các phương pháp, thủ tục kế toán vào quá trình kế toán để đạt được hiệu quả và chất lượng cao nhất.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình

thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái quát đặc điểm, quá trình hình thành và phát triển của chuẩn mực kế toán của Việt Nam và một số nước trên thế giới.
- Giới thiệu một số chuẩn mực kế toán Việt Nam cơ bản giúp người học định hướng đúng trong quá trình thực hành nghề nghiệp kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
2. Bộ Tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Hệ thống chuẩn mực kế toán (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Nghiên cứu tài liệu liên quan đến học phần

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN	5		1	6	12	
1.1. Khái niệm và ý nghĩa về chuẩn mục kế toán <i>1.1.1. Quá trình hình thành chuẩn mục kế toán</i> <i>1.1.2. Khái niệm chuẩn mục kế toán</i> <i>1.1.3. Ý nghĩa chuẩn mục kế toán</i>	4			4	8	Đọc TLC (1) – Chương 1, Đọc TLĐT (1) – Chương 1
1.2. Đặc điểm chuẩn mục kế toán <i>Thảo luận nhóm</i>	1		1	2	4	Đọc TLC (1) – Chương 1, Đọc TLĐT (1) – Chương 1
CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VIỆT NAM	15	8	2	25	50	Đọc TLC (1) – Chương 1, Đọc TLĐT (1) – Chương 1
2.1. Hệ thống các quy định về chuẩn mục kế toán Việt Nam <i>2.1.1. Hệ thống các quy định về chuẩn mục kế toán Việt Nam</i> <i>2.1.2. Tổ chức ban hành chuẩn mục kế toán Việt Nam</i>	2			2	4	
2.2. Xây dựng hệ thống chuẩn mục kế toán Việt Nam <i>2.2.1. Nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mục kế toán Việt Nam</i>	2	6		8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Quy trình xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam						
2.3. Chuẩn mực kế toán Việt Nam 2.3.1. Chuẩn mực chung 2.3.2. Chuẩn mực thực hành Thảo luận nhóm	11	2	2	15	30	Đọc TLC (1) – Chương 2; Đọc TLC(2)
CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ	10	3	1	14	28	
3.1. Những vấn đề chung về chuẩn mực kế toán Quốc tế 3.1.1. Cơ quan ban hành Kế toán quốc tế 3.1.2. Những điểm khác biệt cơ bản so với hệ thống Chuẩn mực kế toán VN	3	1		4	8	Đọc TLC (3) - Chương 1
3.2. Chuẩn mực kế toán Quốc tế 3.2.1. Chuẩn mực chung 3.2.2. Chuẩn mực thực hành Thảo luận nhóm	7	2	1	10	20	Đọc TLC (3) - Chương 2,3
Cộng	30	11	4	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Mô phỏng nghiệp vụ kế toán**
 - Tiếng Anh: **Accounting Simulation**
- Mã học phần: KTKE2820
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thực tập tốt nghiệp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Thực hành: 13 tiết
 - Kiểm tra, làm việc nhóm: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hệ thống lại toàn diện kiến thức chuyên ngành kế toán bằng việc thực hành các nội dung của từng phần hành kế toán trong doanh nghiệp. Thông qua các buổi thực hành người học sẽ vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hiện công việc kế toán mô phỏng thực tế từ việc sử dụng các phần mềm kế toán cơ bản và tổ chức thực hành như một phòng kế toán trong một đơn vị cụ thể.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng kỹ năng và kiến thức nền tảng để làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp. Đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng hiện nay.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần được thiết kế thành 04 chương bao gồm những nội dung cơ bản: Kế toán trong loại hình doanh nghiệp thương mại; Kế toán trong loại hình doanh nghiệp sản xuất; Kế toán trong loại hình doanh nghiệp xây lắp và kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ. Trong mỗi loại hình doanh nghiệp, sinh viên được hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của các phần hành kế toán. Học phần giúp cho việc phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành kế toán theo hướng tiếp cận thực tế công việc kế toán tại từng loại hình doanh nghiệp cơ bản như doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xây lắp, doanh nghiệp dịch vụ. Bắt đầu từ giai đoạn lập chứng từ hoặc thu nhận các chứng từ, kiểm tra phân loại chứng từ, xử lý ghi nhận thông tin từ chứng từ cho tới khi cung cấp các thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp trên các Báo cáo tài chính. Từ đó, tạo cơ hội cho người học trau dồi kiến thức đã được học thông qua các tình huống đóng vai và giải quyết các công việc kế toán cụ thể. Học phần là kênh thông tin quan trọng trong việc trao đổi giữa người học, giảng viên và các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán. Học phần hỗ trợ cập nhật các văn bản pháp quy về pháp luật kế toán, phục vụ nâng cao kiến thức và khả năng làm việc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính.
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bài giảng Mô phỏng nghiệp vụ kế toán (2020) - Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài Nguyên và Môi trường, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.
2. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính
3. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM.
4. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập & Bài giải kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

Bài tập: Làm bài tập và thực hành nhóm

Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70% và tham dự đầy đủ các bài thực hành

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	8	3		11	30	
1.1. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại <i>1.1.1. Hệ thống chứng từ kế toán</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, 2, 3, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TLC,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.1.2. Hệ thống tài khoản kế toán</p> <p>1.1.3. Hệ thống sổ kế toán</p>						
<p>1.2. Mô phỏng các phần hành kế toán cơ bản</p> <p>1.2.1. Kế toán vốn bằng tiền</p> <p>1.2.2. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và tài sản cố định</p> <p>1.2.3. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương</p> <p>1.2.4. Kế toán nghiệp vụ mua – bán hàng hóa trong nước</p> <p>1.2.5. Kế toán xuất – nhập khẩu hàng hóa</p> <p>1.2.6. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng</p>	7	3		10	27	Đọc TLC 1, 2, 3, chương 1.
Chương 2. KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	8	3		11	30	
<p>2.1. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất</p> <p>2.1.1. Hệ thống chứng từ kế toán</p> <p>2.1.2. Hệ thống tài khoản kế toán</p>	2			2	6	Đọc TLC 1, 2, 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TLC,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.3. Hệ thống sổ kế toán						
2.2. Mô phỏng các phần hành kế toán 2.2.1. Kế toán vốn bằng tiền 2.2.2. Kế toán tài sản cố định 2.2.3. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 2.2.4. Kế toán lương và các khoản trích theo lương 2.2.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp	4	2		6	15	Đọc TLC 1, 2, 3.
2.3. Kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp	2	1		3	9	Đọc TLC 1, 2, 3.
Làm việc nhóm			1	1		
Chương 3. KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	8	5	1	14	15	
3.1. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp xây lắp 3.1.1. Hệ thống chứng từ kế toán 3.1.2. Hệ thống tài khoản kế toán 3.1.3. Hệ thống sổ kế toán	1			1	1	Đọc TLC 1, 2, 3.
3.2. Mô phỏng các phần hành kế toán 3.2.1. Kế toán vốn bằng tiền	7	6		13	14	Đọc TLC 1, 2, 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TTL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.2.2. Kế toán tài sản cố định</p> <p>3.2.3. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>3.2.4. Kế toán lương và các khoản trích theo lương</p> <p>3.2.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp xây lắp</p> <p>3.2.6. Kế toán hợp đồng xây lắp, bàn giao công trình và dự phòng chi phí bảo hành công trình</p> <p>3.2.7. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả trong doanh nghiệp xây lắp</p>						
Chương 4. KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ	6	2		8	15	
<p>4.1. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ</p> <p>4.1.1. Hệ thống chứng từ kế toán</p> <p>4.1.2. Hệ thống tài khoản kế toán</p> <p>4.1.3. Hệ thống sổ kế toán</p>	2			2	3	Đọc TLC 1, 2, 3.
4.2. Mô phỏng các phần hành kế toán	4	2		6	12	Đọc TLC 1, 2, 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.2.1. Kế toán vốn bằng tiền</p> <p>4.2.2. Kế toán tài sản cố định</p> <p>4.2.3. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>4.2.4. Kế toán lương và các khoản trích theo lương</p> <p>4.2.5. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp dịch vụ</p> <p>4.2.6. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp dịch vụ</p>						
Làm việc nhóm			1	1		
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hệ thống chuẩn mực kiểm toán**
 - Tiếng Anh: **Auditing Standard System**
- Mã học phần: KTKN2805
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thực tập tốt nghiệp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
 - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các nội dung cơ bản của các chuẩn mực kiểm toán trong hệ thống chuẩn mực kiểm toán Quốc tế và Việt Nam. Liệt kê được những khác biệt căn bản giữa hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Qua đó, người học có thể giải thích các chuẩn mực kiểm toán và vận dụng trong hoàn cảnh thực tế kiểm toán.
- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng về nhận thức*: Giải thích được các nguyên tắc xây dựng, ban hành các chuẩn mực kiểm toán quốc tế và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các quy định trách nhiệm chi phối quá trình hành nghề của kiểm toán viên.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Vận dụng các phương pháp, thủ tục kiểm toán vào quá trình kiểm toán trên cơ sở các chuẩn mực kiểm toán để đạt được hiệu quả và chất lượng cao nhất.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.

+ *Kỹ năng tư duy*: Phân tích sự khác biệt khi áp dụng chuẩn mực kiểm toán quốc tế và chuẩn mực kiểm toán Việt Nam vào một tình huống đơn giản cụ thể. Lý giải được nguyên nhân của sự khác biệt.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Khái quát đặc điểm, ý nghĩa và quá trình hình thành và phát triển của chuẩn mực kiểm toán các giai đoạn.

Trình bày các quy định về tổ chức ban hành nguyên tắc xây dựng quy trình xây dựng hệ thống chuẩn mực kiểm toán Quốc tế và Việt Nam.

Giới thiệu một số chuẩn mực kiểm toán Việt Nam cơ bản giúp người học nhận định đúng và định hướng đúng trong quá trình thực hành nghề nghiệp kiểm toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Tài chính (2013), *37 chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), *Kiểm toán tài chính*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân
3. Nguyễn Việt Lợi, Đặng Ngọc Châu (2013), *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư 214/2012/TT-BTC về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*, NXB Tài chính.
2. Bộ môn kiểm toán, trường đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2014), *Kiểm toán*, NXB Lao động Xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới hình thức chủ yếu như: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70% và tham dự đầy đủ các bài thực hành

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN	6				6	12	
1.1. Quá trình hình thành chuẩn mực kiểm toán <i>1.1.1. Quá trình hình thành chuẩn mực kiểm toán Quốc tế</i> <i>1.1.2. Quá trình hình thành chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</i>	3				3	6	- Đọc TLC (2) chương 10; - Đọc TLC (3) chương 1;
1.2. Khái niệm và ý nghĩa chuẩn mực kiểm toán <i>1.2.1. Khái niệm</i> <i>1.2.2. Ý nghĩa chuẩn mực kiểm toán</i>	3				3	6	
CHƯƠNG 2. HỆ THỐNG CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ	8	5	1		14	28	
2.1. Những vấn đề chung về chuẩn mực kiểm toán Quốc tế <i>2.1.1. Cơ quan ban hành</i>	4	1			5	10	- Đọc TLC (2) chương 10; - Đọc TLC (3)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>chuẩn mực kiểm toán Quốc tế</i> 2.1.2. <i>Đặc điểm hệ thống chuẩn mực kiểm toán Quốc tế</i> 2.1.3. <i>Ý nghĩa hệ thống chuẩn mực kiểm toán Quốc tế</i>							chương 1;
2.2. Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế 2.2.1. <i>Chuẩn mực chung</i> 2.2.2. <i>Chuẩn mực thực hành</i>	4	4			8	16	
Tiểu luận			1		1	2	
CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN VIỆT NAM	8	5			13	26	
3.1. Những vấn đề chung về chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 3.1.1. <i>Cơ quan ban hành chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</i> 3.1.2. <i>Đặc điểm hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</i> 3.1.3. <i>Ý nghĩa hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</i>	3	1			4	8	- Đọc TLC (1); - Đọc TLĐT (1);
3.2. Xây dựng hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 3.2.1. <i>Nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</i> 3.2.2. <i>Quy trình xây dựng hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</i>	2				2	4	
3.3. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam qua các giai đoạn	3	4			7	14	
CHƯƠNG 4. SỰ PHÙ HỢP	8	3	1		12	24	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL,KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
GIỮA CHUẨN MỤC KIỂM TOÁN VIỆT NAM VÀ CHUẨN MỤC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ							
4.1. Thực trạng về sự phù hợp chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán Quốc tế <i>4.1.1. Những điểm giống nhau trong sự phù hợp chuẩn mực kiểm toán</i> <i>4.1.2. Những điểm khác biệt trong sự phù hợp chuẩn mực kiểm toán</i>	5	2			7	14	- Đọc TLC (2); - Đọc TLC (3);
4.2. Nguyên nhân tồn tại những điểm khác biệt trong sự phù hợp chuẩn mực kiểm toán	3	1			4	8	
Tiểu luận			1		1	2	
Cộng	30	13	2		45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán**
 - Tiếng Anh: **Auditing Sumulation**
- Mã học phần: KTKN2806
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thực tập tốt nghiệp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần giúp cho người học hệ thống hóa kiến thức chuyên ngành kiểm toán bằng việc thực hiện kiểm toán các phần hành cơ bản tại đơn vị khách hàng. Thông qua các buổi thực hành người học sẽ vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hiện công việc kiểm toán mô phỏng thực tế.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Khái quát được quy trình kiểm toán chung, đặc điểm, thủ tục kiểm toán cũng như giấy tờ làm việc của từng phần hành kiểm toán.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành các phân hành kiểm toán.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thực hành bài tập lớn trên lớp.

+ *Kỹ năng tư duy*: Tổng hợp đánh giá tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Đánh giá mức độ trọng yếu của các sai phạm đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng lập được kế hoạch kiểm toán trước mỗi cuộc kiểm toán. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và tự chịu trách nhiệm về các phần công việc mà bản thân phụ trách.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Hướng dẫn thực hành chuyên môn trên cơ sở vận dụng hệ thống kiến thức lý thuyết đã được học. Từ đó, tạo cơ hội cho người học trau dồi kiến thức đã được học thông qua các tình huống đóng vai và giải quyết các công việc kế toán cụ thể. Học phần là kênh thông tin quan trọng trong việc trao đổi giữa người học, giảng viên và các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- Học phần hỗ trợ cập nhật các văn bản pháp quy về pháp luật kiểm toán, phục vụ nâng cao kiến thức và khả năng làm việc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lưu Đức Tuyên, Đậu Ngọc Châu (2010), *Kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB Tài chính.

2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), *Kiểm toán tài chính*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. Thịnh Văn Vinh, Giang Thị Xuyến (2012), *Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư 214/2012/TT-BTC về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập

Bài tập: Làm bài tập và thực hành nhóm

Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70% và tham dự đầy đủ các bài thực hành

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành Bài tập lớn

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT, TH	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN	3			3	6	
1.1. Khái niệm, đặc điểm của kiểm toán	1			1	2	- Đọc TLC (2) chương 1;
1.2. Phân loại kiểm toán <i>1.2.1. Phân loại theo chủ thể kiểm toán</i> <i>1.2.2. Phân loại theo đối tượng và lĩnh vực kiểm toán cụ thể</i>	1			1	2	- Đọc TLĐT (1); - Đọc TLĐT (2);
1.3. Hệ thống văn bản pháp luật chi phối hoạt động kiểm toán độc lập	1			1	2	
CHƯƠNG 2. MÔ PHỎNG GIAI ĐOẠN LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN	4	2		6	12	
2.1. Thu thập các thông tin về đơn	1	1		2	4	- Đọc TLC (2)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
vị được kiểm toán <i>2.1.1. Đặc điểm ngành nghề, môi trường hoạt động của của đơn vị được kiểm toán</i> <i>2.1.2. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán</i> <i>2.1.3. Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính</i>						chương 5; - Đọc TLC (3) chương 1 – 2;
2.2. Nhận diện và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trên BCTC của đơn vị được kiểm toán <i>2.2.1. Nhận diện các rủi ro của đơn vị được kiểm toán</i> <i>2.2.2. Đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ báo cáo tài chính</i> <i>2.2.3. Đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ cơ sở dẫn liệu</i>	1	1		2	4	
2.3. Đánh giá và xác lập trọng yếu	1			1	2	
2.4. Tổng hợp kế hoạch kiểm toán	1			1	2	
CHƯƠNG 3. MÔ PHỎNG KIỂM TOÁN VỐN BẰNG TIỀN	3	2		5	10	
3.1. Đặc điểm vốn bằng tiền của đơn vị được kiểm toán	1			1	2	- Đọc TLC (1) chương 5;
3.2. Thực hiện kiểm toán vốn bằng tiền <i>3.2.1. Thủ tục kiểm toán</i> <i>3.2.2. Lập giấy tờ làm việc và</i>	2	2		4	8	- Đọc TLC (2) chương 15; - Đọc TLĐT (1);

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>lưu hồ sơ</i>						
CHƯƠNG 4. MÔ PHỎNG KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO VÀ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH	3	2		5	10	
4.1. Đặc điểm hàng tồn kho của đơn vị được kiểm toán	1			1	2	- Đọc TLC (1) chương 4;
4.2. Thực hiện kiểm toán hàng tồn kho và chi phí sản xuất kinh doanh <i>4.2.1. Thủ tục kiểm toán</i> <i>4.2.2. Lập giấy tờ làm việc và lưu hồ sơ</i>	2	2		4	8	- Đọc TLC (2) chương 11; - Đọc TLC (3) chương 3; - Đọc TLĐT (1);
CHƯƠNG 5. MÔ PHỎNG KIỂM TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	3	2		5	10	
5.1. Đặc điểm tài sản cố định của đơn vị được kiểm toán	1			1	2	- Đọc TLC (1) chương 5;
5.2. Thực hiện kiểm toán tài sản cố định <i>5.2.1. Thủ tục kiểm toán</i> <i>5.2.2. Lập giấy tờ làm việc và lưu hồ sơ</i>	2	2		4	8	- Đọc TLC (2) chương 13; - Đọc TLC (3) chương 3; - Đọc TLĐT (1);
CHƯƠNG 6. MÔ PHỎNG KIỂM TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	3	2		5	10	
6.1. Đặc điểm tiền lương và các khoản trích theo lương của đơn vị được kiểm toán	1			1	2	- Đọc TLC (1) chương 5; - Đọc TLC (2) chương 12;
6.2. Thực hiện kiểm toán tiền	2	2		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lương và các khoản trích theo lương <i>6.2.1. Thủ tục kiểm toán</i> <i>6.2.2. Lập giấy tờ làm việc và lưu hồ sơ</i>						- Đọc TLC (3) chương 3; - Đọc TLĐT (1);
Tiểu luận			1	1	2	
CHƯƠNG 7. MÔ PHỎNG KIỂM TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG, DOANH THU TÀI CHÍNH VÀ THU NHẬP KHÁC	3	2		5	10	
7.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính và thu nhập khác của đơn vị được kiểm toán	1			1	2	- Đọc TLC (1) chương 5; - Đọc TLC (2) chương 16;
7.2. Thực hiện kiểm toán doanh thu bán hàng, doanh thu tài chính và thu nhập khác của đơn vị được kiểm toán <i>7.2.1. Thủ tục kiểm toán</i> <i>7.2.2. Lập giấy tờ làm việc và lưu hồ sơ</i>	2	2		4	8	- Đọc TLC (3) chương 3; - Đọc TLĐT (1);
CHƯƠNG 8. MÔ PHỎNG KIỂM TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN, CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ KHÁC	3	1		4	8	
8.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác của đơn vị được kiểm toán	1			1	2	- Đọc TLC (1) chương 5; - Đọc TLC (2) chương 16;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.2. Thực hiện kiểm toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác <i>8.2.1. Thủ tục kiểm toán</i> <i>8.2.2. Lập giấy tờ làm việc và lưu hồ sơ</i>	2	1		3	6	- Đọc TLC (3) chương 3; - Đọc TLĐT (1);
CHƯƠNG 9. TỔNG HỢP, KẾT LUẬN VÀ LẬP BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5			5	10	
9.1. Tổng hợp kết quả kiểm toán <i>9.1.1. Phân tích tổng thể báo cáo tài chính lần cuối</i> <i>9.1.2. Tổng hợp kết quả kiểm toán</i> <i>9.1.3. Trao đổi kết quả kiểm toán với Ban giám đốc đơn vị được kiểm toán</i> <i>9.1.4. Thu thập thư giải trình của Ban giám đốc đơn vị được kiểm toán</i>	2			4	8	- Đọc TLC (1) chương 6; - Đọc TLC (2) chương 7; - Đọc TLC (3) chương 4; - Đọc TLĐT (1);
9.2. Lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý <i>9.2.1. Lập báo cáo kiểm toán</i> <i>9.2.2. Lập thư quản lý</i>	2			4	8	
9.3. Soát xét và phát hành báo cáo kiểm toán <i>9.3.1. Soát xét độc lập của thành viên Ban giám đốc doanh nghiệp kiểm toán</i> <i>9.3.2. Phát hành báo cáo kiểm toán</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT, TH	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tiểu luận			1	1	2	
Cộng	30	13	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.